

## F O R U M

Từ Châu Phi sang Châu Á

### BẦU CỬ VÀ DÂN CHỦ

Nguyễn Quang



Cô Ba (Nàng Ba), tranh thờ Hàng trống

#### mục lục

2 Bạn đọc và *Diễn Đàn*

#### thời sự & những vấn đề

- |                                |              |
|--------------------------------|--------------|
| 1 Bầu cử và dân chủ            | Nguyễn Quang |
| 4 Tin tức                      |              |
| 12 25 năm sau...               | Phong Quang  |
| 14 Little Havana Little Saigon | Nguyễn Lộc   |

#### chúng từ

- |                       |              |
|-----------------------|--------------|
| 16 Chuyện kể năm 2000 | Bùi Ngọc Tấn |
|-----------------------|--------------|

#### văn hoá & khoa học & nghệ thuật

- |   |                    |
|---|--------------------|
| 22 Điểm sách                                      | Nguyễn Trọng Nghĩa |
| 24 Sợ hơn bão táp                                 | Cao Xuân Hạo       |
| 25 Pháo Tết (thơ)                                 | Nguyễn Duy         |
| 26 Từ <i>siêu người mẫu</i> đến <i>nữ nhà văn</i> | Kiến Văn           |
| 27 Một cõi đi về                                  | Phan Tam Khé       |
| 28 Sống dễ lắm ( <i>truyện ngắn</i> )             | Nguyễn Huy Thiệp   |
| 32 Chân dung nhà văn                              | Lê Minh Hà         |

Do một sự trùng hợp tình cờ, trong tháng ba vừa qua, đã xảy ra hai sự kiện chính trị quan trọng, đánh dấu một bước tiến về dân chủ tại hai lục địa thường được coi là mảnh đất cần cỗi, các ý tưởng dân chủ khó bắt rễ ở đây. Đó là cuộc bầu cử tổng thống ở Đài Loan và Sénégal. Tại cả hai nước, ứng viên của đảng đối lập (Trần Thủy Biển ở Đài Bắc, Abdoulaye Wade ở Dakar) đã thắng phiếu ứng viên của đảng cầm quyền. Hai sự kiện này có nhiều khác biệt, không thể liên hệ và tổng quát hoá một cách khiên cưỡng, song chúng ta có thể rút ra một số bài học :

1) Ở Đài Loan cũng như ở Sénégal, cử tri đã biểu hiện một sự *trưởng thành về chính trị* rất đáng ngạc nhiên. Không kể bộ máy media nằm trọn trong tay chính quyền ngày đêm tuyên truyền một chiều, phải nói cuộc tranh cử (mít tinh, tranh luận) đã diễn ra một cách dân chủ, cuộc bỏ phiếu cũng không có những khiếm khuyết nghiêm trọng, và quan trọng hơn cả, người thất cử đã chấp nhận bản án của cử tri và tiến hành việc chuyển giao quyền bính một cách hoà bình. Điều này tiên thiên không hiển nhiên chút nào : ở Sénégal, thể thức bỏ phiếu hai vòng dễ gây ra gian lận, còn ở Đài Bắc, cuộc đấu phiếu diễn ra dưới con mắt và sức ép (đe dọa nữa) của Bắc Kinh. Nguy cơ càng cao, ý nghĩa của sự chuyển tiếp hoà bình càng lớn. Cạnh đó, nếu ta nhớ rằng ở Nam Phi, việc kế tục tổng thống Nelson Mandela đã diễn ra êm thấm, ở Côte d'Ivoire triển vọng bầu cử cũng khả quan ; ở châu Á cuộc bầu cử Thượng viện Thái Lan (lần đầu tiên qua phổ thông đầu phiếu, 60 % cử tri đi bầu) tiến hành suôn sẻ, quá trình dân chủ hoá ở Indonesia tiếp tục theo đà của nó (tổng thống Wahid đã từng bước thoát khỏi cạm bẫy Đông Timor và dần dà đưa quân nhân ra khỏi chính trường...). Không có gì cấm cản ta nghĩ rằng sự trưởng thành chính trị ở hai châu lục này đang phản bác trên thực tế cái lập luận xằng bậy về sự đối nghịch giữa các " giá trị truyền thống " (mà các chế độ độc tài thường đem ra để duy trì sự thống trị của mình) và ý tưởng dân chủ.

2) Ở Đài Loan cũng như ở Sénégal, cử tri đã đoạn tuyệt với một thứ hệ thống Đảng - Nhà nước. Có cần phải nhắc lại rằng suốt 40 năm qua, Sénégal phải sống dưới ách của đảng

(xem tiếp trang 11)

## Tưởng nhớ anh Nguyễn Thế Học

Tuần qua, ghé thăm gia đình người bạn ở Bỉ, tình cờ tôi được gặp chị Thảo, mới hay tin buồn : anh Nguyễn Thế Học đã từ trần. Anh Học và chị Thảo tốt nghiệp Đại học Sư phạm Sài Gòn trước khi sang Bỉ du học. Sau nhiều năm giảng dạy toán ở Côte d'Ivoire, anh chị đã sang New York, dạy ở Trường Trung học Pháp. Mấy năm gần đây, anh lâm bệnh nặng, anh chị ít liên lạc với bạn bè. Tôi không quen anh chị, nhưng qua các bạn đã du học ở Bỉ và các bạn đã về nước dự hội nghị toán học năm 1977, cũng như qua anh Nguyễn Đình Nghi (anh cả của anh Học, cả hai là con nhà thơ và đạo diễn Thế Lữ), tôi được nghe nói nhiều tới anh chị. Tiếc thay khi có dịp, thì chỉ còn được gặp chị.

Qua câu chuyện hàn huyên, tôi được hiểu thêm về anh Học. Chị Thảo có chép tặng bài thơ mà chị gửi cảm ơn bạn bè đã chia buồn. Tôi xin phép gửi kèm đây để chia sẻ với bầu bạn của anh chị ở năm châu.

### Khi ta còn nhau

Thảo Nguyễn

Tay cầm tay khẽ nói  
Em vui sướng bên anh,  
Dù trời kia sắp tối,  
Dù dông bão vây quanh.  
Nuốt dòng nước mắt rơi,  
Với anh em đang cười.  
Ôm em đi anh nhé,  
Thả tung mái tóc lơ.  
Có gì mà phải khóc,  
Có chi mà tủi sầu,  
Đừng khổ trước khi đau,  
Khi ta còn có nhau.  
Còn cầm tay han hời,  
Còn nhìn trong mắt sâu,  
Còn có từng ngày mới,  
Mỗi ngày mỗi nhiệm mầu.  
Mỗi ngày là châu ngọc  
Dịu ngọt hay đắng cay,  
Đừng đánh mất hôm nay,  
Ta sẽ thương tiếc mãi...  
Ồ đôi ta có nhau,  
Bình yên như trái đất,  
Trời mây nước nơi đây  
Giờ phút này đẹp nhất.

N. N. (Paris, Pháp)

### Tin buồn

Chúng tôi được tin

anh *Jean-Baptiste Nguyễn Thế Học*

đã từ trần ngày 14 tháng 2 năm 2000 tại New York sau mấy năm trọng bệnh, thọ 63 tuổi.

*Diễn Đàn* xin thành thực chia buồn cùng chị Thảo, anh Nguyễn Đình Nghi và toàn thể tang quyến.

## Bạn đọc và Diễn Đàn

### Từ điển Pháp-Việt nào tốt nhất ?

Số vừa rồi, tôi chọn đọc ngay bài... không có tác giả : *Tìm chữ xuyên không gian Xibe*. Nhiều chuyện cao siêu và kỹ thuật tôi không hiểu, nhưng thấy thú vị. Nói đến chữ nghĩa, nhân tiện xin hỏi các anh : hiện nay cuốn từ điển Pháp-Việt nào là tốt nhất, mua ở đâu ?

V. L. (Champigny-sur-Marne, Pháp)

*&* Nếu anh hỏi : cuốn nào mới nhất, thì chúng tôi có thể trả lời. Đó là cuốn **Từ điển Pháp-Việt** do Lê Khả Kế chủ biên, do tổ chức Pháp ngữ ACCT tài trợ, xuất bản lần đầu năm 1981 tại Pháp. Từ đó đến nay, cuốn này đã được sửa đổi đôi chút và tái bản nhiều lần ở Việt Nam (nhà xuất bản Khoa học Xã hội). Thực ra, có một cuốn mới hơn : **Từ điển Pháp-Việt** của Vũ Ngọc Đĩnh (Nhà xuất bản Thế Giới, Hà Nội, 1995) song vốn từ nhỏ hơn, nhắm đối tượng chính là học sinh, sinh viên những năm đầu học tiếng Pháp. Hai cuốn này có ưu điểm là (tương đối) dễ tìm mua, cung cấp nhiều từ ngữ thông dụng hiện nay ở trong nước, đặc biệt là các thuật ngữ khoa học kỹ thuật (nhất là cuốn đầu). Khuyết điểm chính : từ vựng tiếng Pháp thì vừa thiếu vừa thừa. Cuốn đầu thừa nhiều từ cổ (không phải chỗ trong một cuốn từ điển phổ thông, mà mục đích là cung cấp vốn từ đương đại). Cả hai thiếu nhiều từ mới (hoặc nghĩa mới). Hai nguyên nhân chính : một là các tác giả không có điều kiện tiếp xúc thường nhật với tiếng Pháp và môi trường Pháp ngữ hiện đại ; hai là một số khái niệm tiếng Việt chưa có từ ngữ tương ứng. Trong trường hợp này, lẽ ra nhà từ điển học phải làm thêm công việc tạo từ mà Đào Duy Anh đã làm từ những năm 1930 (trong hai cuốn *Hán Việt từ điển* và *Pháp Việt từ điển*), Hoàng Xuân Hãn từ thập niên 1940 (với *Danh từ Khoa học*), và tiếp đó là các nhà biên soạn thuật ngữ khoa học kỹ thuật.

Trở lại câu hỏi của anh : nếu anh thay chữ Pháp bằng chữ Anh, thì chúng tôi xin giới thiệu cuốn **Từ điển Anh-Việt**, nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 1975, từ đó đã được in lại nhiều lần (chui và không chui) ở Việt Nam, Hồng Kông và Mỹ. Khuyết điểm chính : tuổi cao của nó (25 năm rồi).

Trong khi chờ đợi một cuốn Từ điển Pháp-Việt xứng đáng với nhu cầu giao lưu hiện nay, chỉ còn cách, nếu có thể mua và nếu mua được, thì mua một trong hai cuốn trên, và một trong những cuốn trước đó : Đào Duy Anh, Đào Văn Tập, Đào Đăng Vỹ, Thanh Nghị.

**đính chính** Trong bài *Gặp một người Mỹ...* của Nguyễn Văn Thọ (ĐĐ số 95, trang 16-18), chúng tôi đã bỏ sót những lỗi chính tả. Xin bạn đọc lượng thứ và vui lòng sửa lại cho đúng : Potsdam, Reisegewerbe, Forsythien, Korea (thay vì đã viết sai : Postdam, Reisegewebe, Vorsitien, Koria).

## Im lặng trước cuộc đối thoại sử học ?

Vừa rồi về nước, tôi nghe nói tới cuốn *Đối thoại sử học* của nhiều tác giả, dày hơn 500 trang, nhà xuất bản Thanh Niên. Cuốn sách đặt lại nhiều vấn đề sử học và phê bình những luận điểm được coi là chính thống trong suốt mấy chục năm qua. Trở lại Pháp, tìm đọc mấy số báo vừa qua, không thấy ĐĐ nói tới. Tôi hơi ngạc nhiên vì tờ báo vẫn cổ vũ những cuộc tranh luận ý kiến. Chẳng có lẽ ban biên tập chưa có cuốn sách này. Sự im lặng này phải hiểu ra sao ?

T.V.N. (Bordeaux, Pháp)

*✍️ &* Nghe bạn bè nói tới, chúng tôi cũng đã tìm mua cuốn sách này. Phải thú thực là ngay từ bài đầu “*Lịch sử và văn hoá*” của Bùi Thiết (tác giả của 18 trên 33 bài tập hợp trong cuốn sách), chúng tôi đã... ngã ngửa trước những nhận định bao quát phải nói là quá độc đáo : “ (...) *Lịch Sử* thuộc cấp độ khái niệm cao hơn *Văn Hoá* (...) *Lịch Sử* là nhằm để chỉ hết thảy mọi hành vi của con người (...) trong tiến trình lịch sử của mình, mà cái gọi là hành vi lại bao gồm rất nhiều thứ, nhưng chung quy lại gồm hành vi có lợi và có hại (...) Như vậy, *văn hoá* không bao quát hết lịch sử, mà để chỉ hành vi thiện của nhân loại mà thôi; Và hành vi ác, có hại của con người trong lịch sử không được xếp vào khái niệm văn hoá. Hay nói cách khác: *Lịch sử* thì có thiện, có ác, có bất lương, có đố kỵ, còn *văn hoá* chỉ có những gì thuộc về lợi ích và tốt đẹp ” (tr.9-10). Những câu văn hẩu lớn, chứa đựng những ý tưởng hồ đồ, bất chấp cả những hiểu biết sơ đẳng về lịch sử và văn hoá như vậy, độc giả bình thường đọc đến đây chắc phải đóng cuốn sách mang tựa đề *Đối thoại sử học*.

Xét về nội dung, nó xa lạ với phương pháp luận và tác phong sử học, mà gần gũi với định nghĩa “*lịch sử*” của ông Bùi Thiết, ít nhất ở cái “*cấp độ cao hơn văn hoá*” : “*ác*”, “*bất lương*”, “*đố kỵ*”, *đủ hết*. Ông Bùi không ngần ngại chụp lên đầu hai nhà sử học có uy tín là đã “*tâng công kháng chiến*” cho một ông tổ của họ (thế kỉ XV, nghĩa là hơn cả “*tám đời*”). Không phải tình cờ mà “*tác phẩm sử học*” này được phát hành sau một năm đơn từ, tố cáo, gửi tới các quan chức của đảng, tố cáo lý lịch của một trong hai nhà sử học nói trên (lần này, người ta kể tội gần hơn : anh em với một cựu thủ tướng “*ngụy quyền Sài Gòn*”).

Kể ra thì cũng có tiến bộ : cách đây mười, mười lăm năm, muốn hại nhau, người ta chẳng cần viết sách làm gì.

## DIỄN ĐÀN FORUM

—  
Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đổ  
Tổng biên tập : Hà Dương Tường  
Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao,  
Bùi Mộng Hùng (1932-1999), Văn Ngọc  
Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý :  
Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lệ,  
Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa,  
Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,  
Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thuỷ,  
Đặng Tiến, Nam Trần, Hoài Văn, Kiến Văn,  
Hải Văn, Hoà Văn

## Giá biểu quảng cáo và rao vặt

**Rao vặt** : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

**Quảng cáo** : 1/8 trang : 180F, 1/4 trang : 300F, 1/2 trang : 550 F trang, 1 trang : 1000F (giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %).

**đăng liên tiếp nhiều số báo** : lần thứ hai : bớt 10 %, từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %.

**Chúng từ đăng tải** : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện).

## Phiếu mua báo *Diễn Đàn*

Họ và tên.....

mua một năm báo *Diễn Đàn* kể từ tháng..... (số.....).

Kèm theo đây là ngân phiếu ..... FF

Giá mua 1 năm báo (11 số) :

Pháp (kể cả các tỉnh & lãnh thổ DOM TOM : 250 FF, tức là 40 Euro ) ; Châu Âu ngoài Pháp : 280 FF = 45 Euro ;  
Các nước ngoài châu Âu : 330 FF = 50 Euro ) .

Ngân phiếu xin đề tên DIENDAN FORUM và gửi về : DIENDAN FORUM, B.P.50, 92340 BOURG-LA-REINE (France).

Bạn đọc ở **Pháp** có thể chuyển thẳng vào CCP 4.416.14 W Paris

Bạn đọc ở **Châu Âu** thuộc khối Liên hiệp kinh tế UE có thể ra bưu điện chuyển thẳng số tiền tương đương với 280 FF vào trương mục CCP số 30041 00001 0441614 W 020 76 của *Diễn Đàn*. Như vậy tránh được cho chúng tôi hơn 80 FF lệ phí các loại mỗi lần nhận được Eurocheque hoặc Money Order.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 60 USD đề tên ông HOANG NGUYỄN và gửi về toà soạn (xem trên).

Bạn đọc ở **Canada** và **Úc** xin gửi money order 60 USD đề tên ông HOANG NGUYỄN và gửi về toà soạn (xem trên).

Bạn đọc ở Ba Lan, giá đặc biệt : số tiền zloti tương đương với 15 USD/năm, séc đề tên P. Le Duc, tài khoản PKO S.A., IV O. W. Warszawie, 12401053-40149879-2700-201112-001-0000 (for Forum).

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trương mục Journal diendan, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1 : xin viết thư về toà soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bulletin de versement virement*).

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung) DIENDAN-FORUM (Bank : SPARKASSE AMBARG-SULZBERG, Konto : N□ 380 48 94 76 : blz 752 500 00).

# TIN TỨC

## Luật doanh nghiệp : tranh chấp giữa thủ tướng và nhiều bộ

Hơn hai tháng sau khi chính phủ ban hành (ngày 2.3) những nghị định thi hành luật doanh nghiệp và quyết định số 19 bãi bỏ 89 giấy phép trái với luật này (xem ĐĐ số 95), nhiều cơ quan nhà nước ở các cấp trung ương và địa phương vẫn còn kháng cự, chưa chịu chấp hành luật một cách nghiêm túc : có đến bốn bộ - xây dựng, vận tải, thủy sản, y tế - đòi chính phủ cho ‘tái hiệu lực’ một số giấy phép bị bãi bỏ. Hơn thế nữa, để ‘lách’ qua luật mới, một số bộ - xây dựng, văn hoá - lại tự đặt ra những giấy phép trá hình... (xem tin về nghề ca sĩ dưới đây).

Hai tuần sau khi quyết định 19 của chính phủ bãi bỏ giấy phép hành nghề xây dựng, bộ xây dựng đã ra thông tư buộc các doanh nghiệp hành nghề xây dựng phải ‘đăng ký kinh doanh xây dựng’ tại các sở xây dựng. Các doanh nghiệp đã có giấy phép hành nghề xây dựng trước đây thì coi như đã đăng ký. Những doanh nghiệp mới phải đăng ký hoạt động xây dựng trước khi làm thủ tục đăng ký theo luật kinh doanh. Theo giải thích của bộ, hoạt động xây dựng đòi hỏi một năng lực hành nghề, không phải bất kỳ ai cũng có thể đứng ra nhận thi công nhà cửa.

Về phía Tổ công tác thi hành luật doanh nghiệp của chính phủ, ông Nguyễn Đình Cung, thư ký của tổ, cho rằng thông tư của bộ xây dựng là trái với quyền tự do lập doanh nghiệp đã được thể chế hoá. Đòi hỏi đăng ký hoạt động xây dựng của bộ nhằm xác định năng lực hành nghề xây dựng của doanh nghiệp, trong khi bộ không đề ra những tiêu chuẩn của hoạt động xây dựng, ngoài việc kê khai nhân lực kỹ thuật và một số thiết bị. Vậy thì việc xác nhận một doanh nghiệp có đủ hay không đủ điều kiện hoạt động xây dựng hoàn toàn tùy thuộc ‘sự phán xét’ của cán bộ sở xây dựng theo cơ chế ‘xin-cho’. Cho nên, theo ông Cung, việc đăng ký hoạt động xây dựng chỉ là ‘hình thức biến tướng’ của giấy phép hành nghề xây dựng đã bị chính phủ bãi bỏ.

Một cuộc tranh chấp gay gắt khác đang xảy ra tại Thành phố Hồ Chí Minh giữa Hợp tác xã vận tải Sao Việt, một doanh nghiệp taxi mới thành lập, và bộ giao thông vận tải vừa ra quyết định cho sở giao thông vận tải TPHCM ngăn chặn sự thành lập doanh nghiệp taxi mới này. Bộ giao thông vận tải căn cứ vào một công văn năm 1998 của chính phủ tạm dừng việc cấp giấy phép cho các doanh nghiệp taxi mới tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

Về phía Tổ công tác thi hành luật doanh nghiệp của chính phủ, ông Nguyễn Đình Cung khẳng định công văn năm 1998 của chính phủ đương nhiên hết giá trị từ khi luật doanh nghiệp

có hiệu lực. Trước đó, theo các luật công ty và luật doanh nghiệp tư nhân, người muốn thành lập doanh nghiệp phải được uỷ ban nhân dân tỉnh, thành cấp giấy phép. Nay, thay thế hai luật trên, “*luật doanh nghiệp không cho phép cơ quan quản lý nhà nước quyền cho hay không cho thành lập doanh nghiệp*”. Đòi hỏi của bộ và sở giao thông vận tải TPHCM, thật ra, chỉ nhằm hạn chế tính cạnh tranh và bảo vệ thế độc quyền của các doanh nghiệp taxi hiện có. Theo ý kiến của Tổ công tác, quyết định tạm dừng thành lập thêm doanh nghiệp taxi chỉ có thể áp dụng cho doanh nghiệp nhà nước thuộc bộ giao thông vận tải, không thể áp dụng đối với các chủ đầu tư khác : “*Vì với tư cách là đại diện cho chủ sở hữu nhà nước, bộ giao thông vận tải có quyền tạm không cho thành lập đơn vị kinh doanh dịch vụ taxi nếu thấy đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp này không hiệu quả*”.

Trước những lực cản ngày càng công khai từ các cơ quan và cán bộ nhà nước muốn duy trì quyền cấp phép kinh doanh - với bóng lộc kèm theo -, thủ tướng đã phải ra thông báo ngày 23.3 yêu cầu các bộ trưởng, thủ trưởng các cơ quan trung ương, chủ tịch uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành “*phải thực hiện nghiêm*” các nghị định thi hành luật doanh nghiệp và quyết định 19, có thể kiến nghị ý kiến chứ “*không được tự ý làm trái*”.

Thông báo còn cho biết chính phủ sẽ tiếp tục rà soát các văn bản có liên quan để tiếp tục bãi bỏ các giấy phép trái với luật doanh nghiệp ; theo báo chí, có khoảng 70 giấy phép sẽ bị huỷ bỏ trong đợt hai. Cho đến nay, Tổ công tác đã thống kê 305 loại giấy phép và kêu gọi dân : “*ai phát hiện có giấy phép nào nữa, xin thông báo để chúng tôi báo cáo chính phủ xử lý*”. Điều 2 của quyết định 19 còn qui định rằng : “*tất cả các loại giấy phép kinh doanh khác do các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc chính phủ và uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, thành, ban hành mà không căn cứ vào luật, pháp lệnh, nghị định, đều hết hiệu lực thi hành từ ngày 1.7.2000*”. Đối với những hành động đi ngược chiều của một số cơ quan và cán bộ nhà nước, công luận - theo báo Lao Động - chờ đợi ở chính phủ “*sự nghiêm khắc cần thiết để niềm tin của doanh nhân vào quyết tâm cải cách môi trường kinh doanh được khẳng định và không suy giảm*”. (Lao Động 15, 23 và 29.3 ; Thời báo Kinh tế Sài Gòn 30.3 và 6.4 ; Tuổi Trẻ 11 và 25.3 ; Thanh Niên 27.2.2000)

## Giấy phép hành nghề ca sĩ : “ không đơn giản là hát đạt yêu cầu là được ” !

Sau khi quyết định số 19 của chính phủ bỏ 84 giấy phép trong đó có ‘giấy phép ca nhạc’, bộ văn hoá-thông tin cho biết ngay rằng giấy phép nói trên chỉ liên quan đến các địa điểm sinh hoạt ca hát không mang tính chuyên nghiệp - trừ hoạt động karaoke vẫn phải xin giấy phép hành nghề (?). Đối với hoạt động tổ chức biểu diễn chuyên nghiệp thì vẫn tiếp tục áp dụng qui chế giấy phép hiện hành. Đồng thời bộ văn hoá-thông tin cho biết, từ đầu tháng 4, sẽ đưa vào áp dụng ‘giấy phép hành nghề hoạt động biểu diễn nghệ thuật’, gọi nôm na là giấy phép hành nghề ca sĩ. Từ nay, theo một qui chế của bộ ban hành trong năm 1999, chỉ ca sĩ có giấy phép hành nghề mới có quyền biểu diễn có thu tiền. Giấy phép này mang hình thức một thẻ, có giá trị trong 5 năm, được cấp cho ca sĩ sau khi

qua sự kiểm tra của một ‘hội đồng thẩm định’ và đóng một mức lệ phí ấn định ở Thành phố Chí Minh là 200 000 đồng. Cả nước hiện có khoảng 8000 ca sĩ chuyên nghiệp.

Song quái gở nhất là những qui định của bộ văn hoá-thông tin theo đó hội đồng thẩm định sẽ kiểm tra ca sĩ và các nghệ sĩ biểu diễn : 1) về phẩm chất đạo đức : phải có cuộc sống lành mạnh, chấp hành mọi chủ trương của Đảng và nhà nước ; 2) về trình độ văn hoá : phải học hết phổ thông trung học ; 3) về kiến thức nghệ thuật : phải trả lời được những câu hỏi như chức năng của nghệ thuật, sân khấu Việt Nam có bao nhiêu thể loại... ; 4) về trình độ biểu diễn nghệ thuật theo bộ môn chuyên ngành (ca nhạc, tuồng, chèo, cải lương, kịch nói, múa rối, xiếc...). Theo ông Tiến Thọ, cục trưởng biểu diễn của bộ văn hoá-thông tin : “ *Không đơn giản là nghệ sĩ chỉ hát, múa một hai bài đạt yêu cầu là được. Việc thẩm định này ngoài năng lực làm nghề, còn là trình độ chính trị, khả năng hiểu biết về văn hoá dân tộc và khả năng ứng xử với công chúng, tóm lại là cái nền văn hoá của nghệ sĩ* ” (sic)

Cách thức bộ văn hoá-thông tin áp dụng qui chế đề ra lại còn siêu thực hơn nữa. Ông Lê Nam, trưởng phòng quản lý biểu diễn, đã trả lời phỏng vấn của báo Tuổi Trẻ như sau : 1/ Những ca sĩ thành danh nhưng không đạt yêu cầu thẩm định trên sẽ không được cấp giấy phép ? - “ *Theo tôi, họ vẫn sẽ được cấp thẻ nhưng là loại thẻ tạm thời (2 năm) ; sau đó, họ phải học tập và phấn đấu để đạt các yêu cầu trên* ”. 2/ Nhưng nếu họ vẫn không đạt ? - “ *Sẽ gia hạn thẻ tạm thời* ”. 3/ Vậy có nghĩa là sẽ cấp thẻ cho tất cả những ai muốn hoạt động biểu diễn dù đạt hay không đạt tiêu chuẩn ? - “ *Trước mắt là như vậy vì cấp thẻ còn nhằm quản lý ca sĩ* ” (! !)

Nhận định về giấy phép hành nghề ca sĩ của bộ văn hoá-thông tin, một chuyên viên của chính phủ, ông Vũ Quốc Tuấn, cho rằng đó là “ *chuyện khôi hài* ”. Còn theo một thành viên của Tổ công tác thi hành luật doanh nghiệp của chính phủ thì giấy phép đó thuộc vào loại giấy phép ‘không cần thiết’, tức là không nên duy trì : “ *Bởi lẽ một chương trình ca nhạc, một vở diễn trước khi công diễn đều có xin phép, trong đó có ghi rõ những ca sĩ, diễn viên sẽ trình diễn. Nếu ca sĩ vi phạm những qui định của nhà nước thì có pháp luật xử. Vậy thì cấp giấy phép hành nghề ca sĩ để làm gì ?* ”. (Tuổi Trẻ 9 và 16.3 ; Lao Động 22.3 ; Thanh Niên 27.3 2000)

### **Kinh tế quý 1 : thủ tướng kêu ca sự “ trì trệ ” của bộ máy nhà nước**

Theo những thống kê chính thức do chính phủ công bố, tổng sản phẩm trong nước (GDP) đã tăng 5,6 % trong quý 1 năm 2000 so với cùng thời kỳ năm trước. Giá trị sản xuất công nghiệp đạt 48 300 tỉ đồng, tăng 13,4 %. Kim ngạch xuất khẩu đạt 2,9 tỉ USD, tăng 33,8 % ; nhập khẩu đạt 3,1 tỉ USD, tăng 29,6 % ; nhập siêu chỉ ở mức 216 triệu USD, giảm gần 10 % so với cùng thời kỳ năm ngoái. Cán cân thanh toán của Việt Nam, gồm cán cân vãng lai và cán cân vốn, luôn thặng dư từ quý 1 năm 1999. Giá cả tiêu dùng tháng 3 vừa qua đã giảm 1,1 % so với tháng 2, khiến cho chỉ số giá chỉ tăng 0,8 % trong quý 1. Cũng trong tháng 3, tỉ giá đô la Mỹ giảm 0,1 % so với tháng 2, và chỉ tăng 0,2 % trong ba tháng đầu năm.

Phát biểu trong phiên họp tháng 3 của chính phủ, thủ tướng

Phan Văn Khải cho rằng những chuyển biến trong quý 1 “ *còn quá chậm* ”, nhất là trong đầu tư xây dựng cơ bản và khả năng cạnh tranh của nền kinh tế. Ông Khải yêu cầu lãnh đạo các bộ, ngành và các tỉnh, thành “ *có biện pháp khắc phục ngay tình trạng trì trệ, kém hiệu quả trong điều hành công việc* ”. Ngay trong những cuộc họp thường kỳ của chính phủ, thủ tướng yêu cầu các thành viên chuẩn bị kỹ những ý kiến phát biểu, bảo đảm cho các kỳ họp “ *có hiệu quả thực sự, không lan man, tốn thời giờ vô ích* ”.

Trước đó, trong cuộc gặp gỡ tại Thành phố Hồ Chí Minh với 450 doanh nghiệp, ông Phan Văn Khải có nói đến ‘năm thách thức’ lớn đối với chính phủ của ông. Thứ nhất là mặc dù chính phủ đã tiến hành nhiều biện pháp đồng bộ, nhưng vẫn chưa ngăn chặn đà giảm sút của nền kinh tế Việt Nam. Thứ hai, hiệu quả và khả năng cạnh tranh của nền kinh tế còn rất thấp, nếu tình trạng này kéo dài thì Việt Nam sẽ không có điều kiện tích lũy để công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Thứ ba, số người thất nghiệp ngày càng tăng lên, trở thành một vấn đề nghiêm trọng : ở thành thị, tỷ lệ thất nghiệp lên đến hơn 7 %, còn ở nông thôn người không có việc làm ít nhất là 10 triệu. Thứ tư, một số tệ nạn, như là ma tuý, đang đe nặng lên xã hội, nếu không đẩy lùi được thì sẽ là thảm hoạ cho lớp trẻ trong tương lai. Cuối cùng, bộ máy nhà nước có một thành phần không nhỏ thoái hoá, biến chất, tham nhũng, gây những nhiễu và làm phiền lòng doanh nghiệp và người dân.

Trong cuộc gặp gỡ nói trên giữa thủ tướng và doanh nghiệp, Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam có công bố kết quả của một cuộc thăm dò dư luận trong giới doanh nhân : 80 % các yêu cầu của những doanh nghiệp đưa ra trong cuộc gặp gỡ với thủ tướng năm 1999 đã được các cơ quan chính phủ xử lý ; và 60 % các doanh nghiệp được hỏi cho biết là thoả mãn với cách giải quyết của các cơ quan chính phủ. (Thanh Niên 15.3 ; Tuổi Trẻ 16.3 ; Lao Động 29 và 31.3 ; Thời báo Kinh tế Sài Gòn 6.4 2000)

### **Giáo dục : giảm thời lượng và chương trình học khoảng 15-20 %**

Chính phủ đã chỉ thị cho bộ giáo dục-đào tạo xem xét tổng thể các chương trình dạy học ở cấp tiểu học và trung học để giảm bớt từ 15 đến 20% nội dung và thời lượng học. Những chương trình áp dụng hiện nay, được xây dựng từ năm 1970, bị học sinh và phụ huynh, các thầy cô và các nhà quản lý giáo dục thống nhất đánh giá là ‘quá tải’ về mặt lý thuyết, không phát huy tính chủ động và khả năng suy nghĩ sáng tạo của học sinh. Thêm vào đó, các trường lớp và thiết bị giáo dục cũng bị ‘quá tải’ với sự bùng nổ của số lượng học sinh trong khi cơ sở vật chất đã không theo kịp. Chương trình mới sẽ được thí điểm vào năm học 2000-2001 ở 11 tỉnh thành.

Ngoài ra, bộ giáo dục-đào tạo cũng đang soạn thảo một văn bản mới để đối phó với nạn dạy thêm-học thêm ở các trường phổ thông. Tuy nhiên, theo thứ trưởng giáo dục Lê Vũ Hùng, “ *nghe rằng có thể chấm dứt ngay tình hình dạy thêm-học thêm tràn lan bằng một chỉ thị là điều mong muốn quá đáng, duy ý chí* ”. (Lao Động 2.3 ; Tuổi Trẻ 18.3 ; Sài Gòn Giải phóng 28.3 2000)

## **Xuất cảnh : qui định mới về cấp hộ chiếu**

Từ trung tuần tháng 3 vừa qua, bộ công an đã áp dụng nghị định mới của chính phủ về xuất, nhập cảnh của công dân Việt Nam. Nghị định xác định nguyên tắc các công dân xuất nhập cảnh không phải xin thị thực mà chỉ cần có hộ chiếu hoặc giấy thông hành có giá trị.

Đối với nhân viên nhà nước và doanh nghiệp nhà nước, thủ tục cấp hộ chiếu phổ thông, ngoài mẫu khai xin hộ chiếu, còn có giấy của thủ trưởng cơ quan cử đi nước ngoài công tác hoặc cho phép đi nước ngoài về việc riêng. Đối với mọi trường hợp khác thì chỉ cần giấy xác nhận của công an phường, xã nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hay tạm trú dài hạn. Nghị định còn ghi rõ “ công an phường, xã, không được yêu cầu nhân dân phải xuất trình giấy tờ chứng minh mục đích xuất cảnh ”. Thời hạn giải quyết việc cấp hộ chiếu được qui định là 5 ngày đối với nhân viên nhà nước, nhân viên các doanh nghiệp nhà nước cũng như doanh nghiệp nước ngoài hay liên doanh ; 15 ngày đối với những người khác ; riêng đối với trường hợp đi định cư ở nước ngoài thì là 30 ngày. Hộ chiếu có giá trị 5 năm và được gia hạn một lần với thời hạn không quá 3 năm.

Nghị định mới cũng xác định các trường hợp bộ công an không cấp hộ chiếu : đối với người đang thi hành bản án hình sự ; người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự ; người đang có nghĩa vụ nộp thuế ; người vi phạm qui chế xuất nhập cảnh bị phạt từ cảnh cáo hành chính trở lên (không được xuất cảnh trong một thời hạn từ 1 đến 5 năm) ; và... “ các trường hợp khác vì lý do bảo vệ an ninh tổ quốc ”. Khi người ta biết công an VN có quyền rộng rãi như thế nào trong việc cất ghĩa và áp dụng luật, điều khoản mơ hồ này nói rõ những hạn chế của một bước tiến cần thiết. (Tuổi Trẻ 14.3 ; Lao Động 2.3 2000)

## **Chủ tịch Trần Đức Lương đi thăm ba nước trong khối Liên Xô cũ, dự hội nghị G77**

Hôm mồng 5 tháng 4, Chủ Tịch Việt Nam Trần Đức Lương đã rời Hà Nội đi thăm chính thức ba nước Ukraine, Cuba và Mông Cổ. Cuộc đi thăm kéo dài hai tuần lễ. Đối với Ukraine, đây là lần đầu tiên chủ tịch Việt Nam đến viếng nước này sau khi Liên Xô tan rã năm 1991. Trước kia Việt Nam và Ukraine có quan hệ thương mại quan trọng trong khối COMECON. Nhưng từ ngày Liên Xô sụp đổ, kinh tế Ukraine cũng tàn lụi dần. Trong phái đoàn ông Lương có ngoại trưởng Nguyễn Dy Niên, bộ trưởng xây dựng Nguyễn Mạnh Kiên và bộ trưởng tư pháp Nguyễn Đình Lộc và một số nhân viên cao cấp ngành kinh tế.

Sau Ukraine đoàn qua Cuba. Ở đây Chủ Tịch Trần Đức Lương tham dự hội nghị cấp cao các nước phương Nam (chỉ chung những nước “ đang phát triển “), tức Phong trào không liên kết cũ, vẫn quen gọi là khối G-77, hình thành năm 1964 và hiện nay có 133 nước tham gia. Sáu mươi lăm nước ngoài G-77 cũng được mời dự, trong đó có Mỹ. Hội nghị tập trung vào vấn đề toàn cầu hoá kinh tế, kỹ thuật mới, quan hệ Bắc Nam và quan hệ hợp tác giữa các nước “ phía nam ” với nhau. Tại Habana, ông Lương đã hội đàm với tổng thư ký Liên hiệp quốc Kofi Annan, tổng thống Algérie Bouteflika và một số vị lãnh đạo của những nước tham dự hội nghị.

Từ Cuba, chủ tịch Trần Đức Lương đã đi thăm Mông Cổ trong ba ngày 16-18, nhằm đẩy lại quan hệ với một nước đồng minh cũ sau nhiều năm bị khựng lại. (AFP 5.4, VNA 13.4)

## **Xử lý các chất phế thải của các nhà thương**

Hà nội 6 tháng 4, 2000 (AFP) - Việt Nam vừa xây nhà máy đầu tiên xử lý các phế liệu y tế tại TP Hồ Chí Minh. Cho đến nay hơn 4 tấn phế liệu do các nhà thương thải một cách bừa bãi mỗi ngày là một đe dọa lớn cho sức khoẻ dân thành phố.

Bà Trần Thị Ánh Tuyết của sở y tế cho AFP biết nhà máy này, phần lớn do chính phủ Bỉ tài trợ, có khả năng xử lý 8 tấn phế liệu mỗi ngày, và sẽ giải quyết những đồ thải của 182 bệnh viện công và 7000 nhà thương tư, phòng sửa sắc đẹp của thành phố. Ủy ban nhân dân thành phố sẽ trả giá khoảng 0,3 đô la mỗi ký lô chất thải được xử lý. Nhà máy được xây dựng trong khuôn khổ kế hoạch năm năm đề ra năm 1999 để giải quyết vấn đề ô nhiễm. Kế hoạch này do Ngân hàng Phát triển Châu Á tài trợ .

Ô nhiễm hiện là một vấn đề khổng lồ đặt ra cho thành phố và các vùng lân cận. Cán bộ phòng môi trường ước tính có khoảng 11400 tấn phế liệu độc được bỏ một cách bừa bãi xung quanh thành phố mỗi năm. Đầu tháng 4, người ta vừa phát giác ra hơn 50 tấn cá chết trên sông Đồng Nai, là sông cấp nước cho một bể nước phục vụ cho hơn 10 triệu người trong vùng. Năm 1994, quốc hội cũng đã ra một số luật nhằm bảo vệ môi trường, nhưng theo điều tra của bộ khoa học kỹ thuật và môi trường ba năm sau thì hơn một nửa các công ty vi phạm các luật này.

## **Một rừng lim cổ thụ bị “ xoá sổ ”**

Chuyện xảy ra ở xã Khải Xuân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ : một rừng lim cổ thụ, thuộc tài sản quốc gia, có gần 300 cây, có cây to đến mấy người ôm, đã bị biến thành đống tro. Theo lời kể của ông Nguyễn Đức Tông, năm nay ngoài 70 tuổi, người đã được giao trách nhiệm quản lý rừng trong 3 năm trời : “... Cùng với bốn anh em nữa, tôi được giao làm bảo vệ, coi sóc rừng. Được 3 năm thì không hiểu vì sao người ta không giao cho chúng tôi làm việc này nữa. Mỗi vụ cả năm anh em được Hợp tác xã trả cho 3 tạ thóc. Tôi còn nhớ, cây lim đầu tiên bị ngã là cây to nhất ở đỉnh rừng Hồ. Xã có tổ chức bán đấu giá, nhưng chẳng ai có thể mua được cả. Anh Thắng, công an, đã mua được với giá 1,3 triệu đồng, xẻ ra được đến 9 m3 gỗ...”. Anh Tạ Đức Bình, trưởng khu 5 xã Khải Xuân nói trước máy ghi âm : “Gần 20 năm nay tôi làm cán bộ rồi trưởng khu ở đây. Người ta chặt lim, xe cộ chạy ùn ùn, chuyén nào cũng qua nhà tôi. Lim nằm trên cả ba quả đồi. Tôi đã từng phải đi chặt lim theo lệnh đích thân từ đồng chí K.M., nguyên cán bộ chủ chốt của huyện. Hôm ấy, ông ta viết thư tay về, tôi có đọc (không thấy có triện), rồi theo lệnh đồng chí Thắng, Chủ tịch xã, đích thân anh em tôi phải đi chặt. Đến tận 28 Tết âm lịch mới chỉ chặt được có 3 m3. Thế là ông Thắng phải đến tận công trường động viên, bồi dưỡng cho mỗi anh em tôi 10.000 đ/người. Tiếp đó, thấy người ta ô ạt chặt lim, chúng tôi phản đối, họ bảo, theo lệnh của xã, tội đâu xã chịu !.. ”.

Phóng viên báo TN đã đi tìm gặp ông Trần Cao Thắng, Chủ tịch UBND xã Khánh Xuân. Ông giữ một cuốn sổ nhàu nát,

có những dòng viết tay nguệch ngoạc, ông giải trình : “ Tổng số cây chúng tôi đã khai thác là 213 cây. Trong đó, cấp cho đội Bốn 5 cây để làm cầu, đội Năm 23 cây làm đường điện, đội Sáu 10 cây, đội Bảy 3 cây, cũng để làm cầu qua mương. Còn lại UBND xã đổi 3 cây đóng 42 bộ bàn ghế cho hội trường, hiện giờ vẫn còn. Mất trộm 13 cây. Tổng số này là 103 cây. Tổng số tiền thu được, theo như ông nói là : 32.388.000 đ. Số tiền này, xã dùng vào chi cho công tác bảo vệ 717.000 đ ; nộp cho ngân sách xã 6.320.000 đ ; chi cho đường điện 23.351.000 đ...”. Ông Thắng đưa ra kết luận : Ông chặt toàn lim rừng rượt (!) để làm cầu qua mương (!) nên ông không hề có lỗi gì trong chuyện này. Hai nữa, vào cái thời điểm bấy giờ, cái lệnh cấm “khai thác lim” (ông kiên quyết không dùng từ chặt phá) chưa xử nặng như bây giờ !

Ông Tống Kim Sơn, Chánh thanh tra, người trực tiếp theo dõi vụ xoá sổ rừng lim, đã từ chối, không đưa ra một phát ngôn chính thức về quan điểm giải quyết vụ này. Trong khi dân trong vùng vừa phẫn nộ, vừa hồi hộp chờ lời phán xét của vị thần công lý, thì câu trả lời vẫn chìm ngấm, dẫu hơn một nghìn ngày đã trôi qua. (ĐDH, báo Thanh Niên, 24-3-2000)

### **Văn bằng, chứng chỉ giả tràn lan khắp nơi !**

Theo kết quả thanh tra mới nhất của Bộ Giáo dục - Đào tạo ở 41 lớp Đại học tại chức của 7 tỉnh thành trên toàn quốc, thì có tới 9% văn bằng, chứng chỉ giả. Qua kiểm tra 2.443 văn bằng tốt nghiệp phổ thông trung học, đã phát hiện 230 bằng không có tên trong hồ sơ lưu danh sách tốt nghiệp của các sở Giáo dục - Đào tạo. Tại Thái Nguyên, trong lớp quản trị kinh doanh của Viện ĐH Mở, trên 31 sinh viên, thì có tới 11 người sử dụng bằng giả, chiếm 35,48%. Lớp quản trị doanh nghiệp của ĐH Hàng hải, Hải Phòng, chiếm 23,8% (5/21 sinh viên). Lớp ĐH quản lý xã hội của Trường ĐH Khoa học xã hội và nhân văn đặt tại Thanh Hoá, chiếm 19,23%... Lớp ĐH Luật tại chức khoá 1 của Trường ĐH Luật Thái Nguyên có 62 học viên không có tên trong danh sách tốt nghiệp (lưu tại Bộ Giáo dục - Đào tạo và Sở Giáo dục - Đào tạo Thái Nguyên).

Văn bằng, chứng chỉ giả không chỉ được phát hiện ở các lớp ĐH tại chức, mà còn tồn tại ở các lớp đào tạo chính qui khác. Tại Quảng Ninh, qua kiểm tra văn bằng của sinh viên Trường Cao đẳng Sư phạm và 5 trường Trung học Công nghiệp đã phát hiện 11 trường hợp văn bằng giả. Điều đáng chú ý nữa là bằng giả không chỉ thấy ở các đối tượng đang theo học mà còn ở chính cán bộ công chức của ngành giáo dục ! Tại Lâm Đồng, các đối tượng vi phạm không phải là các trường và các đơn vị trực thuộc, mà lại là những người công tác ngay tại Sở và các phòng Giáo dục -Đào tạo ở địa phương.

Tại 10 lớp ĐH tại chức mở tại Nam Định, đoàn thanh tra Sở GD-ĐT đã phát hiện 26 bằng không có tên trong danh sách tốt nghiệp, trong đó có 25 văn bằng giả. Trên toàn địa bàn tỉnh Nam Định, đã phát hiện ra 46 trường hợp khác sử dụng văn bằng bất hợp pháp. Hiện nay, Sở GD-ĐT tỉnh Nam Định đã tiến hành thu bằng và lý lịch xin học của 15 học viên ; thông báo các đơn vị mở lớp và các trường Đại học không cho các học viên này tiếp tục theo học ; thông báo cho các cơ quan quản lý cán bộ để xử lý theo pháp lệnh công chức ; chuyển cho cơ quan công an xác minh nguồn gốc bằng, phân loại và xử lý.

Trường hợp các cán bộ đi học tại chức, sử dụng văn bằng chúng chỉ bất hợp pháp, trong đó số học lý luận để có trình độ cử nhân chính trị, cử nhân luật, ĐH quản lý xã hội... chiếm tỷ lệ khá cao ! Nếu như không bị phát hiện họ còn có thể “ phù phép ” từ những tấm bằng giả này để leo lên những địa vị cao hơn trong xã hội. Việc sử dụng văn bằng chúng chỉ giả ở mức báo động như hiện nay, cũng là do khâu quản lý còn lỏng lẻo, đặc biệt ở một số trường ĐH, do tùy tiện trong việc chiêu sinh, kiểm tra văn bằng chúng chỉ đầu vào, quản lý hồ sơ... nên để sản sinh ra không ít các cử nhân giả, và có cả những “ tiến sĩ giấy ”, như trường hợp bà Trần Thị Liên, Sở Văn hoá - Thông tin tỉnh Thanh Hoá, đã sử dụng bằng ngoại ngữ giả để bảo vệ luận án phó tiến sĩ - nay thống nhất gọi là tiến sĩ !

Những hồi chuông báo động đỏ đang được gióng lên. Không chỉ riêng cho ngành giáo dục, mà đòi hỏi các ngành, các cấp, đặc biệt là các ngành tổ chức và bảo vệ pháp luật phải vào cuộc. (V.T., báo Thanh Niên, 29-3-2000)

### **Vụ án mua bán 174 trẻ em ở Ninh Bình**

Trong ba ngày 28, 29, 30-3-2000, Toà án Nhân dân tỉnh Ninh Bình đã mở phiên toà sơ thẩm xét xử 12 bị cáo trong đường dây mua bán 174 trẻ em làm con nuôi người nước ngoài. Cầm đầu đường dây này là Vũ Tiến Mạnh, nguyên Trưởng phòng Tư pháp, Sở Tư pháp Ninh Bình. Mạnh đã thiết lập một đường dây mua bán trẻ em, móc nối với nhiều đối tượng đi mua gom trẻ sơ sinh, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em gặp hoàn cảnh khó khăn ở nhiều nơi về tập trung nuôi dưỡng, rồi “ môi giới ”, lập hồ sơ, hợp thức hoá, bán cho người nước ngoài làm con nuôi. Đặc biệt, chúng còn thu gom những phụ nữ có thai ngoài giá thú, ngoài kế hoạch về một số địa điểm nuôi dưỡng, chờ đẻ để lấy con của họ đem bán. Trong 6 năm (1992-98), Vũ Tiến Mạnh đã móc nối với nhiều đối tượng thu gom và làm hồ sơ bán trót lọt 174 trẻ em (tổng cộng 210 lượt trẻ em vì có cháu được bán đi bán lại nhiều lần) sang các nước : Pháp, Đức, Bỉ, Mỹ, Luxembourg, Thụy Điển, Argentina, Na Uy, Canada, Israel. Trong số 371 trẻ em mà tỉnh Ninh Bình đã quyết định giao cho người nước ngoài làm con nuôi, thì Vũ Tiến Mạnh đã đứng ra giải quyết 190 hồ sơ sai nguyên tắc. Người nước ngoài nhận con nuôi qua đường dây này thường phải chi phí từ 1000 đến 1500 USD/cháu, trừ các khoản chi phí. Vũ Tiến Mạnh và đồng bọn đã thu lời bất chính hàng trăm triệu đồng. Ngày 30-3, vụ xử kết thúc, toà án tuyên phạt các bị cáo : Vũ Tiến Mạnh 4 năm 6 tháng tù, 10 bị can còn lại từ 12 tháng tù được hưởng án treo đến 2 năm 6 tháng tù giam, phạt tổng cộng 376 triệu đồng đối với 12 bị cáo.

Tháng bảy năm 1998, 11 người đã bị kết án tù tại Tiền Giang vì đã bán 11 trẻ em tuổi từ ba ngày đến 15 tháng cho những cha mẹ nuôi Pháp. Việc nuôi trẻ em bị Pháp và Việt Nam treo lại trong năm 1998, tháng hai vừa qua Pháp với Việt Nam mới ký một thoả thuận hợp tác nhằm đưa vào quy củ việc nhận con nuôi Việt Nam. (Thanh Niên, 31.3, AFP 3.4.2000)

### **Đường Hồ Chí Minh**

Ngày 5.4, thủ tướng Phan Văn Khải đã bỏ lát cước đầu khởi công xây dựng công trình xa lộ Bắc-Nam (tên gọi trong quá trình lập dự án), một trục đường xuyên Việt thứ hai song

hành với quốc lộ (QL)1A, dài 1700 km, và được nhà nước đặt tên chính thức là đường Hồ Chí Minh.

Đường Hồ Chí Minh sẽ cho phép khai thác tiềm năng kinh tế của các tỉnh phía tây và tây nam ; góp phần phân bố lại lực lượng sản xuất, dân cư đô thị, và khu kinh tế ; tạo nên một trục dọc thứ hai về phía tây, cùng với QL1A và các nhánh ngang hình thành một mạng lưới giao thông liên hoàn, liên kết với các cảng, các tỉnh duyên hải miền Trung, đường sắt Bắc-Nam, khu kinh tế trọng điểm, giao lưu quốc tế (đường xuyên Á), các nước tiểu vùng kinh tế khu vực sông Mêkông và các nước khối ASEAN, đồng thời góp phần vào việc bảo vệ lãnh thổ, củng cố quốc phòng.

Giai đoạn 1 (1.241 km) đã được khởi công tại vị trí xây dựng cầu Xuân Sơn (hiện là bến phà Xuân Sơn) bắc qua sông Sơn, trên QL15 thuộc xã Sơn Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình vào cuối tháng ba, đầu tháng 4-2000. Đoạn đường này đi qua 10 tỉnh, bắt đầu từ Xuân Mai (Hà Tây) đến Ngọc Hồi (Kon Tum). Quảng Bình là tỉnh có tuyến đường đi qua dài nhất : 347 km, cộng với hai nhánh ngang đi về phía tây Trường Sơn, một nhánh 65 km, một nhánh 138 km. Bến phà Xuân Sơn, địa điểm được chọn làm lễ khởi công, cũng là điểm bị máy bay Mỹ đánh phá dữ dội nhất trong chiến tranh, vì đây là đầu cầu số 1 chỉ viện sang Lào và các nhánh dọc Trường Sơn. QL1A, đoạn qua tỉnh Quảng Bình thường xuyên bị ngập lụt trong mùa mưa bão. Trong cơn lũ lịch sử vừa qua (1999), đoạn đường này bị ngập lụt nặng nề nhất, gây ách tắc giao thông kéo dài nhất : 30 km đường, từ cầu Quán Hàu đến Vĩnh Linh, trong khi đó đoạn đường từ Hướng Trạch đến Bùng, Cộn, dài 144 km, do ở vị trí cao hơn nên không bị tắc nghẽn.

Ở các đoạn có địa hình thuận lợi, có lưu lượng vận tải lớn, đường được thiết kế theo tiêu chuẩn của đường cao tốc : nền 9m, mặt 6m, gia cố lè 2x1m. Các đoạn có địa hình khó khăn được thiết kế theo tiêu chuẩn đường ô tô thường : nền 7,5m, mặt 5,5m, cục bộ có thể hẹp hơn, gia cố lè 2x1m. Cầu : kích thước chiều ngang bằng chiều ngang của mặt đường ; tải trọng thiết kế 30 tấn, 300kg/m<sup>2</sup>. Tổng mức đầu tư (giai đoạn 1) khoảng 5.300 tỉ đồng. Công trình giai đoạn 1 dự trù sẽ hoàn thành trước mùa mưa 2003. (N.C.T., Tuổi Trẻ Chủ Nhật, 26-3-2000)

## Tuyến đường sắt mới

Một dự án xây dựng tuyến đường sắt nối 3 tỉnh công nghiệp TP Hồ Chí Minh - Đồng Nai - Bà Rịa Vũng Tàu đã được bộ giao thông - vận tải cho nghiên cứu khả thi và đội được thủ tướng chính phủ duyệt.

Theo dự án, đường sắt có khoảng cách giữa hai đường ray là 1m435 (đúng chuẩn quốc tế được định ra từ năm...1886, trước khi Pháp xây dựng đường xe lửa đầu tiên ở Việt Nam với khoảng cách đường ray 1m, chú thích của ĐĐ), cho phép tàu chở khách đạt tốc độ 120 cây số/giờ và tàu chở hàng chạy tốc độ 80 cây số/giờ. Đường sẽ dài khoảng 90 cây số, và trong tương lai sẽ được nối vào hệ đường sắt xuyên Á. Nếu được thực hiện, đường sẽ đủ sức tải 9,5 triệu khách và 3 triệu tấn hàng mỗi năm, tức một phần ba khối lượng vận tải trong vùng. Tuy nhiên, bản tin VNA 3.4 không cho biết ngân sách dự trù của dự án.

## Gian lận trong giới đá banh

Lần đầu tiên toà án Việt Nam đã xử một vụ gian lận trong giới bóng đá. Bốn cầu thủ của hai đội banh một của công an một của quan thuế ra toà về tội đá banh xảo (kết quả được ăn công ký quyết định trước) trong giải vô địch toàn quốc cách đây hai năm. Đội trưởng của đội banh của quan thuế Trương Văn Dũng bị án 12 tháng, Dũng đã thú y đã công ký với giới đá banh cá chuyên nghiệp sắp đặt trước kết quả các trận đá. Hiện tượng đá banh xảo này hiện đang hoành hành mạnh trong toàn Đông Nam Á. Hai cầu thủ cùng đội Nguyễn Phúc Nguyên Chương và Trần Minh Trung bị án 10 tháng tù vì tội đá xảo trong một trận đấu của giải vô địch năm 1977, gian lận đến hàng trăm ngàn đô la đánh cá. Cầu thủ Đinh Thế Nam của đội công an bị treo giò 10 tháng. Trong giới đá banh cá thì Trần Phi Sơn bị án 12 tháng tù. (AFP 3.4.2000)

## Hậu quả của chất da cam

Washington 29 tháng 3, 2000 (AFP) - Theo một nghiên cứu của không quân Mỹ thì việc tiếp cận với chất da cam làm tăng khả năng bị bệnh tiểu đường (diabete). Theo nghiên cứu thì số tiểu đường tăng rõ rệt trong thành phần những phi công và bộ binh đã tham gia chiến tranh Việt Nam.

Theo ông Joel Michalek, người hướng dẫn nghiên cứu, thì lần này người ta đã kiểm được những bằng chứng chắc chắn nhất chứng minh việc tiếp cận với chất da cam làm tăng khả năng bệnh tiểu đường nơi người lớn. Số tiểu đường tăng 47 % trong thành phần những người có tỷ lệ dioxine cao. Dioxine là thành phần của chất da cam liên hệ đến nhiều hậu quả bệnh tật trên những súc vật dùng trong các phòng thí nghiệm. Theo nghiên cứu trên, người ta có thể kết luận là độ tập trung của dioxine càng cao, bệnh tiểu đường càng nặng và xuất hiện càng sớm. Sau khi nghiên cứu được công bố, những nhóm cựu chiến binh hy vọng tiểu đường sẽ được thêm vào danh sách của chín bệnh khác cho phép những cựu chiến binh ở Việt Nam đòi bồi thường.

Nghiên cứu đã theo dõi 1000 người đã tham gia chiến dịch Ranch Hand. Từ 1962 đến 1971, quân đội Mỹ đã rải 72 triệu tấn chất da cam trên các rừng Việt Nam.

## Petro Vietnam vào thị trường chứng khoán

Hà Nội 6 tháng 4, 2000 (AFP) - Lần đầu tiên một công ty Việt Nam hướng về thị trường quốc tế để kiếm vốn. Ngày 6 tháng 4, Petro Vietnam đã ký một thoả thuận với hãng Morgan Stanley Dean Witter để hãng này cố vấn đưa lên thị trường chứng khoán quốc tế, đặc biệt thị trường Nữ Ước từ 300 đến 500 triệu đô la cổ phần năm 2001. Ông Nguyễn Tiến Dũng, giám đốc tài chính của Petro Vietnam nói với AFP : “ *Chúng tôi là công ty Việt Nam đầu tiên tham gia vào thị trường vốn quốc tế*”.

Công ty quốc doanh đang kiếm vốn cho hai dự án hỗn hợp cỡ lớn. Đề án thứ nhất là công ty hỗn hợp ký kết trong 25 năm giữa Petro Vietnam với nhóm đầu Zarubezhneft của Nga để xây tại khu công nghiệp Dung Quất nhà máy lọc dầu đầu tiên ở Việt Nam. Nhà máy đã được khởi công xây cất tháng rồi và sẽ vào hoạt động năm 2003. Trong đề án này Petro Vietnam



phải góp phần nửa số vốn 1,3 tỷ đô la. Đề án thứ hai là công ty hỗn hợp ký kết giữa Petro Vietnam và BP Amoco một công ty Mỹ-Anh, Statoil của Na Uy và công ty quốc doanh Ấn Oil and Natural Gas Corp. để khai thác khí. Số vốn được ước lượng là 1,5 tỷ mỹ kim.

## Đấu đá về nhân sự

Hội nghị trung ương đảng CSVN lần 9 đã cảnh cáo và khiển trách các uỷ viên trung ương Đinh Trung, bí thư Tỉnh uỷ Bình Thuận, Hoàng Văn Nghiên, chủ tịch uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội, Trần Xuân Giá, bộ trưởng bộ kế hoạch và đầu tư về các vụ lem nhem thuộc trách nhiệm của mình. Ông Đinh Trung về vụ rừng Tánh Linh, các ông Hoàng Văn Nghiên và Trần Xuân Giá

về vụ thủy cung Thăng Long. Hội nghị lần trước cũng đã cảnh cáo ông Ngô Xuân Lộc về vụ thủy cung Thăng Long, sau đó ra trước quốc hội thủ tướng Phan Văn Khải đã buộc phải bãi nhiệm ông Lộc trong chức vụ phó thủ tướng kiêm bộ trưởng xây dựng. Song mới đây (ngày 17.4), ông Khải đã ký quyết định cử ông Lộc làm 'phái viên của chính phủ trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải', với hầu như gần đầy đủ các thẩm quyền như trước (kể cả quyền tham dự các buổi họp của chính phủ ! tất nhiên là không có quyền ký các quyết định với danh nghĩa phó thủ tướng...). Mọi người đều biết việc ông Lộc bị bãi chức là cú đánh của phe ông Lê Đức Anh. Và quyết định của ông Khải có thể được xem như sự đáp lễ của phe chính phủ ?

### Độc báo trong nước

## Đại học huyện ta

**LTS** : Một hiện tượng suy đồi nghiêm trọng đang xâm chiếm nền giáo dục Việt Nam : hiện tượng sử dụng bằng giả (xem phần tin trong số này). Qua hai tiểu phẩm dưới đây của **Bút Bi**, báo **Tuổi Trẻ** nói rõ trong những điều kiện nào bằng giả đang có mặt ở khắp nơi và không loại trừ đối tượng nào...

*" Ta về đại học huyện ta. Dù trong dù đục cũng là cử nhân "*.

Lời ca ấy vang lên ở nhiều tỉnh, nhiều huyện, nhiều xã, kể từ khi nhà chức trách địa phương phát ra và thực hiện " trên mức nghiêm túc " chủ trương đại học hoá cán bộ, công chức. Nghĩa là mỗi cán bộ có một bằng. Ở đâu ra bây giờ? Bằng trung học coi bộ dễ mua mà cũng dễ trình, thế là chơi ! Sếp này chơi, sếp kia cũng chơi theo để có cái mà nộp vào hồ sơ sinh viên tại chức. Đến chừng thanh tra bộ giáo dục và đào tạo lật lại hồ sơ mới tá hỏa, nên mới đây có báo cáo gửi lên Văn phòng chính phủ : *" Qua kết quả thanh tra ở một số đơn vị, người sử dụng văn bằng bất hợp pháp ở các lớp đại học tại chức phân đông là cán bộ đương chức "*.

Ấy là nói chuyện phong trào mua bằng giả để đi học tại chức, còn phong trào đi học đại học mới cực kỳ hơn. Học ở đâu ? Điều làm cho các bác thanh tra giáo dục " trên cả bất ngờ " là đại học mọc lên như nấm sau mưa ở cấp huyện, thậm chí có nơi " học đại " tại xã ! Ai cho mở đại học huyện ? Xin trích một công văn mở lớp đại học luật coi chơi : *" Trung tâm giáo dục từ xa tỉnh Hà Tây giao cho Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Phú Thọ đăng cai tổ chức lớp học tại huyện, địa điểm học tại..."*. Bộ không phúc đáp vì trái qui định, nhưng lớp đại học luật này vẫn mở đúng như đề nghị đăng cai tổ chức của huyện. Mà đâu chỉ huyện Phú Thọ, tỉnh Hà Tây còn có đại học quản trị kinh doanh ở huyện Quốc Oai, đại học kế toán và quản trị kinh doanh ở huyện Ứng Hoà...

Mà đâu chỉ tỉnh Hà Tây, khi thanh tra về tới đất học Nghệ An, phải tròn xoe mắt trước các đại học huyện nhà : lớp kỹ sư nông học huyện Thanh Chương, cử nhân chính trị huyện Diễn Châu, cử nhân kinh tế huyện Thanh Chương. Còn huyện Đô Lương tỏ ra khí thế hơn, chơi đến ba lớp đại học để đào tạo kỹ sư nông học và cử nhân văn toán cho huyện nhà. Sau khi ghé thăm, đoàn thanh tra ghi vào kết luận như

sau : *" Các lớp đại học tại chức tại các huyện với cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo chỉ phòng học, ban ghế, ngoài ra... không còn gì khác "* !

Nếu những nông dân huyện X ngạc nhiên quá cỡ khi thấy huyện nhà có hơn 100 cử nhân đủ các thể loại và 50 kỹ sư kinh tế chuyên trị nhiều ngành, mà đời sống nhân dân chẳng nhích lên ; nếu người dân huyện Y thấy " chất xám " dày đặc ở huyện nhà tỉ lệ nghịch với chất lượng, chất bột trong bụng, còn hồ sơ đơn từ giấy má " chất đóng " ở các cơ quan xã, huyện... thì người dân chắc phải gửi đơn khiếu nại đến Hội bảo vệ người tiêu dùng (bởi bằng cấp là hàng hoá mua bán được).

Chứ còn bộ giáo dục-đào tạo thì có lẽ ở xa quá, lâu lâu mới xuống thanh tra một lần. Mà từ khi thanh tra cho đến lúc chấn chỉnh, xử lý, dẹp loạn... thì ôi dà, cả một sư đoàn " học giả " đã kịp tốt nghiệp, mang theo tấm bằng vào đời để làm đại.

Còn những trường đại học danh tiếng của chúng ta đã đứng ra liên kết đào tạo và cấp phát văn bằng vô tội vạ thì sao ? Xin miễn bàn ! Có lẽ công việc hiệu quả nhất của các đơn vị này là thu tiền phân trăm từ các lớp đại học tại chức. Càng nhiều càng tốt. Có cầu thì có cung, thậm chí cung cao hơn cầu, nên đôi khi phải " kích cầu ". Các bố chỉ cần cái bằng, mà cái bằng là gì : một miếng giấy, một con dấu, một chữ ký thôi mà. (...)

(**Tuổi Trẻ Cười** tháng 4.2000)

*" Bộ giáo dục ra tay toàn quốc..."*

- Nay ông Bút Bi, nghe nói trong một văn bản mới nhất, lãnh đạo bộ giáo dục- đào tạo có hứa với thủ tướng là sẽ " *truy tìm nguyên nhân và triệt phá tận gốc* " nạn bằng cấp giả.

- Giờ này mà còn hứa tìm nguyên nhân à ? Nạn học giả, bằng giả đã lùm xùm cả chục năm nay, báo chí viết cả trăm bài, quốc hội cũng đã nghe giải trình cả ngàn trang báo cáo...

- Bộ đang " *ra tay toàn quốc* " đấy, phen này...

- Nhưng thưa bác giáo làng, khi bộ " *ra tay toàn quốc* " thì mấy anh xài bằng trung học giả nay đã lấy được bằng phó tiến sĩ rồi.

- Tiến sĩ chứ. Bây giờ làm gì còn phó, lên tiến sĩ hết ráo rồi ! (...)

(**Tuổi Trẻ** 23.3 2000)

## Chiến tranh, nhìn lại

### Những cuộc thăm sát làm chấn động dư luận Hàn Quốc

Tuần báo Mỹ Newsweek số đề ngày 10.4.2000 (và được đem bán một tuần trước) đã đưa ra một hồ sơ về những cuộc thăm sát thường dân mà lính Đại Hàn đã gây ra tại nhiều địa phương miền Trung thời chiến tranh. Bắt nguồn từ một cuộc tranh cãi căng thẳng nổ ra từ hai tháng nay ở Hàn Quốc, các phóng viên của Newsweek đã trở lại Việt Nam và tìm gặp được nhiều nhân chứng còn sống sót của những cuộc thăm sát ở các tỉnh Bình Định, Quảng Ngãi, Phú Yên trong những năm 1966-1967. Tờ báo đưa ra tên tuổi của năm nhân chứng, và kể lại thảm kịch mà họ và gia đình đã trải qua, để kết luận rằng những cuộc giết chóc này “*đã diễn ra không phải là trong những cuộc đụng độ với Việt Cộng*” và “*có vẻ như nằm trong một kế hoạch nhằm ép nông dân (ba tỉnh nói trên) ra khỏi vùng ảnh hưởng của du kích*”. Một trong các nhân chứng đó, ông Nguyễn Văn Thoi năm nay 71 tuổi kể lại vụ thăm sát ở làng Vĩnh Xuân, Phú Yên, vào ngày 1 tháng 4 năm 1967. Nghe tiếng súng nổ đang khi đi làm ruộng, ông Thoi chạy về và phát hiện 15 người dân làng nằm chết trong một vũng máu, trong số đó có vợ và ba trong số bốn đứa con của ông. Đứa nhỏ nhất, mới bốn ngày, bị bắn sau lưng, còn nằm trong vòng tay của vợ ông. Đa số những người chết vì đạn ở bụng hoặc ở lưng, một số bị mổ bụng bằng lưỡi lê...

Tờ báo nhắc lại, từ 1965 đến 1973 Seoul đã gửi tất cả hơn 300 000 lính viễn chinh sang Việt Nam chiến đấu bên cạnh quân Mỹ, đổi lấy gần một tỉ đôla. Trong suốt 8 năm đó, ba sư đoàn Đại Hàn hoạt động ở miền Trung đã nổi tiếng vì những phương pháp tàn bạo và nhiều lần bị Việt Nam tố cáo, song dư luận thế giới và Hàn Quốc hoàn toàn không phản ứng. Năm 1983, một cựu chiến binh, ông Ahn Junghyo đã viết một cuốn sách kể lại những cảnh tàn bạo đó, và nói lên sự chấn động tâm thần của nhiều người lính phải chứng kiến chúng. Song cuốn sách (được in 2000 bản) không có tiếng vang gì, và khi một tạp chí văn học đưa đăng thì bị chính phủ của tướng Chun Doo Hwan đóng cửa. Vấn đề chỉ mới được xới lên lại vài năm gần đây, với tình hình dân chủ hoá của Hàn Quốc. Nhưng dư luận Hàn chỉ thật xôn xao từ tháng hai vừa qua, sau một chương trình của đài truyền hình nhà nước Korean Broadcasting Service, trong đó nhiều cựu binh đã nhận kể lại những vụ thăm sát (đài KBS đã đặt một khung nhiều trên màn hình để họ không bị nhận ra mặt). Người cung cấp tư liệu cho KBS là một nhà sử học trẻ tại đại học Dongkuk (Seoul), cô Koo Soo Jung, vừa hoàn thành một chương trình nghiên cứu 3 năm ở Việt Nam. Một mặt tìm đọc và thu thập các tài liệu viết, mặt khác theo chân những người sống sót để có được những chứng nhân - cô đã phỏng vấn hơn 100 nạn nhân hiện sinh sống ở 19 nước khác nhau -, Koo đã gom góp được một số tài liệu chứng minh khoảng hơn mười vụ thăm sát do quân đội Đại Hàn gây ra, với hơn 8000 thường dân Việt Nam bị giết.

Những tố cáo của Koo và buổi truyền hình của KBS đã làm chấn động giới chính khách tại Seoul, và dĩ nhiên cũng kéo theo nhiều phản ứng giận dữ của một số cựu quân nhân không chịu chấp nhận trách nhiệm của mình trong các cuộc thăm sát. Song, tờ Newsweek cũng đưa tin một số cựu quân nhân khác và nhiều thanh niên Hàn đã qua Việt Nam dựng một đài tưởng niệm xoá hận thù và xin tham gia làm việc tại các làng mạc nơi đã xảy ra những vụ thăm sát. Tháng tư này,

một Đêm Thơ & Nhạc sẽ được tổ chức để quyên tiền cho những hoạt động từ thiện tại Việt Nam. Giới trẻ Hàn Quốc, nhiều người như Koo, như 38 nhà sĩ đã tình nguyện sang Việt Nam tháng trước để làm việc, hiểu rằng họ cần gánh một phần những món nợ của cha anh, và cần được biết về quá khứ một cách đầy đủ, kể cả về những mảng tối nhất. Họ cũng hiểu rằng “*dưới các chế độ độc tài, quân phiệt, không ai có thể nói về những điều này*”, và chính sự dân chủ hoá đất nước từ mấy năm nay đã dẫn tới tình hình là “*không còn ai có thể ngăn chặn được nữa những tiếng nói của lương tâm*”, như một sử gia cũng của đại học Dongkuk, Kang Jeong Koo, đã nói với Newsweek.

Còn về phía Việt Nam ?

Theo Newsweek, Hà Nội “*hốt hoảng*” trước những bài báo về các hành động dã man của quân đội Đại Hàn, mặc dù họ thừa biết là chúng thực sự đã xảy ra, và họ không muốn các bài báo đó được đăng tải ở Việt Nam. Tờ báo giải thích thái độ đó như sau : “*Chính phủ (Việt Nam) sợ rằng chúng không những gây khó khăn cho chính phủ Seoul - mà Việt Nam có quan hệ gần gũi - mà cho cả các tập đoàn tư bản lớn (chaebol) như Daewoo, Hyundai, Samsung, là những nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất vào Việt Nam. Hà Nội cũng lo ngại mất đi số du khách đang tăng trong giới cựu chiến binh Hàn*”. Những lo sợ đó hẳn là có thật, khiến cho báo chí Việt Nam không được phép đưa tin về những chấn động chính trường Hàn Quốc, chung quanh những sự kiện xảy ra đã hơn 30 năm nay ở Việt Nam. Nhưng dù sao người ta cũng nhận thấy rõ rệt một sự tương đồng giữa hai chính quyền : Hà Nội cũng như Seoul, không muốn thấy một nguồn ánh sáng nào rọi chiếu vào những mảng tối của chính mình.

Việt Nam trước hết là nạn nhân của cả hai cuộc chiến do Pháp và Mỹ tiến hành trên đất nước mình. Và đảng Cộng sản là người lãnh đạo hai cuộc kháng chiến của dân tộc. Song có phải là mỗi hành động của đảng, trong chiến tranh cũng như trong những năm hoà bình ở miền bắc, đều là mẫu mực, hoặc chỉ là những “*sai lầm*” khi chúng gây ra đau thương, mất mát trong dân chúng ? Sự tàn bạo của kẻ xâm lăng có gây ra những hành động, phản ứng mà nạn nhân lại là những đồng bào vô tội của mình, mà chính những người trong cuộc sau một thời gian nhìn lại cũng thấy ghê sợ, hổ thẹn với lương tâm ? Rồi những tàn bạo của chính mình, của những người trong phe phái mình, với những mục tiêu, động cơ không phải lúc nào cũng chính đáng, cũng hợp đạo lý, hoặc cũng do thời thế đưa đẩy ? Những lầm lạc, tội ác của từng tập thể, từng cá nhân lãnh đạo hoặc thừa hành, nếu trong phạm vi hình sự phải được các toà án đưa ra xử. Còn trong chính sự ? Lịch sử dĩ nhiên rồi sẽ có những phán xử công minh, song đó là tính cuộc trăm năm hay xa hơn nữa. Còn trước mắt là chính trị, và phải chăng một đường ranh phân biệt giữa chính trị dân chủ và độc tài chính ở cái khả năng mà ông Kang Jeong Koo đã nêu trên kia : khả năng nhìn thẳng thắn vào những lầm lạc, tội ác đã xảy ra để rút kinh nghiệm ngăn chặn chúng trở lại, để nghiên cứu về đạo lý, nâng cao cuộc sống tinh thần của thế hệ trước mắt và mai sau. Những nhà văn, nhà văn hoá, sử gia, trí thức nói chung, có thể có những đóng góp quý báu cho công cuộc ấy, cùng với những nhà hoạt động chính trị dân chủ. Ở Việt Nam 25 năm sau cuộc chiến, họ chưa có được những tự do cần thiết để thực hiện sứ mạng ấy.

H.V.

# BẦU CỬ VÀ DÂN CHỦ...

(tiếp theo trang 1)

“ xã hội ” của Léopold Sédar Senghor (có lẽ người ta sẽ nhớ tới nhà thơ hơn là nhà độc tài đã thủ tiêu nền chính trị đa nguyên) ; rằng từ năm 1960 đến nay, Dakar chỉ có hai đời tổng thống là Senghor và Abou Diouf, mà ông Diouf thì trước khi kế vị Senghor, đã làm thủ tướng trong suốt 10 năm ; rằng tài nguyên của quốc gia đã bị bòn rút đến mức mà mặc dầu chỉ số tăng trưởng kinh tế khá cao (năm nay là 5 %), tổ chức OCDE, trong một báo cáo chính thức (1997) vẫn coi công cuộc phát triển kinh tế Sénégal là “ thua cuộc ” ?

Còn Trung Hoa Quốc Dân Đảng do Tôn Trung Sơn thành lập hồi đầu thế kỉ XX bằng cách liên kết nhiều đảng nhỏ chủ trương nhập tịch những ý tưởng dân chủ (phải nói là khá mơ hồ), thì, với nạn tham nhũng trầm trọng của Trung Hoa Dân Quốc, đã dần dà trở thành một thứ Đảng - Nhà nước với những đặc điểm tương tự như Đảng Cộng sản Trung Quốc ngày nay : độc quyền chính trị, công an trị, chiếm đoạt của công... “ *Công quỹ và quỹ đảng là hai cái bình thông đáy* ”, THQDD hiện nay là chính đảng giàu nhất thế giới, với một tài sản (tất nhiên không nên nhòm ngó vào nguồn gốc của nó) ước tính là 4 tỉ đô la !

Cho nên, có thể nói cuộc bỏ phiếu ở Đài Loan cũng như ở Sénégal trước hết có ý nghĩa một sự trừng phạt, sự thay đổi chính quyền trước tiên là một “ trị liệu pháp tập thể ”. A. Wade đạt 58 % số phiếu (ở thành thị, hơn 75 %), còn ở Đài Loan, trong cuộc tranh cử tay ba, phó tổng thống Lien Chan về hạng chót, thua phiếu Trần Thủy Biển, và thua cả James Soong, đảng viên QDD li khai – thất bại nhục nhã này đe dọa tới cả sự tồn tại của QDD.

3) Phân tích sâu hơn tình hình Đài Loan, có thể nói **người đại thắng** trong cuộc tranh cử vừa không phải là đảng này hay đảng nọ, mà chính là **bản thân chế độ dân chủ**. Thật vậy, đây là lần thứ hai, cử tri Đài Loan trực tiếp bỏ phiếu bầu tổng thống (năm 1996 là Lý Đăng Huy, năm này là Trần Thủy Biển) dưới áp lực và đe dọa trực tiếp của Bắc Kinh (năm 1996 thì bắn tên lửa và diễn tập quân sự ; tháng 2.2000 công bố cuốn Sách Trắng khẳng định khả năng “ thống nhất ” bằng võ lực). Chính vì thế mà thái độ an nhiên và kiên định của cử tri cũng như tỉ số người đi bầu (12,5 trên 15 triệu), sự thắng cử của ứng viên “ đảng độc lập ”, và sự chuyển tiếp hoà bình, tất cả những nhân tố ấy mang lại cho cuộc bầu cử ý nghĩa của một cuộc trưng cầu dân ý chọn lựa giữa hai chế độ. Như mọi người còn nhớ, người dân Hồng Kông và người dân Macao không được quyền chọn lựa : trước ngày trao trả hai nhượng địa, London và Lisboa đã chấp nhận đòi hỏi của Bắc Kinh là không được trưng cầu ý kiến dân chúng về công thức “ nhất quốc lưỡng chế ” (một nước, hai chế độ). Vấn đề mà Bắc Kinh tưởng đã trừ khử được ở hai nhượng địa, nay lại nổi cộm như một hiểm hoạ đối với chính quyền Hoa Lục. Cuộc bầu cử đã kết thúc thời kỳ mà THQDD và THCSĐ vừa là thù địch vừa là đối tác, gắn bó với nhau như ông đồng bà cốt, cả hai đều giương cao khẩu hiệu “ thống nhất tổ quốc ” một cách rất u

“ hai bên đều có lợi ”. Trong khi đó, lưu lượng của mậu dịch và dòng đầu tư cũng như số người Đài Loan trở về lập nghiệp ở Hoa Lục đã đạt tới một mức không thể ngăn chặn : tổng số kim ngạch đầu tư lên tới khoảng 50 tỉ đôla, hơn 100 000 người Đài Loan hiện đang cư trú ở vùng duyên hải đông-nam Trung Quốc... Và nay, ở ngay sát bờ biển Trung Hoa, xuất hiện một đất nước 22 triệu dân, độc lập trên thực tế, kinh tế phát triển cao (đứng hàng thứ 14 trên thế giới về bình quân tổng sản lượng quốc dân tính theo đầu người), nền dân chủ ngày càng củng cố (xem trên) : Đài Loan có nguy cơ trở thành một “ hấp dẫn cực ”, một ngọn cờ trong con mắt của cộng đồng người Hoa trên toàn thế giới, một cộng đồng mà thu nhập và của cải lớn hơn cả Trung Quốc. Đó là một thách thức to lớn từ nay đặt ra cho Trung Quốc. Điều này giải thích cơn cuồng nộ của Trung Nam Hải.

4) Như vậy, phải chăng tư tưởng dân chủ đã bắt rễ vững bền ở Phi Châu và Á Châu ? Khách quan mà nói, thật khó có thể khẳng định như vậy. Truyền thống dân chủ đòi hỏi yếu tố thời gian, và trái với một định kiến (phổ biến ở cả những nước dân chủ “ kỳ cựu ”), bầu cử tự do không đồng nhất với dân chủ. Bầu cử tự do chỉ là một trong những cơ chế, cần thiết đấy nhưng chưa đủ, của nền dân chủ. Nó rất dễ bị lợi dụng và biến chất. Bởi một chính khách mị dân (như vừa qua ở Nga, khi Putin dùng chiến tranh ở Tchetchenia làm liều thuốc lú để người dân quên đi những khó khăn ở trong nước). Hoặc bởi một “ cứu tinh ” nhanh chóng biến thành độc tài khi phe đối lập xuất hiện (như trường hợp tổng thống Fujimoro ở Peru). Hoặc bởi ngay cử tri khi họ quá chán ngán những khó khăn trong đời sống chính trị, coi đó là dấu hiệu của sự bất lực (nạn không đi bầu là một trong những cơn bệnh trầm kha của các nền dân chủ lâu đời).

Thực ra, quá trình dân chủ đi đôi với sự cần thiết phải có luân phiên cầm quyền, mà ở đầu bài, chúng tôi đã gọi là “ phương pháp trị liệu ”. Nếu bầu cử là sự uỷ quyền cho một người, một chính đảng, nghĩa là mang cho họ một “ tính chính đáng ”, thì luân phiên chính là phục sinh sự chính đáng đã bị mai một.

Trước thềm Thế kỷ XXI, ta hãy thử ước mơ một điều. Giác mơ đó là : nhân dịp kỉ niệm 25 năm ngày thống nhất đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam dám mang sự chính đáng của mình ra làm đối tượng của một cuộc bầu cử dân chủ. Các nhà lãnh đạo ĐCS thừa hiểu rằng tương quan lực lượng hiện nay ngả về phía nào : chính sách kinh tế mới, tuy nhiều thiếu sót, dấu sao cũng đã đưa đất nước ra khỏi vực sâu của thập niên 80 ; sau một nửa thế kỷ chiến tranh và xung đột đủ loại, người dân chỉ sợ một điều : hỗn loạn. Trong một cuộc bầu cử thực sự tự do, ĐCS hiện nay sẽ thắng phiếu dễ dàng, và tìm lại được một sự tín nhiệm mới. Khốn một nỗi, sự tín nhiệm mới, sự chính đáng vừa được trao phó trở lại ấy, đến kỳ sau, rồi kỳ sau nữa..., lại phải đem ra “ đặt cược ”, không ai bảo đảm trước kết quả được. Cái nút của vấn đề chính là ở chỗ đó. Thước đo của sự trưởng thành, của niềm tin vào dân chủ, và lòng tự tin, cũng ở chỗ đó.

Nguyễn Quang

Phong Quang

## 25 năm sau...

Tháng tư năm 2000, cả nước kỉ niệm 25 năm ngày tổ quốc thống nhất.

Phóng viên hãng thông tấn quốc tế hỏi một sinh viên Việt Nam : ngày 30-4 bạn sẽ làm gì ? Trả lời : “ *Có lẽ tôi sẽ ngồi xem TV truyền hình lễ kỉ niệm. Nhưng nếu qua vệ tinh, có phim Mỹ thì tôi sẽ xem phim Mỹ* ”. Sinh viên ở Việt Nam chỉ là một thiểu số nhỏ bé trong giới thanh niên. Và trong giới sinh viên, số người có “ *account* ” để xem được phim truyện qua các đài vệ tinh, chắc không quá 10 %. Câu trả lời, nhất là câu thứ nhì, của cậu sinh viên, như vậy là *không tiêu biểu*. Nhưng còn lại là những điều hiển nhiên, hiển nhiên nhưng cũng cần nhắc lại : hơn 50 % người Việt Nam sinh sau ngày 30 tháng 4 năm 1975. Tuyệt đại đa số tuổi trẻ không mấy quan tâm đến quá khứ, tới những vấn đề chính trị : một cuộc điều tra của Trường đại học khoa học xã hội và nhân văn TPHCM cho biết 40 % sinh viên không biết vua Hùng, không biết Trần Quốc Toàn... là ai ; ở California, tuyệt đại đa số giới trẻ xa lạ với những nỗi tiếc quá khứ của thế hệ cha mẹ, hoàn toàn thờ ơ với những ngôn từ chính trị của báo chí, hội đoàn... mà hình như chỉ còn ở Hà Nội mới có vài cơ quan (làm như là) quan tâm.

Hội nghị toàn thể Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam họp lần thứ n (9 hay 10 gì đó), từ ngày 10 đến ngày 19, để thảo luận về “ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001-2010 ”, tiếp tục “ *phê và tự phê* ”. Tự phê thì thông cáo không nói gì. Phê : thêm vài uỷ viên bị khiển trách vì lem nhem. Nhưng giữa kỳ họp, một thông báo của Văn phòng chính phủ cho biết : ông Ngô Xuân Lộc được cử làm cố vấn của Thủ tướng về tất cả các lãnh vực mà ông ta đã phụ trách cách đây mấy tháng với tư cách phó thủ tướng, trước khi bị Hội nghị Trung ương lần thứ n-1 cách chức vì tội tham nhũng (hay ít nhất là bao che tham nhũng). Thời hoàng kim của

### Vinh Phạm biểu diễn ở Paraguay

Được Đại sứ quán Pháp tại Paraguay và Dàn nhạc giao hưởng tỉnh Asuncion mời, Vinh Phạm sẽ độc tấu đàn vĩ cầm (*violon*) với dàn nhạc này, ngày **11-5-2000, tại Asuncion**, dưới sự điều khiển của nhạc trưởng Miguel-Angel Gilardi.

Chương trình buổi hoà nhạc gồm các tác phẩm của Saint-Saens, Verdi, Ravel, Szaran :

- 3e Concerto pour violon của SAINT-SAENS
- Concerto pour violon “ Nuñi y el Tagua ” của SZARAN
- Ouverture des “ Vêpres Siciliennes ” của VERDI
- Boléro của RAVEL

chuyên chế vô sản, chuyện ấy không thể xảy ra, nếu nó xảy ra thì báo chí không được công bố. Ngày nay, nó gần như là “ *chuyện bình thường ở huyện* ”. Tham nhũng là chuyện “ *biết rồi, khổ lắm, nói mãi* ”, chống tham nhũng là chuyện “ *nói mãi* ”, nhưng càng nói, dư luận càng hiểu nó chỉ là những cuộc ân oán giang hồ giữa các thế lực. Ông Ngô Xuân Lộc tham nhũng ra sao, bao che tham nhũng tới mức nào, dư luận không hồ nghi gì cả, chỉ đặt vấn đề : ai đánh, và đánh Ngô Xuân Lộc là nhằm đánh ai ở trên ông ta ? Ai thứ nhất : tướng Lê Đức Anh, còn vài tháng nữa vẫn là một trong ba vị “ *cố vấn của Trung ương* ”. Công cụ của tướng Anh là “ *Tổng cục 2 Bộ quốc phòng* ”. “ *Tổng cục 2* ” dịch nôm na là “ *phòng nhì* ”. Trong thời buổi “ *đa thê thì được, đa nguyên thì đừng* ” này, xin đừng hiểu sai “ *phòng nhì* ” là... vợ bé (ngày nay gọi là *phở*, phân biệt với *com* là vợ chính thức, như trong thành ngữ : sáng đi ăn *phở* với *com*, trưa đi ăn *com* với *phở*). “ *Phòng nhì* ” đây là *Deuxième Bureau*, cơ quan tình báo và phản gián của quân đội. Trong suốt hai cuộc kháng chiến trường kì chống Pháp và chống Mỹ, sang cả những năm chống Pol Pot và Bắc Kinh, cơ quan đặc biệt quan trọng này của Quân đội Nhân dân chỉ là “ *Cục 2* ”. Sang thời kỳ đất nước hoà bình, “ *Việt Nam muốn làm bạn với mọi người* ”, thì tướng Anh lại nâng cấp “ *Cục 2* ” thành “ *Tổng cục 2* ”. “ *Tổng cục 2* ” đã trở thành một thứ âm binh, có tổ chức chân rết xuống từng huyện, từng xã, như lời tố cáo mới đây của một số cán bộ quân đội trong một lá thư gửi tổng bí thư Lê Khả Phiêu. Việc thủ tướng Phan Văn Khải quyết định cử ông Ngô Xuân Lộc làm cố vấn phải chăng là một lời “ *đáp lễ* ” đối với tướng Anh ? để nói rằng tương quan lực lượng vẫn còn *fifty-fifty* (50-50), rằng *bà nắm râu ông thì ông tóm tóc bà* ?

Đang bận họp Trung ương, tổng bí thư Lê Khả Phiêu vẫn dành một buổi để tới chào Đại hội lần thứ n (6 hay 7) gì đó của Hội nhà văn Việt Nam, nói lên sự quan tâm và trọng thị của lãnh đạo đảng đối với “ *sự kiện quan trọng của văn học Việt Nam trước thềm thế kỉ XX* ” trong một “ *đất nước hoá thành văn* ” từ “ *thuở Nguyễn Du viết truyện Kiều* ” (những câu văn trắng lệ đó, tôi đều trích từ báo Lao Động điện tử ngày 18.4.00). Theo những nguồn tin có thẩm quyền (dù có truyền qua internet), cấp trên thấy Hội nhà văn họp đại hội cùng một lúc với Trung ương, đã định chỉ thị hoãn lại, thì giới chức Hội nhà văn xin cứ đến hẹn lại lên, bảo đảm mọi sự sẽ diễn ra “ *không có chuyện gì cả* ”, đại hội sẽ “ *thành công tốt đẹp* ”. Quả vậy, đại hội đã diễn ra êm thấm. 700 hội viên, họp đại hội đại biểu 400 người thôi, trước khi họp chính thức, có một ngày họp trừ bị (giữa các đảng viên), đề cử 225 người vào ban chấp hành (15 ghế), sau nhiều giờ thương lượng, rút xuống còn 41 ứng viên. Trúng cử đứng dự kiến : ông Hữu Thịnh làm tổng thư kí, ông Anh Đức làm phó (một kì trước, ông đã mang cả đồ đạc ra Hà Nội, chắc hẳn sẽ được *cơ cấu* làm tổng thư kí nhưng không thành ; lần này, đồ đạc ông vẫn để ở Sài Gòn, ông làm phó, an toạ phía nam, trấn giữ vùng đất tư tưởng chưa ổn định này, hay nói như ông Hữu Thọ, Trưởng ban tư tưởng - văn hoá, ông làm *đầu gối* trấn giữ lục tỉnh).

Ông Lê Khả Phiêu không phát biểu, nhưng báo Lao Động (xem trên) đã trân trọng trích dẫn lời tổng bí thư hai tháng trước đó : “ *Đất nước đòi hỏi phải có được những tác phẩm văn học, nghệ thuật làm lay động lòng người, ghi dấu không*

phai mờ những chặng đường hào hùng đã qua và hôm nay (...)  
không gì thay thế được những tác phẩm ấy trong tương lai,  
cũng như không có gì có thể thay thế được trống Đồng, Bình  
Ngô đại cáo và truyện Kiều khi nói về mấy nghìn năm văn  
hiến của đất nước” (diễn văn kỉ niệm 70 năm ngày thành lập  
Đảng, 3.2.2000).

Trong một ý nghĩa nào đó, lời kêu gọi của Tổng bí thư đã  
được toại nguyện : **Chuyện kể năm 2000** của Bùi Ngọc Tấn  
đã được nhà xuất bản Thanh Niên phát hành trong tháng 2. Ít  
nhất 300 bản đã lưu hành trước khi có lệnh thu hồi của Cục  
xuất bản (mong rằng cái *cục* này sẽ không bao giờ trở thành  
*tổng cục*). Ở hội trường Ba Đình, ông Phiêu có thể đã trông  
thấy, trong hàng ghế đại biểu, tác giả Bùi Ngọc Tấn mà cục  
A18 (của Bộ Công an) và Tổng cục 2 ân cần thăm hỏi trong  
thời gian qua. Bất luận thế nào, **Chuyện kể năm 2000** (xem  
trích đoạn trong số này) sẽ được ghi nhớ như một “ *tác phẩm  
văn học, nghệ thuật làm lay động lòng người, ghi dấu không  
phai mờ những chặng đường hào hùng đã qua và hôm nay* ”  
bởi vì không có chặng đường lịch sử hào hùng nào mà không  
có phần đen tối, hố sâu, vực thẳm, và sự trưởng thành của một  
dân tộc, khả năng đi tới của nó tùy thuộc vào hồi ức tập thể  
của nó, vào khả năng đảm đương quá khứ hai mặt của nó.

Một dân tộc không thể vững bước đi vào tương lai nếu nó  
không dám, một lần, nhìn thẳng vào quá khứ. Tới một lúc nào  
đó, bóng đen của quá khứ sẽ bắt kịp và bao phủ lên ánh hào  
quang (dù là có thực, dù là kỳ vĩ tới đâu). Và trước đó, mọi  
ngôn từ là vô hiệu, mọi kế hoạch cho tương lai chỉ là một kịch  
bản cải lương tồi.

Trong khi đó, dòng chảy hiện thực của cuộc sống cứ tiếp  
tục... không chịu theo định hướng của những nghị quyết, tham  
luận, hô hào.

18-19 tháng 4. Ngày cuối của đại hội Hội nhà văn, rồi  
ngày cuối của Hội nghị Trung ương ĐCSVN, không xa khu Ba  
Đình ở Hà Nội, đã có một cuộc biểu tình, liên tiếp hai ngày.  
Công an thường phục và quân phục đã chiến bao vây chặt chẽ  
không cho các nhà báo lại gần. Theo một nguồn tin từ Hà Nội  
(nói qua điện thoại), cuộc biểu tình có sự tham gia của trí thức  
và thanh niên, có khẩu hiệu đòi dân chủ. Hãng Reuter đưa tin  
theo những nhân chứng khác : đây khởi thủy là cuộc biểu tình  
của một số nông dân Sa Đéc tố cáo nhà cầm quyền địa phương  
hà hiếp, nhưng có gương khẩu hiệu “ *Đảng cộng sản Việt  
Nam muôn năm* ” và khẩu hiệu đòi “ *Dân chủ* ”.

*Dân chủ*... Cũng cách đây mấy tuần, tổng bí thư Lê Khả  
Phiêu thân chinh viết tay một lá thư gửi giới nghệ thuật Việt  
Nam, nhân một ngày kỉ niệm 40, 50 năm gì đó. Cuối thư là  
một lời kêu gọi giới văn học nghệ thuật góp phần “ *xây dựng  
một nước Việt Nam giàu mạnh, dân chủ*... ”. Khi tập kỷ yếu  
được in xong, với bức thư viết tay trang trọng ở ngay đầu tập  
sách, thì có lệnh của văn phòng tổng bí thư : xoá hai chữ *dân  
chủ* đi trước khi phát hành. Lệnh đó đã được thi hành nghiêm  
chỉnh : trong tay chúng tôi, có một bản in giấy tốt, ảnh đẹp,  
đăng sau hai chữ *Việt nam giàu mạnh* là một vệt trắng thuốc  
“ *correcteur* ” bôi lên hai chữ *dân chủ*.

Nhìn vết trắng ấy, tôi nhớ tới bạn sinh viên nói ở đầu bài.  
Không biết ngày 30.4 tới, đài TV vệ tinh sẽ chiếu phim gì...

Phong Quang

## tin ngắn... tin ngắn... tin ngắn...

(tiếp theo trang 9)

\* Nếu được thủ tướng đồng ý, **truyền hình Việt Nam sẽ  
phát qua Mỹ** bằng đường vệ tinh kể từ ngày 30 tháng tư tới.  
Chương trình sẽ gồm những phân văn hoá, thể thao và chính  
trị, nhắm vào cộng đồng khoảng một triệu người Mỹ gốc Việt.  
Chương trình sẽ phát mỗi ngày bốn giờ bằng tiếng Việt, nhưng  
có thể sẽ phát thêm khoảng 15 phút bằng tiếng Anh nhắm vào  
số khán giả rộng hơn. Hiện nay truyền hình Việt Nam đã phát  
ở châu Á và Úc, và trong tương lai sẽ phát qua Châu Âu.

\* Sau 12 ngày hoạt động, **Festival Huế 2000** đã bế mạc  
trong một hội hoa đăng rực rỡ “ *với sự xuất hiện của 90 thuyền  
rồng chở theo 9.000 ngọn nến, diễu hành và thực hiện nghi lễ  
phóng đăng với 15.000 đèn hoa* ”. Theo thông tấn xã VN,  
khoảng 3 vạn người đã tham dự đêm bế mạc, và hơn 400 000  
lượt người đã tham dự liên hoan (hơn 20 000 vé được bán ra  
cho các buổi trình diễn có vé). Hơn 90 % người tham dự liên  
hoan là người VN, và đó cũng là một điều mà ban tổ chức tỏ  
vê tiếc vì sự huy động khách nước ngoài chưa được thành công  
lắm. Tuy nhiên, theo ban tổ chức cũng như các nhà báo, một  
thành công đáng kể của liên hoan là đã góp phần đổi mới bộ  
mặt thành phố. Dân Huế đã có rất nhiều sáng kiến để sơn sửa  
lại nhà cửa, làm đẹp lại vườn tược, và tổ chức những cuộc triển  
lãm hội hoa...

\* Chính quyền Việt Nam vừa đưa ra một số biện pháp  
nhằm ngăn chặn **nạn buôn lậu thuốc lá** từ 200 đến 300 triệu  
bao mỗi năm làm nhà nước thất thu 50 triệu đô la. Bắt đầu  
tháng tư những hãng thuốc lá trong nước phải đóng gói thuốc  
với triện của nhà nước. Những người bán lẻ phải bán hết hàng  
cũ trước tháng sáu. Tuy nhiên báo chí và giới bán lẻ tỏ vẻ nghi  
ngờ hiệu quả của những biện pháp này.

\* Theo tờ Vietnam Investment Review, trong ba tháng đầu  
năm 2000 **đầu tư trực tiếp nước ngoài** vào Việt Nam chỉ  
bằng **26 %** của ba tháng đầu năm ngoái, với tổng vốn 121  
triệu đô la kể cả đầu tư mới lần phần mở rộng những phương  
án đã có. Cuối năm ngoái, Việt Nam đã chấp nhận 2 296 đề  
án đầu tư trực tiếp với số vốn là 35 tỷ đô la.

\* Trường **Đại học dân lập Hùng Vương TP.HCM** vừa  
khai giảng lớp âm nhạc dân tộc cho sinh viên khoá 97, khoa  
du lịch, do GS **Trần Văn Khê** giảng dạy. Đây là trường ĐH  
duy nhất ở Việt Nam đưa âm nhạc dân tộc vào giảng dạy ở  
chính khoá từ năm 1999. Chương trình bao gồm 30 tiết học.  
Được hỏi về việc đưa âm nhạc dân tộc vào giảng dạy trong nhà  
trường, GS Trần Văn Khê trả lời : “ *Về chuyện này tôi đã có ý  
kiến từ mười mấy năm nay. Phải có giờ giáo dục âm nhạc,  
phải có sự đào tạo những người thầy để dạy môn này. Điều đó  
chưa có.* ”

\* **Đội tuyển Việt Nam đã đứng đầu** trong số 65 nước  
tham gia **kỳ thi tin học quốc tế** International Olympic Infor-  
matics (IOI) . Cả bốn đoàn viên đã được giải, ba vàng một bạc,  
trong tổng số 252 người tham dự. Việt Nam đã tham dự IOI từ  
đầu, cách đây 11 năm, kết quả cao nhất cho đến kỳ thi vừa rồi  
đạt được vào năm 1993, với hạng 5.

*nhân vụ chú bé Elian*

# **LITTLE HAVANA LITTLE SAIGON**

**40 năm, 25 năm...**

**Nguyễn Lộc**

*Tôi nghĩ, phải kiên tâm lắm một người mới có thể theo dõi dài lâu chuyện chú bé con Elian, 6 tuổi, người Cuba. Tên của chú hình như được kết hợp từ tên mẹ và bố : ELIZABET và JuAN. Giờ đây, phần ELI đã không còn, phần AN thì bị bôi xoá. Người ít “biết” về chính trị có thể xem đó là bi kịch của một cuộc đời non trẻ. Nhưng, từ ngày đặt chân lên “bến bờ tự do”, chú bé con kia đã trở thành trung tâm điểm của một tấn tuồng khác, lớn hơn, huyền ảo hơn, và cũng không ít khi nhần tâm hơn. Nhiều người gọi đây là màn xiếc. Nếu quả vậy, đây là màn xiếc với quá nhiều tay hề tôi, người càng có chút quyền, trò diễn càng thảm hại. Nhìn gọn hơn, đây là một vụ hành hạ trẻ thơ.*

*Dù vậy, chuyện xảy ra ở Little Havana vẫn khiến cho tôi, một người sống không xa – trên nhiều nghĩa – Little Saigon, quan tâm. Không phải quan tâm cho chú bé, vì tôi biết, tôi không làm được gì cho chú. Đã có người ông trong họ, cô chị họ, và cả đám người quanh chú để bảo vệ chú. Đã có bà Reno, ông Gore, ông Bush, ông Fidel tài ba và quyền lực xúm vào để “lo” cho chú. Tôi quan tâm tới cái cộng đồng di dân tại và chung quanh Little Havana. Tôi cũng muốn được chạy trước thời gian chút ít, tỉ như thay vì nhìn bằng con mắt 25 năm, tôi tự hỏi cái nhìn 40 năm về một số hiện tượng sẽ ra sao ?*

*Ngày chủ nhật 2 tháng 4 vừa qua, một bài báo đăng trên phần Opinion của tờ Los Angeles Times bắt mắt tôi. Tác giả bài viết, Lisandro Perez, là một nhà xã hội học, giám đốc Viện nghiên cứu Cuba, thuộc đại học công lập Florida International University, Miami. Xin lược dịch bài viết ấy (\*) ra đây :*

**Ở** Miami này, chiến tranh lạnh vẫn còn sôi sục. Tin tức và hình ảnh phát đi từ thành phố này, chung quanh vụ khủng hoảng Elian Gonzalez, chắc phải làm cho hầu hết người Mỹ ngỡ ngàng và xem như một chuyện lỗi thời. Sau hơn 10 năm bức tường Bá Linh sụp đổ, một cuộc đương đầu dữ dội với một “ kẻ thù cộng sản ” đang diễn ra, không phải ở Đông Âu, mà ngay trên đường phố một đô thị lớn của Hoa Kỳ.

Cứ như trong vài năm lại đây người ta vẫn chờ sự sụp đổ của Fidel Castro, người ta cũng chờ đợi sự ra đi của thế hệ những người lưu vong lâu nay vẫn chống đối ông ta mãnh liệt trong những năm đầu thập niên 1960 và còn tiếp tục duy trì cuộc đấu tranh chống Castro ở Mỹ. Thế rồi, vụ Elian đã làm nổi bật được sự kiên trì của thế hệ người di dân ấy, bất kể con

số người của họ suy giảm và những người mới, những thế hệ mới đã thay vào chỗ của họ. Tuy nhiên, quyết tâm giữ Elian ở lại nước này có thể là những cú lấy hơi sau cùng của họ, cũng như nó có thể là một lầm lỗi đáng kể cho công cuộc đấu tranh của họ.

Nếu ta nhìn vào cảnh quan chính trị của người Cuba ở Miami, lãnh đạo của nó, các tổ chức và truyền thông, ta sẽ thấy rằng, nó nằm dưới sự khống chế của những người Cuba đã rời bỏ hòn đảo này khoảng những năm 1960 và 1962, gần như không có ngoại lệ. Họ là những người lưu vong bị “ mất ” Cuba trong cuộc đối đầu Chiến tranh lạnh thời ấy, một cuộc đối đầu mà về tầm cỡ lẫn hệ quả đều vừa có tính cách nội bộ Cuba, vừa mang tính cách quốc tế. Xung đột này làm cho họ mất quê hương, cuộc sống và tương lai, tóm lại, đời họ, theo nghĩa bóng đối với người này, và nghĩa đen đối với người khác.

Thế hệ này đã sáng chế và duy trì tại Miami một kiểu lập luận (discourse) “ lưu vong ” thật sự, một lập luận bám riết vào niềm tin rằng chuyện mất quê hương của họ là tạm thời và con người và chế độ trách nhiệm về sự mất mát ấy sẽ bị đánh bại và quê hương sẽ lại được khôi phục. Một phần quan trọng của lối lập luận này là đeo đuổi chiến lược cô lập Cuba và nhắm vào việc ảnh hưởng các tác nhân khác, đặc biệt là các công ty và chính phủ nước ngoài (đáng kể hơn cả là Mỹ) theo đuổi một chiến lược như vậy.

Nếu như chính phủ Cuba và người đứng đầu chính phủ ấy luôn chứng tỏ sự kiên trì ghê gớm, thế hệ người di dân này vẫn nuôi dưỡng được cái ý đồ chính trị chống Castro của họ, bất kể bao thập niên đã đi qua và thành phần dân chúng trong cộng đồng người Cuba ngày càng đa dạng hơn. Trong những năm 1960, hơn hai phần ba người Cuba ở Mỹ đến đây trong cùng thập niên ấy. Song, đến cuối những năm 1990, thế hệ lưu vong thời 60 ấy chỉ còn chiếm độ dưới một phần ba số người Cuba ở Mỹ. Giảm sút này không chỉ do chuyện tử vong, mà còn do nhiều đợt di dân từ Cuba sang, cũng như các thế hệ sinh ra ở Mỹ làm cho sự đa dạng về mặt dân số thay đổi rất nhiều.

Trước thay đổi này, nhiều người đoán là ảnh hưởng của lớp người lưu vong lớp trước sẽ giảm xuống. Những người mới đến, và dứt khoát là các thế hệ trẻ hơn, không thể chia sẻ sự nồng nhiệt của những người từng tham dự, và bị tha hoá bởi cuộc xung đột dẫn tới sự củng cố của Cách mạng Cuba. Hẳn nhiên là điều đó có xảy ra, ở một mức độ. Các thông số của lập luận về Cuba ở Miami có phần nào mở rộng hơn, và có một mức độ khoan dung nào đó đối với các quan điểm hay phương sách khác hơn đối với tổ quốc.

Nhưng, sự đa dạng ngày càng tăng trong cộng đồng Cuba ở Miami vẫn chưa thể đưa tới một thay thế cho cái lập luận lưu vong, hay chấm dứt được sự bá quyền truyền thống trong cộng đồng. Điều này càng hiển hiện rõ nét hơn khi xảy ra khủng hoảng, ví như vụ Elian hiện xảy ra. Hồ hết chiếm thế thượng phong, và những tiếng nói khác chừng như bị những tiếng vọng của Chiến tranh lạnh nhận chìm. Tại sao ?

Không phải tại vì sự đe nẹt. Phải nói, dấn thân và xúc cảm mới là câu trả lời. Những người mới đến và các thế hệ trẻ hơn

có thể có cái nhìn khác hơn về Cuba, nhưng có lẽ họ đều không màng tới chuyện búng những người lưu vong cũ ra khỏi cái đấu trường về vấn đề Cuba. Những kẻ bỏ Cuba đi sau hơn 20 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ít đếm xỉa tới chuyện giành lại đất nước ; họ muốn tạo dựng cuộc sống mới trên nước Mỹ này. Các thế hệ trẻ có thể đồng ý hay không với bố mẹ mình, nhưng khó thể mong mỏi là vấn đề Cuba chiếm cùng mức độ ưu tiên trong đời họ.

Thế nên, hình ảnh những người biểu tình trên đường phố Miami cho thấy nhiều mái đầu hoa râm. Chúng cũng cho thấy con số người tương đối ít hơn. Một cuộc biểu tình 5 hay 7 ngàn người là đáng kể đấy, là gây được sự chú ý đấy. Nhưng cũng cần nhớ con số thực : trong toàn vùng quanh Miami (greater Miami) có hơn 700 000 người gốc Cuba. Hẳn nhiên là không phải ai cũng có cùng quan điểm trong vụ này. Quan trọng hơn nữa, không phải ai cũng chia sẻ cùng mức độ xúc động của những người lưu vong cũ, trước các vấn đề về Cuba. Xúc động là đầu mối. Quả thực, chính xúc động đã qui tụ được dân chúng của Cuba Miami quanh vụ Elian, vì nó đánh động được vài điều cốt lõi của cộng đồng này. Một trong các điều ấy là quan điểm : thà sống lưu vong còn hơn sống ở Cuba, và : hầu hết người Cuba đều sẽ bỏ đi nếu có cơ hội. Đây là cơ sở của lập luận tại sao chú bé Elian kia phải ở lại Mỹ, hơn là bị trả về “địa ngục” Cuba, dù rằng bố nó đang sống nơi ấy.

Một điều khác quan trọng hơn : không thể để cho Castro thắng trong cuộc đấu tranh giành cơ mà, ít ra là trong bốn thập niên qua, ông ta vẫn thắng. Với những người bức bối vì không đạt được mục đích giành lại quê hương, làm sao để khỏi thua keo này là vấn đề sống chết.

Dĩ nhiên, xúc cảm có thể dẫn tới hành vi phi lý. Nhìn xa hơn, cuộc khủng hoảng này có thể phương hại nghiêm trọng đến hình ảnh người Mỹ gốc Cuba ở Hoa Kỳ, và cụ thể hơn, tới khả năng của phe cứng rắn trong việc khiến cho chính phủ Mỹ làm những việc đối với Cuba mà làm người ở nước này xem là quá quá. Cứ xem : một đài phát thanh do tiền thuế dân Mỹ chi trả để phát thanh vào trong Cuba ; một chương trình TV tốn bạc triệu mà không ai trên đảo có thể xem ; dự luật ở Quốc hội để tăng cường cấm vận, gồm cả ý đồ thúc ép đệ tam quốc gia tham dự cấm vận, tất cả rút cục đưa Mỹ vào thế cô lập trên các diễn đàn thế giới và bị lên án ở Liên Hiệp Quốc. Nhưng phần lớn là vì, ở nước này, trừ cộng đồng lưu vong ra, chẳng ai thật sự màng đến, hoặc quan tâm đến chính sách về Cuba, cho nên mấy chuyện ấy mới xảy ra được.

Tuy nhiên, trông chừng như trong vụ giành giữ chú bé Elian này, lãnh đạo của cộng đồng đã đi quá những giới hạn mà chính phủ Hoa Kỳ, và dư luận có thể thuận theo. Cứng rắn với Fidel là một chuyện. Phân cách cha với con lại là chuyện khác.

Copyright (c) 2000 Times Mirror Company

*Thật khó để mà đoán, như tác giả Lisandro Perez, rằng đây có phải là lần lấy hơi cuối của những người lính canh già của một niềm tin ngày càng phai nhạt. Những người lính canh tội nghiệp, chừng như kẹt dính trong bản lề khe cửa*

*thời gian. Và cũng như tác giả Perez viết, họ đã hơn một lần thành công qua kỹ xảo “ cái đuôi vẫy con chó ”, để làm ra được nhiều chuyện ngoạn mục nho nhỏ, đằng sau sự thờ ơ của cái xã hội rộng lớn hơn mà họ đang sống. Những chiến thắng mà một thiểu số trong một cộng đồng cá biệt có thể hò reo chiến thắng, thứ dưỡng chất cần thiết cho một cái gì đang thoi thóp. Trong cái vòng riêng tư ấy, người ta vẫn tin rằng góp nhặt dần các chiến thắng như vậy sẽ giúp họ tạo thành cơn bão lớn, thổi bạt kẻ thù của họ ra khỏi Cuba.*

*Lần khuya chiêm gióng trống này có hơi khác. Nếu hiểu chút ít về vai trò luật di trú và cơ quan quyền lực lo về di dân và nhập tịch của Mỹ (INS), người ta có thể thấy rằng đây là lần cái đuôi muốn điều khiển một con chó giữ cửa thật mạnh bạo, hung hãn – đối với quốc nội lẫn quốc tế – của chính phủ liên bang Hoa Kỳ. Nhưng, INS cần và muốn duy trì cái quyền lực lớn lao của nó. Và cách vận dụng quyền lực cũng phải theo ý nó. Còn Cuba ? Hòn đảo quốc gia này quá nhỏ so với cái phương trình quyền lực của Mỹ. Còn ông Gore, ông Bush ? Bốn năm một lần, chính khách Mỹ có dịp “ thân dân ”. Bốn năm một lần, số phiếu cử tri đoàn của bang Florida lại thơm phưng phứt trong mũi các chính khách cầu phiếu. Bush có yêu thăm thiết những người Mỹ không-trắng, Gore có cúi xuống liếm tay quanh vùng Little Havana vào mùa này cũng không là chuyện lạ.*

*Lại tự hỏi, hai mươi lăm năm là quá dài, hay vẫn còn là ngắn ? và 40 năm có dài hơn 25 năm không ? Câu trả lời có lẽ sẽ rất riêng tư, cho từng con người, từng thứ tâm thức. Có điều, cái hiện tượng cộng sinh dị kỳ giữa chống đối và nguồn gốc của sự chống đối lại là điều thú vị. Hình như, chúng cùng sinh và cùng diệt. Thiếu phía này thì phía kia không có gì để hiện hữu nên chúng vẫn cần và nuôi nhau. Nếu, mai này, chiêm trống thắng trận không vang lên ở Havana nhỏ, hãy lắng nghe ở phía ngoài kia biển Caribbean. Thời gian chừng như cũng bị ngưng đọng lại nơi xa ấy.*

**Nguyễn Lộc**

(\*) Lisandro Perez, “ A Last Gasp of the Emigre Old Guard”, Los Angeles Times, Apr. 2, 2000.

Tìm đọc

## HỢP LƯU

tập san văn học nghệ thuật biên khảo

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842 USA  
Tel (714) 265-1394 • Email : tchl@aol.com

- ♦ nơi quy tụ những cây bút nổi tiếng của trong nước và ngoài nước
- ♦ nơi gặp gỡ những tấm lòng tha thiết với văn học Việt Nam

đại diện tại Âu châu : M&Mme Lê Tất Luyện  
15 place Souham, F-75013 PARIS  
Tel : 33 (0)1 45 83 19 12

# Già Đò

Trung tuần tháng 4, Hội nhà văn Việt Nam đã họp đại hội lần thứ 6. Đại hội lần này là đại hội đại biểu đã “thành công tốt đẹp” nghĩa là êm thấm, không có “chuyện” gì xảy ra cả, không có bài phát biểu nào “có vấn đề”, các cuộc bầu ban và danh sách ban chấp hành bầu ra “đúng như dự kiến”. Sự thật, một sự kiện quan trọng đã xảy ra: đó là sự có mặt của nhà văn **Bùi Ngọc Tấn**, tác giả của hai tập **Chuyện kể năm 2000** mà Nhà xuất bản Thanh Niên vừa phát hành thì hai tuần sau có lệnh thu hồi của Cục xuất bản (thuộc Bộ văn hoá), song đã có khoảng 300 “bản chui” rồi. Không im lặng là thái độ thân ái mà nhiều nhà văn đã biểu lộ đối với Bùi Ngọc Tấn.

Ở ngoài nước, cách đây 3 năm, bạn đọc Diễn Đàn đã khám phá ra Bùi Ngọc Tấn qua truyện ngắn **Người chặn kiến** (số 61, tháng 6.1997). Ông sinh năm 1934 tại Thủy Nguyên, Hải Phòng. Trong kháng chiến, đi bộ đội. Tháng 10.1954 tham gia tiếp quản Hà Nội. Rồi làm phóng viên báo Tiền Phong. Cái lệ luật thời đó, nhà báo thì làm báo, không được viết văn. Bùi Ngọc Tấn viết chui, ký tên khác. Mãi đến khi Hội nhà văn trao giải thưởng văn học cho ông và các nhà văn đàn anh vô tình “tiết lộ bí mật” thì Bùi Ngọc Tấn mới được “quyền” viết văn. Cái quyền ấy, ông đã phải trả giá: năm 1968 ông bị bắt giam và tịch thu toàn bộ bản thảo, vì cái tội mơ hồ “phản tử có nguy hại cho an ninh xã hội”. Vụ bắt giam này diễn ra sau vụ bắt giam hàng loạt cán bộ ở Hà Nội diễn ra trong 5 tháng cuối năm 1967: “vụ xét lại - chống đảng”, coi như sự hưởng ứng của Hải Phòng đối với cuộc trấn áp ở Trung ương. Nhà văn đã bị tù đầy 5 năm, không xét xử. Ra tù năm 1973, phải làm đủ các nghề: bốc vác cảng, kéo xe bò, cuốn thuốc lá, đi buôn, thợ sắt... Mãi đến năm 1993, tên tuổi của ông mới trở lại văn đàn.

**Chuyện kể năm 2000** là cuộc sống trong tù và “ngoài” tù của một nhà văn tên là Tuấn. Cũng là một loạt chân dung những người bạn tù, chính trị có, thường phạm có, người Kinh, người dân tộc, Việt kiều... những quản giáo các trại “cải tạo”, những lãnh đạo của “tỉnh lẻ”, những con người lí tưởng và ngây thơ, những con người rất giống... Lâm Bưu. Đọc suốt 500 trang, độc giả tin chắc rằng, ngoại trừ tên người, tất cả các sự việc, tình huống, tâm trạng, là trung thực. Một tác phẩm lớn, được thai nghén trong đau khổ cùng cực, thấm đượm tình nhân đạo và tinh thần nhân bản.

Trong số này, chúng tôi đăng hai trích đoạn kể chuyện **Già Đò**, một bác lính thợ sau năm 1954 tự nguyện về nước để xây dựng đất nước... đoạn đầu trong tù và đoạn hai sau khi ra tù và chết.

**G** ià Đò lúc đó mới dậy hút. Hút thuốc lò đêm không cần kéo cho kêu. Chỉ hạ điều để điều chỉnh mức nước điều là sẽ có tiếng kêu vừa phải. Già Đò lo cho hần. Già không nói, nhưng hần biết. Sự im lặng của già cũng là một lời động viên, một sự chia sẻ. Già là công nhân kỹ thuật của một xí nghiệp cơ khí, cũng bị đưa lên QN với hần một lần. Tới QN hần với già Đò cùng về một toán: toán tăng gia. Hần làm đơn kêu oan, già Đò cũng làm đơn kêu oan. Nhưng không ai nói với ai. Hần không biết già mắc tội gì. Chỉ biết khi từ 75<sup>1</sup> ra đi, già mày râu nhẵn nhụi. Lên đây già bắt đầu để râu. Mãi về sau, khi thân nhau, hần mới biết già Đò đã lang bạt nhiều nơi đến thế. Già là một lính thợ Pháp quốc trong Đại chiến Thế giới thứ hai. Từ Pháp già đã tới Algérie, Maroc (cái lý lịch ấy thật tai vạ cho già). Già đã là thợ đốt lò dưới con tàu Commerce Maritime thuộc hãng Đầu Ngựa. Hải Phòng - Marseille là hành trình những năm tuổi trẻ của già. Làm được hai năm già thôi việc. Chỉ vì già không chịu được những lời mắng nhiếc của chủ, những “*Cochon!*”<sup>2</sup>, những “*Espèce d’andouille*”<sup>3</sup> từ miệng những người Pháp mỗi khi già làm chưa vừa mắt bọn chúng. Già nắm chặt cán xẻng, mắt long lên:

– Ông không được phép sỉ nhục tôi.

Già bỏ tàu lên thành phố Marseille. Vào quán rượu quen. Uống. Uống nhiều. Và không trở về tàu nữa. Lang thang ở Marseille cho đến đồng frăng cuối cùng, già tìm được việc làm trong một xưởng sửa chữa xe có động cơ. Từ xe gắn máy, các loại ô-tô tới xe nâng, cần cẩu. Tại đây già bị động viên vào một đơn vị cơ giới. Già sang Maroc, Algérie, vẫn làm nhiệm

vụ sửa xe.

Đại chiến thế giới thứ hai kết thúc. Già trở về Marseille. Trở về xưởng cũ. Lấy vợ. Cô Jeannette bán hoa quả ở gần bến cảng lớn bỗng lên khiến già ngỡ ngàng, xao xuyến. Hai vợ chồng vay vốn mở một tiệm rượu nhỏ. Khách là những người phu pooc-tê<sup>a</sup>, những thủy thủ, những người thợ nhàn nhàn ở thành phố Marseille.

Rồi già biết quê nhà đã được độc lập. Niềm sung sướng lớn lao và nỗi nhớ quê hương, nỗi sâu biệt xứ bỗng cồn cào trong lòng không chịu nổi. Càng không chịu nổi khi biết tin hiệp nghị Genève đã ký kết. Một nửa đất nước được độc lập. Lại thêm thôi thúc vì chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh đạo đất nước là người từng lâu năm ở Pháp, cũng từng là một mạch-lô<sup>b</sup>. Già về nước. Khi đó bà Jeannette đã sinh cho già một cô con gái xinh đẹp, có nước da trắng của bà, có mái tóc và đôi mắt đen của già Đò. Mặc bà vợ khóc can ngăn, già nhất định về nước. Rồi già sẽ sang đón bà về. Độc lập rồi, xây dựng sẽ rất nhanh. Đất nước sẽ phát triển rất nhanh. Dân tộc ta thông minh, cần cù, chịu khó lại được bao nước giúp đỡ. Đất nước đang cần những bàn tay như già.

Già vào làm ở xí nghiệp cơ khí T. Đó là những ngày hạnh phúc. Già bảo vậy. Khi đó xí nghiệp được phục hồi từ một cơ sở cũ của Pháp. Điều mấu chốt là phải có việc làm, phải có được hợp đồng sản xuất đầu tiên. Vận may đã đến với xí nghiệp.

Giám đốc đi cùng với già trên chiếc xe Java 05 lên Thái Nguyên. Già đã bỏ một ngày xem xét, sửa chữa chiếc xe tòng



tộc này đạt mức tốt nhất. Ở đó có một nhà máy giấy cần được khôi phục. Đi lên sườn sè. Công việc thì hơi kinh. Nhà máy giấy bị bom. Các bộ phận hoen gỉ rải rác trong rừng, lẫn với cây cối. Người ta hỏi giám đốc của già :

– Các anh làm được không ?

Già không biết giám đốc trả lời thế nào vì già quá biết mấy cái máy tiện cỡ lớn của xí nghiệp. Nhưng giám đốc cười khi.

– Có gì mà không làm được. Nhà máy tôi là nhà máy cơ khí mà. Rồi, mời các anh xuống tham quan xí nghiệp.

Thật đúng là khẩu khí của một giám đốc, một người thợ công binh xưởng. ( ... )

Công việc khôi phục nhà máy giấy bắt đầu. Xí nghiệp cơ khí T sống lại : Già nhận phần khó khăn nhất : khôi phục nồi hơi của máy xeo giấy. Già thử áp lực nồi hơi bằng nước. Già “ bút-sê ” c những lỗ thủng vì mảnh bom bằng đồng đỏ...

Mấy năm sống gian khổ, nhưng già sung sướng vì đã toại nguyện. Già đã được làm việc cho Tổ quốc.

Ông giám đốc rất quý già. Nhưng rồi ông giám đốc chuyển đi. Ông Phin giám đốc mới, từ Sở chuyển về.

Những năm tháng nặng nề của già bắt đầu.

Muốn tạo nên một không khí hoàn toàn mới, ông giám đốc Phin xét nét những người mà ông cho là thân cận với ông giám đốc cũ. Già Đô cũng nằm trong diện ấy. Nhưng già không quan tâm, già nghĩ : già chỉ muốn làm việc. ông giám đốc nào mà chẳng muốn người dưới quyền làm việc. Ít họp công đoàn, không chịu viết báo cáo, già bị nhận xét là chuyên môn thuần túy. Cái lý lịch đi lính cho Pháp hẳn có một tác dụng quan trọng khác nữa. Không được là đốc công, già bị chuyển về tổ cơ điện làm thợ, với lý do đó là một ngành quan trọng : “ Khâu yếu hiện nay, phải tăng cường để chuẩn bị tốt cho sản xuất ”. Người thay già nhận chức đốc công là cháu ông Phin mới thợ bậc bốn.

Già không quan tâm đến điều ấy. Già cũng không quan tâm đến chuyện ông Phin có xe đạp phân phối rồi lại nhận phiếu mua xe đạp phân phối nữa, mà là chuyện ông lấy sắt thép trong xây dựng cơ bản về xây một căn nhà cho ông. Chính ông trưởng ngành cơ điện biết rõ xe ô-tô chở sắt thép từ kho kim khí về nhà ông. Dư luận xì xầm, nhưng không ai dám nói. Họp ngành, già nêu ý kiến. Không ai hưởng ứng già, mặc dù ngoài cuộc họp họ rất ủng hộ già. Hội nghị công nhân viên chức, già nêu vấn đề. Không ai giải quyết. Ông giám đốc kỷ luật già vì tội đã vu cáo ông ta. Ông chuyển già đi dọn nhà tiêu, quét xung quanh khu làm việc, hạ xuống bậc lương khởi điểm. Già kiện lên Sở. Ông giám đốc Sở, một thành uỷ viên, bác đơn của già. Già bị đuổi việc và cũng bị đuổi luôn khỏi chiếc giường một trong khu tập thể.

Không có gia đình, già bơ vơ.

Già đấu tranh theo kiểu Pháp : làm một cái biểu ngữ. Ngồi ngay công xí nghiệp. Tay cầm biểu ngữ. Chữ kẻ trong miếng gỗ dán vuông, có cọc cắm ấy là : *Phản đối giám đốc xí nghiệp T vô cơ sa thải công nhân.*

Thế là già vào 75. Già lên QN. Trong tù già cô đơn như ngoài đời già cô đơn. Một hôm xếp hàng đi làm, nhớ đến một bài thơ của Vũ Hoàng Chương, hẳn khe khẽ đọc. Già ngồi phía trước quay lại :

– Vẫn yêu đời nhỉ ?

Đến lúc ngồi nghỉ ở bờ suối, hẳn hát một mình bài hát hồi

hắn học tiểu học, không hát mà ừ ừ trong cổ thành nhịp điệu :

*Liberté. Liberté chérie*

*À toi, mon coeur*

*À toi, ma vie. 4*

Thế là già hát thành lời. Tất nhiên là lời Pháp. Già không biết Lê cũng có mặt ở đó. Lê còn trẻ, chưa đến ba mươi, mặt trái xoan, nhưng nhiều trứng cá quá. Nên trông cứ thâm sì. Mắt sắc, cứ đảo quanh. Thông minh hay gian狡. Có lẽ gian狡 nhiều hơn. Lê cũng từ 75, từ *bê dê* 5 với hắn chuyển lên. Lê là tù án. Một *lich* 6. Về tội gì Lê không nói. Nhưng khi Lê nhận cáo trạng, anh em giạt lấy xem và biết tội của Lê : *đốt vòm* 7 vào nhà các cô gái công trường ăn cấp hai va-li quần áo (họ ghét còn nói là hai va-li ấy toàn xi-líp diêm bầu và vải màn hành kinh).

Lê bị cả *bê dê* ghét. Trong những buổi học tập về tội lỗi, về chính sách cải tạo nhân đạo của Đảng, hể Lê bắt đầu ngồi thẳng lưng và liếm môi là bọn hắn biết Lê sắp phát biểu. Lê liếm môi trên, liếm môi dưới mấy cái liền như kiểu tra dầu mỡ trước khi vận hành máy. Sau đó bọn hắn chờ động tác thứ hai : giơ tay. Cách Lê giơ tay nó dứt khoát, tin tưởng với một ngón tay trở chỉ ra phía trước và bốn tiếng kèm theo rất nhanh : “ Tôi có ý kiến ”.

Lê nói. Bây giờ mới là giai đoạn cơ bản trong nỗi khiếp sợ của bọn hắn. Lê nói. Lý luận. Thực tiễn. Sự nhân đạo. Tội lỗi của phạm. Thái độ trong chúng ta. Sự thành khẩn. Chỉ có một con đường. Đánh kẻ chạy đi, không ai đánh kẻ chạy lại. Ngày xưa kim ngân phá luật lệ. Nén bạc đâm toạc tờ giấy. Bây giờ pháp luật nghiêm minh. Trị bệnh cứu người. Con người là vốn quý nhất. Tính nhân đạo. Tính ưu việt. Công ơn Đảng, Bác. Tội lỗi chúng ta. Quân giải phóng Miền Nam anh dũng hy sinh. Miền Bắc cánh đồng năm tấn. Tương lai xán lạn.

Lê nói dài. Nhiều. Đúng. Thông suốt. Cháo chảy.

Bọn hắn nghe và nhìn vào môi Lê. Hể Lê còn liếm môi thì bài diễn văn của Lê còn...

( ... )

Già Đô hát bằng tiếng Pháp trước mặt Lê có nghĩa là trước mặt cán bộ. Già bị gọi lên giáo dục : không được nói tiếng nước ngoài. Nói tiếng nước ngoài là phạm nội qui.

Già cãi : tôi không nói chuyện bằng tiếng nước ngoài. Tôi chỉ hát vài câu tiếng Pháp thôi. Thế còn anh em người dân tộc nói tiếng Hoa thì sao ?

Già cãi rất có lý. Đúng là anh em người dân tộc toàn nói với nhau bằng tiếng Hoa. Đến nỗi hắn cũng thuộc những câu như : *Kỷ tổ tìm* (mấy giờ rồi), *Thủ ngõ mẩu keng là chà* (đổi không sợ bản), *Cổ trâu hầu, tác kin mìn nhị xập xây tìm, tiểu háy cái lấu phỏ* (cải tạo tốt, được gặp mặt hai bốn tiếng, ngủ với vợ). Đó là những câu ngổ ngỗ cỡ xọng lên cho vui. Và những câu chửi *Tiểu cái nấu nả, tiểu cái nấu mù...*

Cái lý ấy của già khiến già bị phạt. Ba ngày xà lim, hạ mức ăn xuống chín ki-lô. Già đã hiểu cái điều hắn hiểu từ trước, nhưng chính hắn cũng không thực hiện được : đừng cãi lý với kẻ mạnh. Kỳ ấy hắn mới nhận tiếp tế. Hắn tặng già Đô mấy suất cơm để già Đô ăn thêm, còn lại phơi khô. Đó là một hành động cho máu...

Thế rồi tình cờ, già Đô với hắn nằm cạnh nhau khi chuyển buồng. Hắn với già ăn chung. Để bù lại những thứ già được hưởng của hắn, già tích cực tạt 8. Và già để râu. Có lẽ già hiểu cái thứ đấu tranh kiểu Pháp ấy hại già. Để râu có lợi hơn. Có

thể vì thế mà chóng được về cũng nên.

Râu già Đò mọc nhanh. Dài và hoa râm. Tóc già rể tre. Râu già rể tre. Chỗ râu mép lại được hai chòm lông mũi nhọn hoắt cũng rể tre và cũng hoa râm xông ra chi viện. Khi ăn râu mép, râu cằm, lông mũi trông đến buồn cười. Già rất giữ ý. Già chỉ ăn một ít những thứ tiếp tế hán lấy ra, mặc dù già tạt được kha khá. Già có thể nướng khoai ngay trước mặt cán bộ mà cán bộ không biết. Già kiếm được cả quả bí xanh gọt vỏ đưa cho hán xuống suối ăn sống, mát ruột suốt nửa ngày. Chiến công lớn nhất của già là già đã tóm gọn được một con rông đất, to bằng cổ tay. Già đang làm thịt một con chảo chuộc ở dưới suối thì có tiếng động ngay dưới tảng đá cuội lớn già ngồi. Già ngó xuống : một con rông đất. Già vỗ huyệt. Nó chạy nhanh. Chạy như kiêu thần lằn và nó chắc cũng là một loại thần lằn, nhưng có vây lưng từ gáy xuống tới đuôi. Tóm lại : một chú khủng long bé tí và nhanh nhẹn. Già đuối, nó leo lên cây. Bò rất nhanh. Tới lưng chừng, nó dừng lại, ngồng cổ lên nghe ngóng. Già Đò bám vào thân cây leo lên. Thấy động, con rông đất leo lên cao nữa.

Anh tù nuôi ong Nông Văn Thắng, người Tày, đang đi tìm những tổ ong rùng, bắt về gậy đàn cho trại, khi đó cũng có mặt. Anh kêu to :

– Đùng lên, nó chuyển sang cây khác mất đấy.

Thắng rời gốc cây trong đó có những con ong bay vụt ra. Thắng huýt sáo. Con rông đất ngồng cổ lên nghe. Thắng bảo :  
– Giống này, cứ huýt sáo là nó đứng yên cho bắt.

Nhưng không ai có thể leo lên cành cây chót vót. Thắng giúp già Đò làm cái thòng lọng. Anh chặt một cây nửa dài vót phân ngọn dẻo, làm một cái tròng. Già Đò cầm cây nửa leo lên. Vừa leo vừa huýt sáo. Hoá ra già Đò huýt sáo trong và rất hay.

*Liberté, Liberté chérie !  
à toi, mon coeur  
à toi, ma vie*

Đó là khúc hát về tự do đã đưa già tới kỷ luật. Nhưng lúc này già chỉ huýt sáo, chứ không hát lời. Nghe tiếng sáo, con rông đất ngậy ra. Đến khi già Đò đứng vững trên một cành cây, giơ cái thòng lọng lên cao hơn đầu con rông đất thì già không huýt sáo được nữa. Già nín thở. Thế là tất cả anh em dưới đất đều huýt sáo. Như một bầy hoạ mi. Chỉ trừ Lê, Lê không thềm nhìn già Đò, không thềm nhìn con rông. Lê nhìn vào hốc cây nhỏ bên suối, nơi những con ong thợ từ đấy bay vụt ra. Lê lẩm bầm :

– Tổ này phải bao nhiêu là mật. Ngày nào mình cũng đi qua mà không biết.

Không ai để ý đến Lê. Tất cả đều dẩu mồm ra huýt sáo và nhìn lên già Đò, nhìn lên cái thòng lọng đang hạ dần xuống, run run, đảo đảo trên đầu con vật nó vẫn ngậy ra nghe tiếng nhạc !

– Được rồi !

Tiếng reo đồng thanh như tiếng những người xem bóng đá khi bóng vào lưới.

Con vật giẫy giụa. Già Đò tròn tuyệt diệu. Đứng cố. Già thả chúc cái tròng xuống. Thắng đỡ lấy cây nửa.

Thịt con rông đất trắng nõn, hai thân lưng tròn chắc như thân lợn. Trông thế mà gần miệng cái ca của hán. Khi làm lòng, già còn bắt được mấy con cua cắp vào lòng. Thắng lợi thật giòn giã. Hai người ăn được ba ngày. ( ... )

\*  
\* \*

Một ông già nhỏ bé, mũ bông, áo bông rộng thùng thình dài tới gối, quần màu gụ còn mới, khoác trên vai một cái túi vải to, râu tuôn từ cằm xuống ngực.

Già Đò !

Già đứng đấy tự bao giờ, im lặng nhìn vào bữa cơm, không dám gọi. Đã có nhiều bạn tù đến chơi nhà hán (Giang, Dự, Min, Dân) và sau này còn nhiều người đến nữa như bạn Kỷ Minh, Vũ Lượng... nhưng chẳng ai như già Đò. Không ai đi đâu cũng mang theo cả gia tài trên lưng như già. Già ở đâu thì đó là nhà già. Có nghĩa già chẳng có nơi nào đặt cái túi vải chứa toàn bộ tài sản của già ngoài hai vai của mình.

Già vẫn như vậy. Mặt hần những rãnh sâu chằng chịt. Những rãnh sâu khiến khuôn mặt già có một vẻ tạo hình riêng, rất hấp dẫn các nhà nhiếp ảnh. Râu già cuộn cuộn chảy che kín cổ tới ngang ngực. Lông mày chổi sể rọp trên đôi mắt nhỏ, mệt mỏi, đăm chiêu, ngơ ngác, những vẫn còn sót lại vẻ lạnh lợi ngày xưa. Có thể nói khuôn mặt già là tập hợp những râu, tóc, lông mi đã hoa râm che gần kín, ở những chỗ nào không được che hết, lộ ra những mảnh nhẵn chằng chịt, hần những rãnh lõm sâu. Già vẫn như vậy cả về sắc diện nữa. Rõ ràng già chẳng vui lên tí nào khi đã được tự do. ( ... )

Già Đò về từ hôm qua. Nghĩa là được tha từ hôm kia. Cũng chẳng biết rằng mình được tha. Khi xếp hàng đi làm, người ta bảo ở lại... Về tới Hà Nội thì đã tối. Ngủ ở ga Hàng Cỏ một đêm. ( ... )

– Thế đêm qua già ngủ ở đâu ?

– Ở ga đây thôi. Nhưng ở đây họ đuối quá. Trên kia đông. Dưới này mỗi mình tôi, họ đuối. Già thờ dài. Rõ ràng cuộc sống trước mắt của già chưa biết ra sao. Lành ít. Dữ nhiều. Già suy nghĩ nhiều hơn trước.

Già cởi áo bông. Chính cái áo bông hần cho. Già đã kịp vá đê lên chỗ ghi số tù ở sau lưng và ở ngực bông hai mảnh vải xám, xé từ một quần tù. Già toát mồ hôi. Cái áo bông dày quá. Mặc thì nóng, không mặc thì lạnh. Già giở túi vải phồng căng như cái bao tải, rút ra một gói vải con con đựng khoảng hai lạng chè búp.

– Trại cho được bốn mươi hai đồng. Mua lạng chè. Cụ cầm lấy uống.

Đó là món quà của người tù thế nào cũng nhớ tới bạn bè.

– Chẳng có gì, – già Đò vừa buộc lại vừa ấn ấn cái túi. Có cái chăn bông cụ cho. Cái cặp lông cũng cụ cho Dự. Nó được về nó lại cho tôi. Với cái ca con của tôi. Bộ quần áo...

Hán bảo già lấy ra cái cặp lông, cái ca. Hán đặt những thứ đó lên bàn. Lại nhìn thấy rùng. Lại nhai lá sắn non. Cái bếp than bé xíu, ca chè sồi rim rim.

Lại nghe thấy tiếng keng thu hồn, tiếng keng mặc niệm tới gia đình. Hán hiểu ngay rằng cái ca, cái cặp lông, cái áo bông, chăn bông là toàn bộ tài sản của già và sẽ theo già cho đến lúc chết. Với hơn ba mươi đồng còn lại trong túi, già sẽ sống ra sao ?

– Thật là một sai lầm lớn, cụ ạ.

Già nhắc lại câu tổng kết ấy. Già nói với vẻ cam chịu. Câu ấy hán đã nghe già nói trong tù rất nhiều lần. Hán sẽ còn nghe già nói nhiều lần nữa. Như bao nhiêu người đã phải nghe hán nói chuyện hán đi kêu oan. Hán bỗng nhớ đến chị Tường Lâm



của Lỗ Tấn, bị sói ăn thịt mất con, gặp ai cũng than thở : “ *Tôi ngu dại quá, không biết khi trời có tuyết thì sói nó ra...*”

Nỗi đau quá lớn, chị nói để mọi người thông cảm, để vợ bớt sự giầy vò trong lòng, để lên án chính bản thân mình. Mới đầu người nghe còn thương cảm. Nhưng khi cứ thấy chị nói mãi, nói mãi cái điệp khúc ấy người ta không chịu được. Đến nỗi vừa trông thấy chị người ta đã nói ngay với chị những điều chị định nói cùng họ : “ *Tôi ngu dại quá, không biết khi trời có tuyết...*” và cười phá lên trước vẻ mặt ngây ngô của chị.

Không. Hấn không để mình thành kẻ ngớ ngẩn, không để mọi người giễu cợt sự đau khổ của mình như chị Tường Lâm. Mong sao già Đò cũng đùng như vậy.

Cán chưa về. Lượng chưa về. Cấn chưa về. Lê Bá Di cũng chưa về. Kỷ Minh, Hỉn Sán chưa về... Phố đã về. Toán chăn nuôi về nhiều nhất. Sáu người, toàn những người trên bốn lênh. Cái *mandoline* của Cán vẫn còn. Tất Tinh chưa về. Ăn thì vẫn thế thôi. Ông chánh giám thị hình như lên cục phó cục lao cải. Ông thượng uỷ lên thay. Ông phó giám thị *thượng uỷ* lâu lắm rồi. Quân hàm bạc hết rồi...

À ! Nhưng mà cụ có nhớ Sáng không nhỉ. Sáng năm lần trốn trại ấy. Sáng ấy đấy. ( ... )

Đó là những thông tin của già về những người trong trại. – Yên trí rồi, cụ ạ. Có sao chúng mình cũng không chết trong tù nữa.

Hấn cười bảo già. Hấn vẫn nhớ đến điều già sợ nhất ấy. Cứ mỗi đám ma tù, già lại thì thào vào tai hấn : chúng mình cố đùng để chết trong tù nhé. Mà kinh thật những cái đám ma tù. Đến bây giờ nghĩ lại vẫn còn kinh. Những đám ma không tiếng kèn, tiếng khóc, không người đi đưa mà chỉ có người đi chôn thôi.

Đám ma A Thềnh, đám ma Xin Cầm, rồi đến đám ma anh Mán... Khác với Xin Cầm, A Thềnh đi xe trâu, anh Mán *Othello* đi xe công nông ra huyết. Xin Cầm đang khoẻ mạnh lăn đùng ra chết chứ, anh Mán ốm lâu, ngay khi còn sống nhìn đã sợ rồi. Ai cũng biết anh sẽ chết. Người vàng như nghệ. Phù nề trương nứt, rồi tốp lại. *Othello* nằm cạnh già Đò khiến già càng sợ. Đi làm về thì *Othello* đã chết. Tắm chân sợi đắp trên người như dán xuống chiếu, chỗ hai bàn chân vút lên như cánh bướm. Hai lỗ mũi sùi ra hai đồng bong bóng như bong bóng con cua đồng óng ánh màu quang phổ. Nó không vỡ dù anh chết được nửa ngày. Có lẽ nó đã biến thành thủy tinh. Chiếc xe công nông nổ lạch bạch lông lên sòng sọc hắt quan tài từ bên này sang bên kia thùng xe khiến hấn tự hỏi : “ *Không biết xác mạnh thế kia những cái bong bóng ấy có vỡ ra không ?* ”

Hấn định nói với già Đò – lúc ấy đương nằm sấp cạnh hấn, nhìn ra cửa sổ – một câu gì đó, nhưng già Đò đã thì thầm vào tai hấn :

– Cố đùng để chết trong tù, mang cái tiếng chết *rũ tù*, cụ ạ.

Sau khi chôn *Othello*, già hoảng thực sự. Suy sụp thực sự.

Già rất gầy. Mặt teo lại. Ho. Tức ngực. Hấn lục hòm quấy cho già một ít nước đường. Có mấy viên APC Ngọc gửi vào, hấn đưa cho già. Già uống thứ thuốc trị bách bệnh ấy. Nhưng vẫn dần dục. Ít ngủ. Trở mình suốt. Già bảo già đau hết mình mảy. Già nghỉ việc. Ăn không hết suất cơm. Cứ bưng cơm về già lại nghiêng bát sỏ cho hấn một góc. Hấn nài nỉ già : “ *Cụ cố mà ăn đi* ”. Già lắc đầu : “ *Tôi không muốn ăn. Sức khoẻ dạo này kém quá* ”. Già không nói đến chuyện chết với hấn nữa. Vì vậy hấn biết già đang nghĩ đến chính điều ấy. Già đang

sợ chính điều ấy.

Già chiến đấu với nó hay già đã thoả thuận rồi. Có cách gì cứu được già không ? Gãy gò, mắt trũng sâu, lông mày cũng bạc. Già nằm ngửa, mắt nhắm nhìn mái nhà. Ngoài cái chết ám ảnh, già đang nghĩ gì ?

Già nằm như vậy hơn tuần lễ. Rồi già nghe lời hấn gương đi làm. Cho vui. Ở trại buồn lắm. Họ đôn người ốm vào một buồng khoả lại. Suốt sáng, suốt chiều. Quá thời gian giam cùm. Đã ốm lại càng ốm thêm.

Đi làm có anh có em. Thay đổi không khí. Già xới rau. Già thờ. Già ngồi bên đồng lúa. Vật ngồng cải ninh húp nước cho mát ruột, có chất. Xương sườn giặt bộ quần áo đã nặng mùi. Già bắt nhái. Kiên trì moi chộp từng con núp sau chùm rế si rậm rịt. Già chồm đuối con thằn lằn bò trên tường kho dụng cụ. Già chộp hệt nó phía đuối. Già nhảy đón đầu, chẹn được nó giữa những tiếng hò hét âm ỉ. Già ngồi thờ đốc rồi nướng con thằn lằn trên than hồng. Mỡ xèo xèo. Thơm phức. Cá rô cạn đấy. Hấn không ăn. Để già tắm bộ. Rồi già nhận dao quắm đi lấy phân xanh. Khi trở về người già thơm lừng mùi lạc tiên. Mùi lạc tiên sao quyến rũ. Đó là mùi của quá khứ, của làng quê, của thời thơ ấu tràn trề niềm vui sống. Già đưa cho hấn một túi lạc tiên chín ngọt lịm. Già vớ được một chỗ toàn lạc tiên. Ăn no. Ăn đến đầu tỉnh đến đấy.

Cái giống lạc tiên thơm rất dai. Bàn tay hấn cứ thơm mãi mùi lạc tiên. Suốt đêm hấn ngủ mùi lạc tiên thơm mát từ người già, từ râu già, từ quần áo già toả ra qua hai lượt màn sang chỗ hấn. Và thật bất ngờ già khoẻ lại từ hôm ấy. Khoẻ từ hôm ấy cho đến tận hôm nay, đến ngày về như già đang ngồi trước mặt hấn. Hấn cầm tay già lắc lắc.

Già râu rầu :

– Gay quá. Tôi khác cụ. Chẳng biết sống sao đây.

Hết sợ chết già lại lo sống. Sống quả thực khó khăn vất vả, nhất là với những người như già, không một ai thân thích. Không nơi nương tựa. Không một chỗ đặt ba-lô, một chốn dung thân. Người bình thường đã khó. Với cái lý lịch đi tù, lại là tù chính trị, với tuổi tác như già, cuộc sống thật là một con đường hầm tối tăm, tắc tị. Hấn chẳng thể giúp gì được già. Hấn đã quá khó khăn. Thuốc lá cuốn có thời vụ. Đúng thời vụ cũng chỉ được đồng rau, suất gạo sỏ... Mùa hè thì nghỉ, treo câu lên tường. Không ai hút thuốc quẩn. Nóng. Lại phải đợi đến mùa đông. Suốt mùa hè vừa rồi hấn chạy chọt khâu được vài chục cái bao tải của Công ty phế phẩm.

Châu chục lĩnh bao, châu chục đồng thuế, châu chục lĩnh tiền công. Chao ! Đại khổ cực mà chẳng được mấy đồng

## Xin nhớ đón mua Chuyện kể năm 2000

Do nhà xuất bản Thời mới (Canada), tạp chí Hợp Lưu (Mỹ), và nguyệt san Diễn Đàn (Pháp), xuất bản và phát hành vào tháng Năm-2000.

Giá bán : 150 FF, 23 Euro, 20 US \$.  
(kể cả cước phí)

Đặt mua tại các nơi trên.

(Công khâu ba hào một cái bao. Khâu cả ngày đêm cũng được chực bao đầy, nhưng có bao đâu mà khâu).

Bây giờ đang là mùa cuộn thuốc đây. Nhưng người khôn, của khó. Lắm người cuộn quá. Mãi không giao hết một ki-lô thuốc.

Không cần hẳn nói, chỉ nhìn qua, già cũng biết hẳn sống chẳng dễ chịu gì. Già uống nước và kéo ghế nhích lại gần hẳn, nói với hẳn bằng một giọng rụt rè áp úng :

– Tôi định nói với cụ một việc..

Già ngừng lời, ngời thẳng người lên và nhìn xuống bàn đấm chiêu. Không biết có việc gì mà đắn đo, ngần ngại như vậy. Nhưng hẳn là việc hệ trọng.

Rất hệ trọng. Già nhìn quanh căn buồng một lúc, mặc cho hẳn giục. Già rào đón :

– Thế này. Tôi cứ nói, nếu không được thì thôi, cụ đừng ngại gì.

– Nhưng mà có chuyện gì hở cụ ?

Khuôn mặt già đau khổ. Rõ ràng số phận già tùy thuộc vào việc này, tùy thuộc vào câu trả lời của hẳn. Già cũng rất khổ tâm vì già đã cùng đường rồi. Thực lòng già không muốn thế. Hẳn đọc trên nét mặt già những điều ấy. Và cũng không hiểu hẳn thì có thể giúp gì cho già.

– Tôi muốn nói với cụ, tất nhiên là không phải một mình cụ quyết định mà cả cụ bà nữa (ý già muốn nói tới Ngọc). Tạm thời thôi. Vì tôi chưa thu xếp được. Ở ga này không như ga Hàng Cỏ. Ga Hàng Cỏ ngủ được. Còn ở đây người ta đuổi.

Chuyện ấy già đã nói rồi, nhưng nghe nhắc lại hẳn lơ mơ hiểu được điều già định nói.

– Với lại rồi cũng phải đi kiếm ăn. Chẳng lẽ đi đâu cũng mang cái túi này.

Già lấy hết cam đảm nhìn thẳng vào mặt hẳn :

– Cụ bàn với cụ bà xem có cho tôi ngủ nhờ được không. Tôi biết các cụ cũng chật chội khó khăn... Tôi chỉ về ngủ buổi tối thôi. Còn ăn, tôi tự lo.

Hẳn nhìn vào mắt già. Không thể nào từ chối được về mặt ấy, đôi mắt ấy. Dù là chật chội. Chật chội đã đành, nhưng còn phiền phức, phiền phức trong sinh hoạt gia đình, đã hẳn. Lại còn chung quanh, toàn những người ghê gớm, nhưng người coi sự bất hạnh của mình là hạnh phúc của họ. Và sau cùng, còn chính quyền, còn công an. Hẳn chẳng có tội gì mà còn bị công an bắt, bị chính quyền coi là một phần tử nguy hiểm cho cách mạng. Chính quyền sẽ nhìn nhận thế nào nếu hẳn, một tù chính trị lại đi chứa chấp một tù chính trị khác. Chắc hẳn họ nhận định về hẳn : nếu trước đây nó không phản động thì bây giờ nó phản động. Cũng như hẳn biết chuyện một người có gia đình bị xử lý oan trong cái cách ruộng đất giờ đây không được đề bạt vì “ trước đây bố nó bị bán oan trong cái cách, nó thâm thù cách mạng...”. Già Đò cũng hiểu tất cả những điều ấy trong về mặt hẳn. Già gần như nói một mình :

– Tôi bí quá. Nếu cụ giúp được thì tôi cũng chỉ dám nhờ một thời gian ngắn thôi. Hẳn rầu rầu :

– Vâng. Kể ra thì hơi chật chội, nhưng cụ cứ về tạm đây. Nhà tôi chắc cũng không có vấn đề gì đâu. Để tôi nói thêm. Chiều cụ cứ ở lại đây ăn cơm.

( ... )

Cũng có hôm cả nhà đã nằm, hẳn để ngọn đèn dầu vụn nhỏ. Già lặng lẽ đi đến chỗ của già, không có chén nước nóng,

nhưng căn buồng đóng kín, ám sục hơi người làm già dễ chịu. Già nằm im lặng. Hẳn già vẫn cố đơn chiến đấu với đêm dài. Già vẫn thức. Bởi vì khi ngủ, già rên. Nên khi già im lặng, hẳn biết già thức. Hẳn rất muốn biết già làm gì, ăn uống ra sao, có no không. Nhưng già không để cho hẳn hỏi. Cứ về đến nhà là già mau chóng bước vào góc ấy và trùm chăn. Sáng hôm sau khi cả nhà tỉnh dậy, già đã đi rồi. Chân đã gập, chiếu đã cuộn áp lên cái chân. Giống cách xếp nội vụ<sup>9</sup> trong trại. Già đi từ lúc còn tối đất. Già mở cửa rất khẽ, xách túi, xuống thang nhẹ như một con mèo. Già ra đường. Gió thốc lạnh buốt. Nhưng già đã có cái áo bông to lắm. Già thụt người trong áo. Già mở vòi nước công cộng, súc miệng, rửa mặt. Buộc khăn vào quai túi. Và đi. Như một người đang theo đuổi mục một đích lớn lao, một người đang có một công việc phải chịu vất vả, phải gập lên mới kịp.

( ... )

Hẳn còn muốn thức để chờ già Đò về. Tắt đài rồi. Lũ trẻ đã nằm trong màn, trùm chăn. Cái nắm đấm cửa bông sứ khẽ xoay. Già Đò bước vào. Hẳn gật gật khe khẽ :

– Cụ ngồi đây.

Ngọc về màn. Già Đò cảm thấy hôm nay có gì khác. Hẳn rót nước, ghé sát già, thì thào :

– Máy hôm nay, cụ làm gì ?

Già trả lời ngay, không suy nghĩ :

– À! Nhùng nhàng.

Rõ ràng câu trả lời này già đã nghĩ sẵn từ lâu rồi.

Hẳn thấy người già bốc lên một mùi nặng nặng. Như mùi thiêu. Lại như mùi đóng rác ngoài đường chưa kịp xúc lên xe...

– Có nước nóng. Già có rửa ráy không ?

Già lắc đầu. Hẳn kéo già đứng lên và cầm phích cùng già xuống nhà. Hai người đi rất khẽ. Hẳn pha nước (rất khẽ). Già cởi áo bông và khẽ khàng vớt nước nóng lên mặt, lên tay...

Hẳn biết già thoải mái và dễ chịu. Hẳn dành cho già một bát gừng nữa khi đã lên buồng : hai khúc sắn luộc đúng quy trình ở *trong ấy*, khi toán đi làm chủ nhật được bồi dưỡng. Bóc vỏ, đun sôi, chắt nước, rắc muối lên để ấm i một lúc. Miếng sắn đậm đà, chỉ tội hơi ngượng. Già ăn. Không từ chối như mọi hôm. Đó là lần duy nhất già ăn khi về nhà hẳn buổi tối. Già cảm thấy hẳn có điều gì vui. Hẳn nhìn già, khe khẽ :

– Trông cụ gầy đấy.

Già gật gù :

– Gầy là phải thôi.

Có lẽ chỉ già mới biết già đã sống như thế nào, ăn những gì. Cái cặp lông già mang đi có được dùng đến hàng ngày không.

Già đi nằm, không mặc màn như mọi tối.

Khi hẳn chợp được một lúc mà hẳn tưởng như đã lâu lắm rồi, có tiếng đập cửa và tiếng gọi to như ra lệnh :

– Mở cửa nhé! Kiểm tra hộ khẩu đây.

Đó là điều hẳn vẫn chờ đợi. Và hẳn đã chuẩn bị sẵn câu trả lời. Hẳn bật điện, mở cửa. Anh hộ tịch đi cùng ông tổ trưởng dân phố (nguyên tắc nó phải như vậy). Đêm hôm đập cửa vào nhà người ta đánh thức cả nhà người ta đang ngủ phải dậy để đếm từng người mà sao họ không thấy phiền phức, bất tiện nhỉ ? Có lẽ chẳng ai muốn, nhưng biết làm sao. Đây là công việc cần thiết, làm vì cách mạng, cái khổ tâm giảm đi được

chín chín phần trăm. Công tác an ninh là một mặt trận sống còn, âm thầm lặng lẽ, phải chịu khó và chịu khổ nữa.

Những nhà đương cục đứng chứ không ngồi. Họ đếm :

– Ai kia ?

Cái nhìn hướng vào lùm chân ở góc nhà, góc trong cùng cạnh chỗ thàng Hiệp.

Cái chần lùng nhùng cọ quảy và một người ngồi nhòm dậu. Già Đò râu dài, tóc xoã, dân đeo, sợ sệt, mắt nheo nheo vì chói ánh đèn.

Người ta nhìn vào hắn. Ngọc cũng đã ngồi dậy. Nàng cố chỉnh đốn y phục, vuốt tóc tai cho đỡ bù xù, bước ra :

– Dạ thưa các anh, đây là bạn nhà tôi ạ.

– Có đăng ký tạm trú không ?

– Dạ, chưa ạ.

Im lặng. Người hộ tịch gật gù :

– Đưa sổ hộ khẩu đây.

Ngọc tìm quyển sổ ghi hộ khẩu, phát minh của ông Thương Ưởng thời Chiến Quốc mà bây giờ toàn nhân loại đều học, nhưng thật đáng buồn cho Thương Ưởng, chính ông ta đã chết vì phát minh ấy của mình.

– Còn một cháu nữa đâu ?

– Dạ, thưa anh cháu về quê ạ.

– Có báo tạm vắng không ?

– Thưa anh cháu bé về với ông bà cháu ạ.

– Tức là không báo tạm vắng chứ gì ?

Hắn im lặng. Ngọc im lặng.

– Bác khách có giấy tờ gì không?

Già Đò hất hần chiếc chần bông ra. Già tìm trong đồng bùng nhùng chần màn, áo, túi, lấy ra một tờ giấy. Đó là tờ lệnh tha.

Anh hộ tịch xem rất lâu. Lật mặt trước, mặt sau tờ lệnh tha như có sự gì giả mạo và nói một cách bí hiểm và hăm dọa :

– Mai, anh chị và bác lên đôn nhận sổ hộ tịch, nhận giấy.

Rồi đi ra. Hắn nghe xem họ có gõ cửa nhà ai, vào nhà ai nữa không. Tất cả im lặng. Người ta chỉ kiểm tra nhà hắn.

( ... ) Già Đò nghĩ đi làm sáng hôm sau. Ngọc chân mì, hoà nước mắm giấm ớt cả nhà ăn. Một bữa sáng đặc biệt sang trọng đãi già. Hắn ép già ăn hai bát. Già đói.

Ăn xong, già mời Ngọc ngồi xuống để già nói chuyện. Già nhìn nhìn đăm đăm vào một điểm nào đó ở mặt bàn, những rãnh sâu phía dưới mắt xoè hình nan quạt. Già nói chậm rãi, nghiêm trang :

– Hoàn cảnh tôi có khó khăn, được cô chú giúp đỡ không biết lấy gì cảm ơn cho được. Tôi cũng chỉ định nhờ cô chú dăm ba ngày. Nhưng hoá ra lâu, cũng gần hai tuần rồi. Cô chú quá tốt với tôi. Tôi cũng biết chẳng thể nào ở đây lâu được. Chỉ tạm thôi. Tạm thế là quá rồi. Nhà cửa cô chú chỉ có mấy bước chân, riêng gia đình ở đã chật. Lại còn tôi nữa. Các cháu mỗi ngày một lớn. Phải có chỗ cho chúng sinh hoạt, học hành. Thế rồi xảy ra cái chuyện hôm qua. Tôi thật ân hận, nghĩ mình lạm dụng lòng tốt cô chú...

( ... ) Khoảng một tháng sau, già Đò trở lại nhà hắn. Ở nhà hắn đi ra như thế nào, già trở lại cũng y như vậy. Một Vitali cô đơn, bị bọc, rách rưới, mang xách, nặng mùi. Có một điều khác : tàn tạ hơn, mệt mỏi hơn, nhưng ẩn một tia hy vọng vì

đã tìm ra lối thoát.

Già hỏi hắn : “*Cụ có giấy bút không ?* “ Và nhanh nhẹn đỡ lấy những thứ đó từ tay hắn. Già đeo kính.

Cái kính lão mắt tròn tròn cổ lỗ hồi đầu thế kỷ, một mắt lại vỡ rạn hần là quá nhẹ với già, nên già phải ngửa đầu ra phía sau mà nhìn vào tờ giấy. Già viết rất khó khăn. Bé Dương lại sấn đến để chạm tay vào chòm râu rể tre, cuộn cuộn của già, nhưng già khễ khàng bảo nó :

– Đi chơi, để bác làm nhé.

Nó đi ra chỗ bố. Thì đành đứng đó nhìn chòm râu già vậy.

Bỗng già buông bút, nhìn hắn :

– Hay là cụ viết giúp tôi.

Hắn vui vẻ nhận lời. Già đọc :

*Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.*

*Kính gửi Sở Công an.*

– À, gượng đã. Hay là kính gửi Ban giám thị trại VQ nhỉ ?

– Nhưng mà nội dung đơn là gì cơ ?

– Tôi xin trở lại trong ấy.

Hắn choáng người, đặt bút xuống, nhìn già chằm chằm.

– Tôi suy nghĩ kỹ rồi, cụ ạ. Ở trong ấy tốt hơn.

Già chớp chớp mắt :

– Đòi tôi là không gia đình. Ở đâu cũng vậy thôi.

Hắn hiểu. Cuộc sống trong tù đối với già dễ chịu hơn rất nhiều. Nhưng phải chết ở trong ấy. Già không sợ nữa sao ?

– Ở ngoài này tôi không chịu đựng nổi nữa rồi.

Hắn cảm thấy già có lý : với già sống ở ngoài đời đáng sợ hơn chết ở trong tù nhiều lắm.

– Thế thì phải làm đơn gửi Sở Công an. Trại người ta không nhận đâu. Phải là từ Sở đưa lên. Trại đã xuất kho mình rồi, ai người ta nhập kho mình nữa.

– Ý tứ thế. Cụ viết giúp tôi.

Hắn viết. Già ngồi im lặng. Hắn bảo già :

– Cụ nghe tôi đọc lại nhé.

*Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.*

*Đơn xin vào lại trại cải tạo...*

Già nghe, gật gù... “*Được. Được*”. “*Già ký vào đây*”. Già ký. Ký xong về mặt già bỗng thay đổi. Từ hy vọng chuyển sang lo lắng. Không biết người ta có nhận đơn không ? Già bảo hắn, giọng bi quan :

– Làm đơn thì làm, chứ chưa chắc đã ăn thua gì đâu, cụ ạ.

Đó là lần cuối cùng già lại nhà hắn. Việc nộp đơn xin vào trại của già không được chấp nhận. Già đi bới rác. Già lê la ở các cửa hàng mậu dịch, khách sạn. Đồn dịch những bát phở, vệt đa, nhặt những mẩu bánh mì thừa. ( ... )

Thế rồi sau đó ở các phố xuất hiện một ông già được bọn trẻ con chào đón nhiệt liệt. Một ông già nhỏ bé, râu dài cuộn cuộn. Túi vải to đeo lệch vai. Ông đi vào các nhà, ăn cắp. Ông chỉ dám kéo ít quần áo, tã lót phơi ở sân. Hoặc thó một đôi dép hớ hênh ngoài cửa. Nhưng chưa một lần ông lão thành công. Có một điều kỳ lạ là già bị lộ khi đang ăn cắp, nhưng không ai ghét bỏ già. Cũng chẳng riếc móc, đánh đập. Chẳng báo công an. Tối khi công an biết cũng chẳng đưa đi tập trung cải

tạo. Thật là thất bại thảm hại. Chỉ có lũ trẻ là cứ làm âm lên. Già vào một ngõ có nhiều quần áo căng ở dây phơi. Vừa thấy già, lũ trẻ trong ngõ đã reo âm ỉ. Chúng mừng rỡ, vỗ tay hoan hô vang dậy. Già đi đến đâu ở đó dậy lên tiếng reo trong trẻo hồn nhiên của lũ trẻ chẳng một chút ác ý với già.

( ... ) Già bước những bước xiêu xiêu trở ra. Lũ trẻ ủa tới nhảy nhót, nghịch ngợm chung quanh. Chúng chế giễu già là không biết ăn cắp, là ăn cắp hạng bét và hoan hô già. Già chỉ mỉm cười độ lượng.

Ở những ngõ khác, lũ trẻ hồi hộp chờ già tới với chúng. Chúng buồn bã, thất vọng khi già đi thẳng. Chúng vụt biến mất như chui xuống đất khi già rẽ vào nhà chúng. Với vẻ mặt sung sướng háo hức ranh mãnh, chúng chuẩn bị cho trò chơi vô cùng thú vị sắp xảy ra.

Như ông già Noel, già mang niềm vui đến cho đám trẻ. Nhưng khác với ông già Noel bắt tũ, già đem những ngày cuối cùng của cuộc đời già ra làm trò vui ấy.

Già cũng không nhớ được bữa ăn gần nhất của già cách đây đã mấy hôm rồi. Và già ăn cái gì vào bụng. Già không thấy đói nữa. Già đi như người mộng du. Già cảm thấy người già rất nhẹ. Già đi mà chân như không chạm đất.

Rồi đến một ngày già không đi được nữa. Già thấy mình đang phiêu diêu. Thật là một cảm giác khoan khoái dễ chịu, già chưa từng biết tới. Già đã chọn cho mình chỗ nằm để phiêu diêu : một ngôi đình khá rộng sát nội thành, nơi thờ vị thần cách đây mấy trăm năm đã cắm lưới gươm làm mốc khai phá bãi sù để vùng đất chua mặn này ngày nay trở thành thành phố.

Ngôi đình đổ nát và bị bỏ quên. Thời sau Genève, thời già đi làm nhà máy giấy, ngôi đình là nơi tập kết lợn của Công ty thực phẩm. ( ... )

Từ khi chiến tranh bán phá, thành phố sơ tán, người ta không đưa lợn về đây nữa. Ngôi đình hoàn toàn hoang phế. Không một dấu vết thờ phượng. Cứt lợn cũng hết lâu rồi. Chỉ còn dơi treo mình lủng lẳng.

Thật là một chỗ nằm yên tĩnh lý tưởng để phiêu diêu. Chẳng ai quấy rầy già. Phiêu diêu là một cảm giác sung sướng lạ lùng. Chẳng nhớ được một điều gì, chỉ thấy mình đang tan đi và đang bay...

Già không chết trong tù, đúng như có lúc già mong ước. Già cũng không đến được với lũ trẻ nữa. Những ngày đầu chúng luôn nhắc tới già. Chúng nhớ già, chờ già, mong già.

Và chúng nhanh chóng quên già.

Quên hẳn.

### Bùi ngọc Tấn

- (1) Tên trại giam ở P.
- (2) Đồ lợn.
- (3) Giống ngu xuẩn.
- (4) Tự do! Tự do thân yêu ơi ! Trái tim ta thuộc về người, Cuộc đời ta thuộc về người.
- (5) Buồng D.
- (6) Một năm.
- (7) Vào nhà ăn cắp.
- (8) Ăn cắp.
- (9) Quần áo, đồ dùng cá nhân của người tù.
  - (a) phu khuôn vác
  - (b) matelot : thủy thủ
  - (c) boucher : lạp

Trong giới đại học phương Tây, đặc biệt là ở Pháp, có một tập tục khá đẹp là khi một học giả bậc thầy đến độ tuổi lục tuần, một nhóm bạn bè hay môn đệ của ông thường góp bài viết về các lĩnh vực hoặc đề tài mà ông quan tâm, để in thành sách nhằm « bày tỏ sự kính trọng, khâm phục, biết ơn » của họ đối với nhà học giả đó. Sự « bày tỏ... » như thế, tiếng Pháp gọi là « hommage » mà từ năm, sáu năm nay ai đó ở trong nước, nếu tôi không lầm, dường như đã dịch là « tôn vinh » nghe khá lạ tai. Còn loại sách nói trên thì tiếng Pháp gọi là « mélanges » mà *Từ điển Pháp-Việt* do Lê Khả Kế chủ biên dịch là « tạp văn » hay « tạp văn kỷ niệm ». Cụm từ sau sát nghĩa hơn, nhưng chỉ tiếc là hơi dài. « Mỹ tục » nói trên (mà đúng thế thật !) rõ ràng là cho đến gần đây chưa được du nhập vào Việt Nam. Đã đành là cách đây hai, ba mươi năm ta đã có các tập sách kỷ niệm 300 năm ngày sinh của Nguyễn Du, 600 năm ngày sinh của Nguyễn Trãi... , nhưng đó là các danh nhân đã qua đời từ lâu.

Mới đây thôi, vào năm 1997, bộ môn Phương pháp luận sử học thuộc khoa Lịch sử của trường Đại học Quốc gia Hà Nội có xuất bản một cuốn sách<sup>1</sup> để « tôn vinh » Hà Văn Tấn, một nhà nghiên cứu được nhiều nhà nghiên cứu Việt Nam và quốc tế mến phục như Phan Huy Lê... Ngoài bài của Hà Văn Tấn trong đó ông thanh thản và khiêm tốn nhìn lại « 40 năm học tập và nghiên cứu » của chính mình, sách gồm hai phần. Phần thứ nhất đăng các bài viết của 12 đồng nghiệp (Phan Huy Lê, Đinh Xuân Lâm, Phan Đại Doãn... ) và học trò của ông : tất cả đều có tính cách hồi ký nhằm kể lại vài kỷ niệm cảm động về Hà Văn Tấn. Phần thứ hai đăng « một số công trình tuyển chọn và thư mục » các tác phẩm của ông (thư mục này gồm 233 đầu đề, tính đến 1997). Có thể xem sách này như là tập « mélanges » đầu tiên theo tinh thần đã nói trên đây, dù nội dung và cách làm có khác.

So với tập sách vừa nói trên, *Liber Amicorum, Mélanges offerts au Professeur Phan Huy Lê* [*Sách của những người bạn viết, Tạp văn tặng giáo sư Phan Huy Lê*]<sup>2</sup> đúng là có vài cái mới, dĩ nhiên đối với Việt Nam. Cái mới nhất là đã tập hợp được khá nhiều bài nghiên cứu khoa học có chất lượng, chủ yếu là của các nhà nghiên cứu nước ngoài :

- \* Pierre Brocheux (Đại học Paris 7), *Diễn biến ở đồng bằng sông Cửu Long thông qua một xã ở tỉnh Cần Thơ (1960-1997)*, (tr. 7-22).
- \* Phan Đại Doãn (Đại học Hà Nội), *Phương thức vận hành và nền tảng kinh tế của tộc họ người Việt*, (tr. 23-34).
- \* Martin Grossheim (Đại học Passau), *Hệ thống công điền ở Bắc Kỳ trong thời Pháp thuộc*, (tr. 43-86).
- \* Daniel Hémerly (Đại học Paris 7), *Nghiên cứu lịch sử cận đại và hiện đại Đông Nam Á từ những năm 1960 : miêu tả tình trạng*, (tr. 87-102)
- \* John Kleinen (C.A.S.A./I.I.A.S., Amsterdam), *Cắt tóc và thuế : phong trào chống thuế ở Trung Kỳ, 1908*, (tr. 163-182)
- \* Philippe Langlet (Paris 7), *Hợp tác trong nghiên cứu địa bạ*, (tr. 163-182)
- \* Shaun Kingsley Malarney (Tokyo), *Thực hành đạo Phật ở nông thôn miền Bắc*, (183-200)
- \* Philippe Papin (Viện Viễn Đông Bác Cổ), *Lịch sử các cuộc tiếp xúc : đặt vấn đề và giả thuyết nghiên cứu*, (tr. 205-219)
- \* Keith W. Taylor (Đại học Cornell), *Kỷ ức ở phương nam về Cao Biền*, (tr. 241-274)
- \* Yoshiharu Tsuboi, *Sự thách đố của Đông Nam Á đối với thế giới : Tương đối hoá phương Tây*, (tr. 205-219)
- \* Đoàn Thiện Thuật, *Đóng góp mới vào việc nghiên cứu chữ quốc ngữ*, (tr. 275-283)

Trong các bài viết có tính cách chứng từ, không kém hứng thú, Vũ Minh Giang, Đinh Xuân Lâm, Nguyễn Quang Ngọc,

## Hai tập văn “ tôn vinh ” HÀ VĂN TẤN và PHAN HUY LÊ

Nguyễn Văn Chính, Lê Văn Sinh (Đại học Quốc gia Hà Nội), Benedict J. Tria Kerkvliet (Đại học Quốc gia Úc), Oscar Salemink (Ford Foundation) đã kể lại nhiều kỷ niệm đôi khi khá cảm động về Phan Huy Lê hoặc giới thiệu những đóng góp đa dạng của ông cho nền sử học Việt Nam, với tư cách nhà giáo, nhà nghiên cứu, nhà tổ chức nghiên cứu và hợp tác khoa học quốc tế.

Phần cuối của tập sách là thư mục song ngữ Việt-Pháp, sắp theo thứ tự thời gian toàn bộ các công trình của Phan Huy Lê, gồm cả thầy 279 đầu đề !

Trong khuôn khổ giới hạn của một bài điểm sách, tôi chỉ có thể giới thiệu một số bài nghiên cứu.

Kết quả của một cuộc điều tra điền dã vào tháng 8/1997, bài viết của P. Brocheux cho thấy rằng cuộc « cách mạng xanh » ở đồng bằng sông Cửu Long đã bắt đầu trước khi hoà bình được lập lại vào năm 1975 và chính quyền mới đã tạo điều kiện thuận lợi cho nó phát triển mạnh thông qua cuộc cải cách tổ chức kinh tế và xã hội vào năm 1986 : cuộc cải cách này đã cho phép nông dân chủ động làm ăn, kinh doanh nhờ được giải phóng khỏi các mục tiêu của kế hoạch và khỏi sự bó buộc phải nộp sản phẩm cho nhà nước. Kết quả là « nhìn chung, mức sống của người nông dân được cải thiện » (tr. 18). Theo tác giả, ngoài hiện tượng ruộng đất đang bị « tái tập trung », quan hệ giữa nhà nước và nông dân là một vấn đề đặc biệt quan trọng, có tính chất gay gắt trong giai đoạn hiện nay khi việc xây dựng một nhà nước hiện đại đang được đặt ra nhưng lại chưa được nghiên cứu, thảo luận. Đường như sự chuyển đổi từ kinh tế kế hoạch, tập trung sang kinh tế thị trường đã được thực hiện từ từ và được « lèo lái theo cái thấy trước mắt » (*naviguant à vue*) (tr. 20).

Phân tích diễn biến của nghiên cứu lịch sử cận đại và hiện đại ở Pháp từ 40 năm nay, Daniel Hémerly trước hết nêu bật lên sự đảo lộn rất có ý nghĩa đã xảy ra vào khoảng năm 1960. Trước đó, nhân loại học (anthropologie) và nhất là đồng phương học (orientalisme) đã có “ một sức hút mạnh đến độ cản trở việc xuất hiện của một nghiên cứu sử học đòi chút vững vàng » (tr. 89). Nhờ các công trình nghiên cứu của Paul Mus (1952), Philippe Devillers (1952), Jean Chesneaux (1955)..., nghiên cứu sử học đã chuyển giai đoạn. Từ năm 1970 trở đi, « cái nhìn đồng phương học không còn thống trị nữa », « lịch sử của thế kỷ XX ra đứng hàng đầu [...], dĩ nhiên là đồng vọng với các cuộc tranh chấp đang hoành hành dữ dội ở Đông Nam Á » (tr. 90) và chịu ảnh hưởng của các trào lưu của « Sử học mới » (Nouvelle histoire). Đó là một « lịch sử với rất nhiều rủi ro, dẫn thân, không phân biệt được với, ngay cả bị tù hãm bởi các trận đấu đá chính trị và tư tưởng hệ trước và sau 1968 » (tr. 91). Từ năm 1980 trở đi, các công trình nghiên cứu lịch sử nỗ lực đi ngược về « thượng lưu phi thuộc địa » : một chủ đề mới xuất hiện dựa trên việc sử dụng hỗn hợp, lắm khi có tính cách tân, các nguồn tư liệu thuộc địa khổng lồ cùng với các nguồn tư liệu tiên và phi- thuộc địa. Theo tác giả, sự hội tụ thiết yếu, ngay cả sự lệ thuộc lẫn nhau, giữa di sản đồng phương học và cách nghiên cứu của nhân loại học và của sử học cận đại và hiện đại không những không gì thay thế được mà còn là điều kiện duy nhất để tạo ra sự thăng bằng cho bộ môn nghiên cứu sử học về Đông Nam Á ở Pháp, theo sự đánh giá của Daniel Hémerly, có một số thiếu sót, yếu kém không những phát xuất từ tình trạng rất bấp bênh, nếu không nói là đang suy thoái, của các điều kiện tổng quát của chính bộ môn này, mà cả

từ các hình thái tâm thức và các phạm trù trí thức của lao động sử học vẫn còn chịu tác động sâu sắc của các khung địa lý-chính trị của các giai đoạn thuộc địa cũng như giai đoạn giải phóng thuộc địa.

Với một lối diễn đạt khá tự do, bài viết của Philippe Papin hoàn toàn có tính chất phương pháp luận. Theo tác giả, Việt Nam là một đất nước tuyệt vời để nghiên cứu lịch sử các cuộc tiếp xúc vốn rất nhiều và đa dạng ở đây. Thế mà, cho đến hiện nay, bộ môn lịch sử này đã là nạn nhân của sự dẫn thân chính trị và của các cái lọc tư tưởng hệ : : Khổng giáo nhà nước, nhân quan của triều đình và nho sĩ, các « tiền giả định » (présupposés) của thời thuộc địa hay của sử học cách mạng. Mặt khác, sự tiếp xúc thường được quan niệm gồm hai giai đoạn tách biệt nhau : trước hết là giai đoạn chinh phục, rồi đến giai đoạn trong đó hoặc « nền văn hoá thống trị » đồng hoá « nền văn hoá bị trị », hoặc « nền văn hoá bị trị » kháng cự lại « nền văn hoá thống trị ». Mặt khác, các cuộc tiếp xúc văn hoá thường được quan niệm như trong hoá học, theo kiểu hai hoá chất được đổ vào trong một nhũ ống nghiệm, chúng kiểu sẽ hoà lẫn vào nhau, hoặc chồng lên nhau, hoặc đối kháng nhau..., hậu quả của quan niệm « khối này chống lại khối kia ». Theo tác giả đề nghị, khi nghiên cứu lịch sử về các cuộc tiếp xúc cần phải quan tâm đến những biến đổi bên trong, « lối chơi xã hội » (jeu social) và quá trình lịch sử khiến cho một xã hội phải thay đổi (tr. 219).

Bài viết của Shaun Kingsley Malarney đem lại cho độc giả nhiều thông tin về thực tiễn tôn giáo của tín đồ theo đạo Phật ở xã Thịnh Liệt cách Hà Nội chừng mười kilômét về phía nam. Từ năm 1986, đạo Phật bắt đầu phát triển trở lại ở đây cũng như ở khắp miền Bắc, chủ yếu nhờ sự năng động của các phụ nữ lớn tuổi theo đạo Phật. Một Hội Phật giáo được thành lập ở Thịnh Liệt gồm nhiều phụ nữ và một ít nam giới, cả hai thường là đã cao tuổi. Tác giả nhấn mạnh đến đặc điểm sau đây : ngoài các sinh hoạt thuần tuý Phật giáo, hội này còn rất năng động trong việc tổ chức các cuộc lễ ở các đình làng, dù như ta biết trước cách mạng, trừ một số trường hợp ngoại lệ, đình làng là nơi dành riêng cho nam giới. Theo tác giả, sự hồi sinh của Phật giáo trước hết là do ý muốn đi tìm sự phù hộ siêu nhiên của những người buôn bán hay làm các nghề có nhiều rủi ro khác (đã được nền kinh tế thị trường phát triển rất nhanh), cũng như của các thanh niên đang phải đương đầu với các vấn đề thi cử hay tình yêu. Nhưng lý do chính yếu theo tác giả là tầm quan trọng đặc biệt mà người Việt dành cho cái chết: tất cả các cuộc lễ quan trọng về tâm lý cũng như về xã hội mà tác giả đã tham dự ở Thịnh Liệt đều gắn liền với cái chết. Và lại cũng theo tác giả, cả trong giai đoạn triệt để nhất của thời cách mạng xã hội chủ nghĩa, nếu các tín đồ Phật giáo chấp nhận từ bỏ một số thực tiễn tôn giáo nào đó, thì trái lại họ vẫn cương quyết giữ nguyên cách họ xử lý người thân đã chết.

Dẫu tập sách còn khá nhiều lỗi đặc biệt trong các bài dịch từ tiếng Việt ra tiếng Pháp hoặc tiếng Anh, rõ ràng « *Liber Amicorum* » là một thành công đáng khích lệ. Như đầu đề của tập sách đã xác định rõ, đây vừa là sự « tôn vinh » khoa học vừa là sự biểu hiện tình cảm sâu sắc của nhiều nhà nghiên cứu người Việt Nam cũng như người nước ngoài, đối với Phan Huy Lê : tất cả những ai có dịp tiếp xúc hay làm việc với ông đều bị trí thông minh, bản lĩnh khoa học và nhất là cách ứng xử chu đáo, nồng hậu của ông quyến rũ.

**Nguyễn Trọng Nghĩa**

(1) *Giáo sư sử học, nhà giáo nhân dân Hà Văn Tấn*, Hà Nội : Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 1997, 252 tr.

(2) Philippe Papin, John Kleinen (éds.), *Liber Amicorum, Mélanges offerts au Professeur Phan Huy Lê*, Hà Nội : C.A.S.A./I.I.A.S., Nhà xuất bản Thanh Niên, École française d'Extrême-Orient, 321 tr.

# SỢ HƠN BẢO TÁP

Cao Xuân Hạo

Nhiều cán bộ lãnh đạo nền giáo dục của ta đã thấy tính vô hiệu quả của cách dạy tiếng Việt ở nhà trường : vào đại học, nhiều sinh viên chưa biết viết một bức thư cho đúng ngữ pháp và chính tả ; đến nỗi Bộ phải ra quyết định buộc sinh viên năm thứ nhất tất cả các trường phải học “ Tiếng Việt thực hành ”, và nhiều giáo sư văn học đã phải thốt lên : “ *Mong sao sau 12 năm học phổ thông con tôi vẫn còn nói và viết được tiếng Việt như trước khi đi học !* ”. Một ông bạn cũ lâu năm gặp lại, nay là hiệu trưởng trường phổ thông cơ sở, khi biết tôi đang dạy và viết về tiếng Việt, liền tái mặt và van xin tôi tha thiết : “ *Anh chớ viết thêm cái gì mới nữa đấy ! Chỉ thay đổi xoành xoạch như mấy năm nay giáo viên dạy tiếng Việt trường tôi cũng đã đi Biên Hoà (1) mất hai người rồi !* ”. Và tôi cũng đã được nghe chính người thầy cũ của tôi (một Nhà giáo Nhân dân) phát biểu trong một cuộc hội nghị do Bộ tổ chức là nên bỏ hẳn môn tiếng Việt ở trường phổ thông để “ *giành thì giờ học những môn có ích hơn hay ít ra cũng không có hại bằng* ”.

Dĩ nhiên khi nghe những lời như thế tôi và các bạn đồng nghiệp không khỏi thấy lòng đau như cắt, thấy danh dự của mình bị xúc phạm sâu xa, và ví thử vị giáo sư nói trên không phải là thầy tôi, thì tôi đã không ngăn được một cử chỉ phản ứng hỗn xược. Nhưng chỉ một giây sau, tôi, cũng như bất cứ ai có chút lương tri, phải tự nhủ rằng câu nói phũ phàng ấy hoàn toàn có đủ căn cứ.

Thế nhưng trong khi các giáo sư toán lý hoá luôn luôn thấy mình cần ra sức rút ngắn cái khoảng cách giữa mình và khoa học tiên tiến của thế giới, thì chúng tôi, các nhà giáo của khoa ngữ văn, lại không có giây phút nào thấy mình cần làm việc đó. Không những thế, mà trong chúng tôi còn có không ít người thấy mình vượt lên phía trước rất xa so với các nước khác, đến nỗi trong một cuộc họp khoa tôi đã tai nghe mắt thấy một bạn đồng nghiệp yêu cầu các giảng viên ngữ học khuyến khích sinh viên từ nay trở đi

không dẫn các tác giả ngoại quốc nữa, vì thế giới ngày nay đã lâm vào một cơn khủng hoảng trầm trọng về khoa học xã hội ; duy có Việt Nam làm thành một ốc đảo còn có được một nền khoa học ngữ văn lành mạnh.

Hiện tượng này không đáng lấy làm lạ, vì ở ta có hai ngành mà nhiều người quan niệm là không cần học một chữ nào cũng có thể làm được : đó là Văn và Ngữ. Cách đây bốn chục năm, bản thân tôi đã từng được triệu tập đến nghe bốn buổi (14 tiếng đồng hồ) giảng về ngôn ngữ học, trong đó diễn giả chưa từng đọc một trang sách báo nào về ngôn ngữ và ngôn ngữ học, cho nên nói toàn những chuyện mà ở trường, ngay khi giảng những buổi đầu, chúng tôi đã phải dặn sinh viên đừng bao giờ nghĩ và nói như thế, vì đó chính là những sự ngộ nhận thô thiển nhất của người ngoại hàng mà bốn năm học ngôn ngữ học ở trường sẽ giúp họ thanh toán triệt để.

Cho nên tình trạng lạc hậu trong các ngành học này là điều khó tránh khỏi. Lạc hậu mà biết mình lạc hậu (như bên các ngành khoa học chính xác) thì không sao : chỉ cần chăm chỉ đọc sách mới là chẳng bao lâu sẽ bắt kịp người ta ; nhưng bên chúng tôi thì không phải như thế. Thấy rõ mình lạc hậu không phải để : phải hiểu người ta tiến xa đến đâu đã, rồi mới ước lượng được cái khoảng cách giữa người ta với mình. Nhưng làm sao hiểu được điều đó khi bản thân mình còn sa lầy ở một giai đoạn mà người ta đã bỏ xa từ hơn nửa thế kỷ trước ? *Một số lớn trong chúng tôi không hề thấy mình lạc hậu chính vì lạc hậu quá xa, nhìn về phía trước không còn thấy mô tê gì nữa.* Và lại khi đã có đủ những học hàm học vị hăng mong ước rồi, rất ít người có thể tưởng tượng rằng mình mà lại cần đọc sách mới làm gì nữa, nhất là sau khi thử đọc một trang mà không hiểu nổi lấy một dòng.

Một trong những cái tội lớn nhất của thực dân Pháp là nền giáo dục mà họ đã áp đặt cho dân ta. Nền giáo dục ấy không nhằm đào tạo một đội ngũ trí thức. Nó chỉ nhằm đào tạo ra một lớp nha lại. Ngay như môn tiếng Pháp họ

cũng không thèm quan tâm sửa đổi cho kịp với sự tiến bộ của khoa học. Cái ngữ pháp tiếng Pháp mà họ dạy cho học sinh của ta là thứ ngữ pháp cổ lỗ của thời đại chiến thứ nhất, vốn không tiến xa hơn những tri thức có từ thế kỷ thứ XVIII. Điều này rất rõ đối với bất kỳ ai đã từng so sánh sách dạy tiếng Pháp ở Đông Dương năm 1945 với sách dạy tiếng Pháp ở Pháp cũng vào năm ấy (mà chỉ có một số rất ít học sinh Việt Nam học trong trường Pháp được học).

Di hại của chủ trương ngu dân ấy cho đến ngày nay vẫn còn rõ mồn mốt. Sở dĩ việc dạy ngữ pháp tiếng Việt trong nhà trường của ta hoàn toàn thất bại là vì nội dung được đem ra dạy chính là ngữ pháp tiếng Pháp được miêu tả theo một lối cổ lỗ, chứ không phải ngữ pháp tiếng Việt tuy dùng toàn thí dụ tiếng Việt. Chỉ nhờ một sự trùng hợp tình cờ mà tiếng Việt có những kiểu câu có thể phân tích theo ngữ pháp tiếng Pháp (của nhà trường Pháp trước Đại chiến : chủ ngữ, động từ, tân ngữ...), nhưng tiếc thay, những kiểu câu “ Pháp-Việt đề huê ” như thế chỉ chiếm khoảng 20 % trong số kiểu câu của tiếng Việt, còn các kiểu câu không hoàn toàn giống tiếng Pháp thì một là khi phân tích người ta tìm cách đảo lại cho giống tiếng Pháp [như đảo câu *Tôi tên là Nam* thành *Tên (của) tôi là Nam*] ; hai là cắt bớt cái phần không giống tiếng Pháp đi (bỏ chữ *Tôi* trong câu trên ra ngoài “ *nòng cốt cú pháp* ”) ; ba là không phân tích những kiểu câu ấy, coi đó là “ *câu đặc biệt* ” ; trong khi ít nhất có 70 % kiểu câu như thế trong vốn văn học dân gian, trong văn học cổ điển và hiện đại ; cũng như trong tiếng nói hàng ngày mà ta vẫn nghe thường xuyên.

Trong khi đó, trong 12 bộ sách tiếng Việt dạy cho các lớp phổ thông khó lòng tìm ra được lấy một chục câu nêu rõ các quy tắc ngữ pháp (tiếng Việt) mà học sinh phải vận dụng thành thạo để viết cho đúng, nếu không kể vài ba trường hợp may mắn mà ngữ pháp tiếng Việt giống như ngữ pháp tiếng Pháp (chẳng hạn như trong câu *Em đi học*, phải nói *em* trước, rồi mới đến *đi*, rồi mới đến *học*). Còn hàng trăm quy tắc khác, cũng cơ bản và cần thiết không kém, thì chẳng có sách nào nói lấy một câu. Cũng may mà 12 năm học tiếng Việt vẫn không đủ để tiêu diệt hết cái cảm thức về tiếng mẹ đẻ mà mỗi học sinh, nhờ sống trong lòng nhân dân, vẫn còn giữ nguyên bất chấp các sách giáo khoa, cho nên vẫn nói đúng *trong những điều kiện sinh hoạt tự nhiên*, tuy có thể viết

(1) Chỉ bệnh viện tâm thần ở Biên Hoà - Đồng Nai.



sai rất nhiều, vì khi viết và nhất là khi dịch từ tiếng châu Âu người ta làm vào những điều kiện khác hẳn, thành thử cái cảm thức kia không còn chi phối hành vi ngôn ngữ nữa, và nhiều khi người ta viết ra những câu mà thường ngày người ta không bao giờ nói và nghe người Việt nói, và nếu có ai nghe ai nói như thế thì người ta phải bật cười. Lẽ ra một người làm ngôn ngữ học hay làm phiên dịch chuyên nghiệp phải luôn luôn nhớ mình và đồng bào mình nói năng như thế nào.

Đến những năm 50 còn có thêm một nhân tố nữa làm hỏng hẳn cách suy nghĩ và viết lách của các nhà Việt ngữ học. Đó là cái nguyên tắc lấy “ khả năng kết hợp ”, được hiểu một cách thô sơ thành sự phân biệt giữa “ độc lập ” và “ hạn chế ”, làm “ tiêu chuẩn khách quan ” để phân biệt đủ thứ (từ hay không phải là từ, có nghĩa hay không có nghĩa, thuộc từ loại này hay từ loại khác, v.v...). Những nguyên tắc này vốn do phái miêu tả của Mỹ đưa ra trong thập kỷ 30 và chỉ sau đó mấy năm đã bỏ hẳn, vì khi thực sự dùng vào việc phân tích, nó dẫn đến những kết luận cực kỳ phi lý. Thế nhưng nó đã được các nhà Việt ngữ học đi theo Lê Văn Lý dùng làm nguyên lý chủ đạo trong mọi lĩnh vực, kể cả những tác giả không tiếc lời mạt sát nền ngôn ngữ học Mỹ. Sở dĩ như thế là vì cái “ tiêu chuẩn ” này miễn được cho nhà ngữ học nhiều công việc rất khó chịu như việc quan sát tỉ mỉ lời ăn tiếng nói của người Việt và suy nghĩ kỹ càng về ý nghĩa của từ ngữ và câu cú Việt Nam.

Rốt cuộc, ngoài việc phân biệt “ độc lập / hạn chế ” ra, người viết sách ngữ pháp Việt Nam không còn biết đến một nguyên tắc làm việc nào khác [nếu không kể cái định kiến cho rằng tiếng Pháp (hay tiếng Nga, tiếng Anh) như thế nào thì tiếng Việt “ dĩ nhiên ” phải thế ấy]. Kết quả là sách ngữ pháp tiếng Việt hoàn toàn thoát ly tiếng Việt, và nếu bỏ các thí dụ bằng tiếng Việt đi thì ta sẽ có một chân dung tiêu biểu của một thứ ngôn ngữ Ấn-Âu điển hình, trừ một số đặc trưng hình thái học (như “ chia động từ ”, “ biến cách ” v.v... không phải ngôn ngữ Ấn-Âu nào cũng còn giữ). Sách ngữ pháp của ta là một tập hợp những “ sắc lệnh ” võ đoán mà người học phải chấp nhận như một giáo lý thiêng liêng hơn cả những sự thật hiển nhiên mà họ (và người ban bố sắc lệnh) có thể quan sát mỗi ngày mấy trăm lần trong tiếng nói của toàn dân và của chính mình. Những “ sắc lệnh ” ấy là do những bộ óc siêu quần chọt “ ngọc ” ra trong những khoảnh khắc loé sáng của thiên tài chứ

không phải là kết quả của những năm lao động miệt mài nghiên cứu lời ăn tiếng nói của dân tộc. Không có lấy một nhận định nào được nêu rõ căn cứ, không có lấy một khái niệm, một thuật ngữ nào được định nghĩa một cách nghiêm túc, nghĩa là đủ minh xác để cho học sinh và giáo viên có thể tự mình biết là cái khái niệm, cái thuật ngữ ấy ứng vào những từ ngữ nào, thành thử ít có giáo viên nào dám tự mình đưa thêm một vài thí dụ ngoài các thí dụ trong sách. Những cách định nghĩa như “ chủ ngữ là ngữ làm chủ ” không cho ai biết thêm được chút gì để tự mình tìm ra một thí dụ về chủ ngữ, càng không giúp ai sử dụng khái niệm này để hiểu thêm tiếng Việt.

Cái lợi duy nhất của cách soạn ngữ pháp ấy là các tác giả tha hồ thay đổi giáo trình tùy theo cảm hứng, cứ một vài năm lại “ cải cách ” một lần bằng cách đưa ra một nhận định ngược với nhận định năm trước mà không cần phải chứng minh gì cả (vì cái nhận định năm trước cũng có lẽ được chứng minh gì đâu ?). Dù năm trước có nói *con mèo* là hai từ, thì năm sau cứ việc nói *con mèo* là một từ nếu nảy ra cái ý thích nói như thế : cần gì biết giáo viên ăn nói ra sao với học sinh, học sinh ăn nói ra sao với cha mẹ ? Khổ thân nhất là những học sinh có cha mẹ hay chú bác có chút văn hoá đủ để biết thế nào là một quy tắc, một khái niệm, một thuật ngữ khoa học, và thế nào là một câu tiếng Việt tử tế : cái vốn văn hoá ấy mà dùng vào việc “ phụ đạo ” cho con cháu chắc chắn sẽ làm cho chúng ăn điểm 1 điểm 2 suốt đời, vì sách giáo khoa tiếng Việt không hề căn cứ vào một cái gì mà người Việt có văn hoá phải biết cả.

Sau khi học ngôn ngữ học từ các giáo sư và tác giả người Âu (đó là cách duy nhất để học lý thuyết ngữ học), lẽ ra các nhà ngôn ngữ học Việt Nam có thể góp phần vào cái quá trình khắc phục những định kiến “ dĩ Âu vi trung ” [européocentisme] bằng cách nêu lên những chỗ mà ngữ học Âu châu không có hiệu lực khi đem ứng dụng vào tiếng Việt, hay ít nhất cũng theo dõi cái quá trình khắc phục ấy và lần lượt tiếp thu những kết quả của nó để hiểu tiếng mẹ đẻ đúng hơn và sửa đổi cách dạy tiếng cho có hiệu quả hơn. Tiếc thay, ngày nay Việt Nam đang là cái pháo đài cuối cùng và cực kỳ kiên cố của chủ nghĩa “ dĩ Âu vi trung ” cực đoan trong ngôn ngữ học. Giá như không tác hại đến như vậy đối với hàng chục thế hệ thì cũng chẳng nói làm gì, để đến nỗi kinh động đến giấc

## PHÁO TẾT

Cả trần gian tí tởn  
đón xuân sang tung bùng  
có một thăng dờ dẫn  
ngồi làm thơ rung rung...

*Cả thành phố như nổ  
tiếng pháo rền vang xa  
có một lão bị gậy  
khóc khàn trên sân ga*

*Cả thành phố như cháy  
lập loè ánh hoả châu  
có một bà hơi rác  
nằm co ro gằm cầu*

*Cả thành phố như khói  
khét lẹt mịt mờ mây  
có một em điếm ế  
đón giao thừa gốc cây*

*Cả thành phố như toác  
xác pháo dày vĩa hè  
có chú bé đi bụi  
khoèo méo hiền lắng nghe*

*Toác khói cháy nổ tởn  
trận mạc nào đang qua  
có một người nạng gỗ  
ngồi bên sông nhớ nhà...*

**Nguyễn Duy**

đêm trừ tịch năm Nhâm Thân 1992

Bài thơ này trích từ tập thơ song ngữ *Distant Road / Đường xa* (Curbstone Press, 1999). Mùa xuân này, nhân dịp phát hành tập thơ, tác giả được mời sang Bắc Mỹ để làm một cuộc triển lãm thơ như anh đã làm ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh...

ngủ đang yên lành của các tác giả sách giáo khoa và của các vị hữu trách ở Bộ giáo dục, và chuốc lấy cái tiếng xấu là “ ném bùn vào mặt mọi người ” như một bạn đồng nghiệp đã từng mắng tôi.

Tôi không ném bùn vào ai hết. Tôi chỉ nói lên sự thật thuần túy mà đã mười mấy năm nay chưa từng có lấy một người nào dám nói hay viết dù chỉ một câu để bác bỏ. Nếu có gì đáng cho tôi tự trách mình, thì đó là nói chưa đủ mạnh để thức tỉnh những bạn đồng nghiệp đang ngủ quá yên giấc.

Và tôi tuyệt nhiên không phải là người đầu tiên. Cách đây bốn mươi năm

đã có một bậc đàn anh của ngành Việt ngữ học, giáo sư Nguyễn Tài Cẩn, đem từ Liên Xô về một báu vật vô giá : lý thuyết âm tiết - hình vị (slogomorphema) của một trong những nền ngôn ngữ học ưu tú nhất của nhân loại, lý thuyết duy nhất có thể giải đáp được những vấn đề mà một ngôn ngữ đơn lập như tiếng Việt (và nhiều ngôn ngữ phương Đông khác) đặt ra cho ngôn ngữ học hiện đại, và từ đó vạch ra một con đường đúng đắn để khắc phục chủ nghĩa “đĩ Âu vi trung”. Nhưng tiếc thay, hồi ấy không mấy ai hiểu ông. Ngược lại, người ta cố ý nhìn sang hướng khác, cố sao viết cho khác ông, để tỏ ra mình không đi theo ông, không phải là môn đệ của ông – nghĩa là thua kém ông. Cái không khí không lành mạnh ấy vẫn tồn tại cho đến bây giờ.

Tôi biết rằng những điều tôi viết trên đây không có bao nhiêu sức thuyết phục, và sẽ không thiếu gì những bạn đọc không tin tôi nói thật, hay ít nhất cũng cho rằng tôi vẽ ra một bức tranh quá ảm đạm, và những nhận định của tôi là cực đoan và còn thiếu căn cứ. Tôi rất tiếc là trong một bài báo không thể nêu ra những luận cứ khoa học đủ minh xác để biện hộ cho những nhận định của mình. Vì thế tôi đã phải đợi cho đến hôm nay khi cuốn sách **Tiếng Việt, Máy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa** của tôi đã được xuất bản và phát hành (Nhà xuất bản Giáo dục, 1998). Cuốn sách này tập hợp một số khá lớn những bài giảng, những bài tạp chí, những báo cáo khoa học của tôi. Cùng với cuốn **Tiếng Việt, Sơ thảo ngữ pháp chức năng** (Nhà xuất bản Khoa học xã hội, 1991), cuốn sách này được viết ra để chứng minh một cách có luận cứ nghiêm túc rằng tiếng Việt không phải là tiếng Pháp, và tuy khác với tiếng Pháp về nhiều phương diện, nhất là về ngữ pháp, nó vẫn là một thứ tiếng trong sáng, chính xác, tinh tế, đẹp để hoàn toàn xứng đáng được dân ta quý trọng và nâng niu, chứ không ghê sợ như những cố gắng kiên trì của nhà trường phổ thông và đại học đã làm cho học sinh ghê sợ, không cần phải nhào nặn và cắt xén cho vừa cái khuôn của ngữ pháp tiếng Pháp như sách giáo khoa của ta đã nhào nặn và cắt xén, không đáng bị coi khinh như các cơ quan truyền thông của ta vẫn coi khinh khi hàng ngày truyền bá một thứ tiếng Việt dịch từng chữ một từ tiếng Anh ra, bất chấp mọi quy tắc nói năng và viết lách của dân tộc.

**Cao Xuân Hạo**

(*Văn Nghệ*, số 4, 22.1.2000)

*nói hay dùng*

## **từ *siêu người mẫu* đến *nữ nhà báo***

Mấy năm nay, báo chí trong nước dành nhiều chỗ cho các cuộc thi hoa hậu, hoa hậu thời trang. Nói thời trang, ắt phải nói tới các cô *mannequin*, các cô *model*. Báo chí trong nước không dùng chữ *giá áo*, mà dùng chữ *người mẫu*, rất đạt. Nhưng đến chữ *siêu người mẫu* để chỉ các cô *top model*, thì quả là hết cỡ. Nó hà hiếp ngữ pháp tiếng Việt : *người mẫu* là một từ kép được cấu tạo theo cú pháp thuần Việt : *người* (từ chính) đi trước, *mẫu* (bổ ngữ) đi sau – cũng như trong từ *nhà ông*, *nhà* là chính, còn trong từ *ông nhà*, *nhà* là bổ ngữ cho *ông*. Thứ tự ngữ pháp ấy trái nghịch với thứ tự của Hán ngữ : trong *nhũ mẫu* (mẹ nuôi) chẳng hạn, từ chính là mẹ, *nhũ* (vú) đóng vai trò bổ sung, xác định thêm tính chất của người đàn bà nuôi con người khác. Chữ *siêu* (Hán Việt), rất quen thuộc trong các từ *siêu phàm*, *siêu quần*, *siêu nhân* (vói nghĩa mới là Superman)... đã trở thành một từ tố thông dụng, được dùng làm tiền tố hàm ý *vượt, quá, ở trên...*, để tạo ra những từ mới : *siêu cường* (superpuissance), *siêu thị* (supermarché), *siêu dẫn* (supraconducteur), *siêu ngôn ngữ* (métalangue)... Trong một thời gian dài, người ta chỉ kết hợp những từ tố Hán Việt như *siêu* với từ tố Hán Việt khác để tạo nên từ mới, nhưng dần dà, người ta ghép với cả từ tố không Hán : *siêu sao* (superstar) để phân biệt với các *ngôi sao*, *minh tinh* (star/vedette) bình thường của màn bạc. Tương tự, trong chừng mực từ *media* đã nhập tịch tiếng Việt (nó gọn hơn *phương tiện truyền thông*), và từ tố *đa* trở thành thông dụng (như trong *đa thể*, *đa nguyên*, *đa phương*, *đa quốc gia...*), từ *đa media* có thể được dùng để chỉ khái niệm *multimedia* : nó phù hợp với quy luật tạo từ. Một trong những quy luật đó là : tiền tố (Hán Việt) ghép với một từ đơn âm (*phàm, nhân, sao...*) hay với một từ đa âm nhưng có cấu trúc chặt chẽ (*ngôn ngữ, quốc gia, media*) được cảm nhận như là một “ khối ” không thể (hoặc khó) chia cắt (đó là cảm nhận của người Việt trước những từ nhập tịch như chữ Hán, Âu, Mỹ...). Khi từ đa âm có cấu trúc “ Việt ”, như *người mẫu, nhà thơ, nhà báo...* thì sự kết hợp đó trở thành chướng tai, không thể chấp nhận. Người ta nói *nhà thơ lớn*, hay *đại thi hào*, nói *đại nhà thơ* là nói... đại.

Tôi có vài dịp gặp mấy nhà báo trẻ ở trong nước, ghé qua Pháp. Khi nêu câu chuyện “ *siêu người mẫu* ” để than thở rằng tiếng Việt trên báo chí Việt Nam đang xuống cấp, có người đồng tình (tuy cũng cãi lại : thế anh đề nghị gọi *top model* là gì ? tôi bí quá, cãi bừa : *người mẫu siêu hạng, thượng thặng*, hay *siêu model, top model...* cũng được đi, nhưng *siêu người mẫu* là chữ cha tiếng... mẹ) cũng có một bạn ngạc nhiên. Bạn trẻ này có vẻ không hiểu tại sao tôi thấy chướng. Không muốn vào sâu vấn đề ngữ pháp, tôi lấy thí dụ : “ Nếu tôi nói *nữ nhà thơ, nữ nhà báo*, cậu nghe có chướng không ? ”. Cậu ta nghe ra, nhưng dường như vẫn bị các *siêu người mẫu* làm siêu... lòng.

Thí dụ *nữ nhà thơ, nữ nhà báo* tôi bịa ra hôm ấy, nào ngờ vừa qua, đọc số tết báo Phụ Nữ, thấy một bài dài nói về nữ ký giả Madeleine Riffaud, trong tựa đề in chữ lớn : *nữ nhà báo*.

Từng được phong danh hiệu *ăn cơm quốc gia thờ ma cộng sản*, rồi *phản bội cách mạng*, hay *phản tỉnh* nhưng vẫn chưa chịu *quy thuận quốc gia* vân vân..., tôi tích cực phấn đấu, cam go tìm ra một cách lý giải *đúng lập trường* : hay là chế độ (gọi là) cộng sản đã làm hỏng tiếng Việt đến mức này... Vậy mà không phải vậy : cách đây mấy ngày, đọc trên internet (*liên mạng*, hay là... *siêu mạng nhận ?*), thông cáo của chủ tịch một “ cao trào dân chủ ” (*cao trào thôi*, chưa *siêu trào*), ngay từ câu đầu, đã chêm chện ba chữ : *nữ nhà báo*.

Xin các *nữ bạn đọc* và *nam bạn đọc* của tôi hãy ra tay cứu giúp !

**Kiến Văn**

# Một cõi đi về

Phan Tam Khê

*Trên hai tay ta đôi vầng nhật nguyệt  
Dội xuống trăm năm một cõi đi về*  
Trịnh Công Sơn

Ra khỏi thành phố không xa, chúng ta đã tìm lại được một Việt Nam nông nghiệp. Không biết con số 90% dân số là nông dân có còn thích hợp với hiện tại chăng, nhưng nơi nơi người dân vẫn còn “đầu đội trời chân đạp đất” làm lụng khó nhọc trong bầu không khí nhộn nhịp vui tươi của ngày mùa. Tinh cảm của người “một cánh hai quê” như tôi thật là phức tạp. Tôi liên tưởng đến nước Pháp, ở đó vào ngày mùa, trên những cánh đồng trải rộng ra đến tận chân trời chỉ có một màu vàng chói cả mắt và lều tều đây đó vài đám nông dân với những chiếc máy cắt xoẹt xoẹt mà tiếng động cơ khô khan làm cho quang cảnh nặng nề thêm phần mệt mỏi. Đã lâu lắm rồi ở Pháp mùa gặt vẫn là mùa đẹp nhất, những cánh đồng bát ngát được tô điểm bằng nhiều chòm cây táo, cây lê, cây mận, cây dẻ, nhưng nay thì không còn nữa những chòm cây trĩu nặng quả ngọt này là nơi hò hẹn của những đám trai gái lúc nghỉ ngơi đã phải bị chặt đi để tạo điều kiện cho các máy cày được tung hoành. Bây giờ những cánh đồng không phải là nơi: “Em ngừng liềm trông sang” nữa mà chỉ là nơi sản xuất mà năng suất phải là nghịch số với nhân lực: năng suất phải càng lúc càng tăng, nhân lực phải càng lúc càng giảm. Mùa hái nho cũng vậy, vào tháng chín dân du mục đổ về những miền như Bordeaux, Champagne để kiếm việc làm. Những chiếc caravane (xưa hơn thì có xe ngựa) được dàn ra trên những khoảnh đất rộng ở bia làng và họ bắt đầu sinh hoạt: giặt giũ, nấu nướng, thêu thùa, đan lát ngoài trời... Không khí rộn rã như phá vào đời sống tẻ nhạt của dân làng một hơi thở mới – Và nay thì quang cảnh ấy cũng không còn nữa, vì những chiếc máy hái đã thay thế họ, hoá hoàn toàn, có một vài nơi như ở Saint Emillion chẳng hạn để bảo vệ danh tiếng rượu vùng này, người ta mới thuê thợ cắt bằng tay.

Quang cảnh làm hồi ức của tôi sống lại và hoạt động ráo riết. Tôi nhớ về những nhánh lúa vàng được sắp vòng tròn đây áp trên sân gạch, để các “bác” trâu chậm rãi dẫm lên và tôi, bé nhất trong nhà được giữ việc bé nhất: cầm mè chờ đợi, khi đuôi của một “bác” trâu ngồng lên là lúc tôi phải ra tay. Những đồng phân trâu rơi xuống mè, làm khuy cả đôi tay bé nhỏ, bốc khói khai khai, nhưng vẫn không át được mùi thơm ngai ngái của các lớp rạ. Bỗng nhiên tôi bật cười một mình, tôi vừa nhớ lại cái cảnh tôi bị nội cóc trớt, vì có một lần vút cả mè phân trâu để chụp lấy một chú châu chấu vàng hươm...

Xe chạy thật nhanh – 80 km/giờ !!! Hai bên đường tung bùng nhộn nhịp thế nhưng tôi vẫn thấy lo lo – Khỉ thật – Và sự lo lắng của tôi quả không phải là vô cơ. Cách đây không lâu tôi được đọc một bản báo cáo do một cơ quan Pháp chuyên giúp tu bổ đường sá tại Việt Nam. Báo cáo cho biết, Việt Nam là một trong vài ba nước đứng đầu trên thế giới về con số thương vong do tai nạn đường bộ gây nên, và việc phơi phóng hoa màu trên đường lộ là

một trong những nguyên nhân chính. Thật vậy, lúa và hoa màu được trải dài hai bên đường, lòng đường còn lại rất hẹp, mà quốc lộ 1 là trục giao thông chính và duy nhất để nối liền từ bắc đến nam. Phải gỡ cửa nào đây để tình trạng này được chấn chỉnh?

Xe vượt qua những địa danh của Liên khu V, nơi đây bàn chân lúc nhỏ của tôi – cô bé 6 tuổi – đã từng bưng ngang xẻ dọc. Không phải tôi đi chiến đấu đâu đấy nhé, tôi chỉ phải bám sát lấy cha tôi, mà cha tôi thì phải bám sát lấy Ủy ban Kháng chiến hành chính thế thôi.

Ô kìa ! ở đây chúng ta còn nhiều cò đến thế kia à ? Những chú cò thông thả nhón nhơ cứ như việc kiếm mồi không phải là việc của chúng. Màu trắng tinh nguyên của cò như thách thức với màu bùn đen của ruộng lúa. ở Pháp, giồng họ nhà cò đang trên đường diệt chủng. Có nhiều vùng, như Alsace chẳng hạn, nhiều hiệp hội được lập ra, họ xây tổ, tạo điều kiện thích hợp để anh chị cò khỏi phải “lặn lội bờ sông” về đây sống và sinh sản. Cũng may là xứ ta không có phong trào nhấm nháp thịt cò như nhấm nháp thịt chó, nếu không thì chắc họ nhà cò nhà ta phải tìm cách xuất ngoại.

Và đây là thị xã Tam Kỳ đang trong thời kỳ trở mình sau ngày tách tỉnh. Khó mà tìm lại được bộ mặt của ngày xưa. Nhưng khi xe vượt qua chiếc cầu nhỏ, tôi chợt nhận ra khu chợ cũ nơi sinh sống của nhiều người hoa xưa kia. Tại khu này, một hôm tôi đã được mời đi hát cho một đại hội của các bác các chú. Bỗng máy may ủa đến và bắt đầu dội bom. A di đà Phật, Nam mô bốn sư thích ca, Nam mô Quán thế âm bồ tát, Lạy Chúa lòng lành... Những tiếng cầu kinh bây giờ như còn găm nhấm tim tôi. Một quả bom rơi thật gần, căn hầm rung chuyển, máu mũi tôi học ra, chị cán bộ ôm tôi vào lòng thút thít khóc. Chị Bốn bây giờ chị ở đâu?

Và đây là An Tâm, mùa thu thuế nông nghiệp trường tôi đóng cửa để về tính thuế giúp dân. Tôi vừ bé nhất – tôi lên 14 và anh trưởng lớp Đông đã có hai con – và vừa dứt toán nên suốt ngày được lang thang theo các mé rừng để tìm quả sim quả ổi... Xe chạy dọc theo các tỉnh miền duyên hải, như chỉ mới hôm qua, tôi nhớ lại trận đói năm nào. Trường lại đóng cửa. “Cứu đói như cứu hỏa” khẩu hiệu của thời đó. Xe giảm tốc độ vì sắp vào một thị trấn, bên đường một tấm bảng kẻ giồng chữ lớn đập vào mắt tôi: “Xoá đói giảm nghèo”, mục tiêu của thời nay. Bao nhiêu năm qua rồi nhỉ – Và cho đến bao giờ đói mới được xoá, nghèo mới được giảm, giạt mình nhận ra là chúng ta đang đứng bên thêm thế kỷ 21...

Và đây là những rừng dừa rợp bóng: Tam quan Phương ơi, trên đoạn đường nào, ở tuổi 14, Phương đã ra đi bỏ lại chúng mình. Bạn bè bảo rằng nếu nhanh chân một tí thì Phương đã sẽ được các rừng dừa che chở, phải thế không? Hơn 40 năm rồi mà hình ảnh người bạn nhỏ có dáng đi chim sẻ vẫn lộng lộng trong tôi. Chiến tranh sao mà lạnh lùng, tàn khốc !!!

Xe vượt qua những ruộng mía dài tăm tắp, thân mía khoẻ và mọng nước. Các đứa trẻ không biết có còn cầm những tàn lá chuối đứng chực bên các chảo đường sôi sùng sục chờ các bác vẽ bùa lên lá, rồi rủ nhau ra gốc mít nhâm nha từng sợi đường ngọt lịm...

*Trên đường về nhớ đây*

*Chiều chậm đưa chân ngày...*

Giờ bãi trường trên đường những “tà áo tung bay” và “trong tôi là cả quê hương”...

Đà Nẵng ngày Toussaint 1/11/99

Phan Tam Khê

Nguyễn Huy Thiệp

# SỐNG DỄ LẮM

truyện ngắn

**T**rường Sư phạm tỉnh miền núi mở lớp tập huấn cho giáo viên vùng cao vào cuối tháng 7. Có 11 người và họ đều là những giáo sinh trẻ lần đầu đi dạy học. Bạn đọc ở đô thị chắc hiểu ít về các trường học vùng cao cách đây ba, bốn mươi năm. Tôi chỉ có thể nói với bạn rằng không ở đâu buồn tẻ hơn và ít vụ lợi hơn ở đây, còn việc hình dung và dành tình cảm cho nó ra sao tùy bạn.

Cuối tháng 7, ở Tây Bắc mưa nhiều và những đợt lũ quét bất ngờ có thể gây nên những tai họa không thể lường trước được. Người ta cử ông giáo Chi mang những tài liệu sách vở đến giảng cho lớp tập huấn nhưng trên đường từ tỉnh lỵ về trường, khi qua suối, ông giáo Chi bị nước cuốn sạch đồ đạc. Mười một giáo sinh ra đón ngài thanh tra giáo dục, họ nửa khóc nửa cười khi thấy một ông già gầy gò, mình trần thân trụi ướt như chuột lột đang ngồi rét run cầm cập.

Tất cả những nghi lễ và dự định cho lớp tập huấn giáo dục bỗng vụt đi hết vì lí do bất ngờ, những qui định ứng xử giữa ông giáo Chi và đám trẻ bỗng xoay ra hướng khác hẳn. Ông giáo Chi được các cô con gái thân mật gọi là “ bố ” mặc dầu ông nửa đùa nửa thật nói rằng mình thích được coi là “ bạn thân ” hoặc “ anh giai ” hơn. Các cô con gái trở tài may vá và ông giáo Chi lập tức có ngay hai bộ quần áo được “ cải tạo ” từ đám quần áo cũ của họ. Hai cậu con trai không tỏ ý thân thiện gì với “ bố ”, dưới mắt họ ngài thanh tra giáo dục “ xuống cấp ”, trở thành một tay đám dờ chẳng ra gì.

Tuy nhiên, đúng ngày đúng giờ, lớp tập huấn giáo dục vẫn được bắt đầu như thường lệ, y như qui định của Bộ giáo dục tận mãi Thủ đô. Ông giáo Chi vốn xuất thân là lính, ông coi nhiệm vụ trên hết và không có gì ngăn cản ông làm nhiệm vụ được giao.

Không có giấy bút gì, ông giáo Chi đứng dậy đứng lên bực giảng có các cô con gái vây quanh, hai cậu con trai bắt đầu dĩ phải ngồi cùng, không phải vì nề ông giáo mà vì nề các cô con gái.

– Dạy học là nghề sống dễ lắm ! – Ông giáo Chi bắt đầu bài

Nhận lời mời của nhà xuất bản *L’Aube*, nhà văn **Nguyễn Huy Thiệp** đã sang Pháp từ ngày 28.3 đến 6.4.2000. Trước đó, tác giả *Tướng về hưu* đã cùng với một phái đoàn Hội nhà văn Việt Nam đi thăm nước Đức (từ 13 đến 28.3) theo lời mời của Hội hữu nghị Đức-Việt. Tại đây, họ đã có các cuộc gặp gỡ tại Marburg, Weimar, München, Sulzbach-Rosenberg, Regensburg, Frankfurt, Hannover, Heidelberg...

giảng của mình.

– Nếu lương ít, lại không có thực phẩm thì làm sao ? Ở các vùng cao lấy đâu ra chợ ? – Các cô giáo trẻ lần đầu sống xa nhà lo lắng hỏi ông.

– Phải trồng rau chứ ! – ông giáo Chi trả lời. Nuôi lấy vài con gà... Ngày xưa, tớ (ông giáo Chi xưng “ tớ ” chứ không xưng “ bố ”)... tớ nuôi cả lợn. Chiều ba mươi Tết thịt lợn, đánh tiết canh... thật không có gì vui như thế... vui như Tết !

– Tất cả là do tự nhiên điều chỉnh hết ! – ông giáo Chi nói – Mình cứ sống thôi ! Sống dễ lắm ! Cứ nhìn vào mắt bọn trẻ con mà sống... Cũng cần phải biết một ít kĩ năng, như cách thối gà... Phải biết một số cây thuốc cầm máu, biết phân biệt các thứ nấm độc... Tớ có kinh nghiệm không nên tin cái gì đẹp dễ quá...

Ông giáo Chi đưa bọn trẻ vào rừng, ông chỉ cho họ cách tìm các cây rau ăn được, các cây thuốc, cách tìm phương hướng khi lạc rừng nhờ vào việc xác định rễ ở các gốc cây. Buổi tối, họ ngồi tập hát, ông giáo Chi dạy họ bài hát về nghề dạy học :

*“ Tôi không quên những giờ lên lớp đầu tiên  
Khi bước về ngôi trường xa  
Trang sách trắng tinh  
Vội nét phấn đơn sơ vụng về  
Đừng hỏi vì sao tôi yêu dấu... ”*

– Dạy học không có gì khó cả ! Sống dễ lắm ! – Ông giáo Chi lại nói – Mình cứ hình dung mình là đứa bé, đứa bé cần gì thì dạy thứ ấy... đừng dạy nó thứ không cần...

– Sống dễ lắm ! – Ông giáo Chi lại nói – Giáo dục... nghĩa là tha bổng... Hễ có tội là tha... trẻ con không có tội gì... Sống nghĩa là sai lầm, là mắc tội... Mình phải yêu mạng sống của chúng như yêu mạng sống của mình...

– Thế còn tình yêu ? – Những cô gái trẻ náo nức hỏi.

– Tớ không biết... – ông giáo Chi lúng túng trả lời – Nhưng có sự hi sinh... nghĩa là cay đắng... Tình yêu là mang cho nhau lời nguyện cầu tốt đẹp, những cử chỉ thân tình âu yếm, dục vọng, lòng ham sống... tóm lại là cảm giác...

– Nói dối ! – Một trong hai cậu con trai sầm mặt lại, chửi thề rồi nói khế qua kẽ răng. Đây là Dân, tay thanh niên sinh ra ở thành phố – Nó hơn thế nhiều...

– Cậu thì bao giờ cũng coi cậu đúng còn mọi người là đối trá hết ! – Ông giáo Chi buồn bã nói – Cậu không dạy học được. Cậu chỉ đi chiếm đoạt và áp chế người... Cậu giống “ sếp ” của tôi.

– Để xem – Anh chàng Dân trả lời – Nhưng dạy học đâu có phải là nghề tốt nhất trên đời phải không ?

– Tớ không biết ! – Ông giáo Chi thừa nhận – Có lẽ thế thật !

– Nhưng chúng ta đang nói chuyện về tình yêu cơ mà ? – Các cô giáo trẻ vẫn không bằng lòng với cách giải thích của ông giáo Chi.

– Hỏi làm gì ? Rồi trước sau ai cũng biết hết... – Cậu con trai tên là Hiếu bẽn lễn chen vào. Khác với Dân, anh chàng Hiếu là một thanh niên nông thôn rụt rè.

– Đúng đấy ! Trước sau gì ai cũng biết hết... Rồi sẽ được ăn

đòn cả thôi ! Đừng có vội ! Đừng có sốt ruột ! – Anh chàng Dân nói xong thì cười nửa miệng.

Các cô gái trẻ đòi ông giáo Chi kể về tình yêu. Ông giáo Chi từ chối mãi không được, cuối cùng ông đành nói :

– Có lẽ tớ đã yêu rất sớm... – Ông giáo Chi đỏ mặt thú nhận  
– Từ khi tớ còn là học trò... Mà người tớ yêu lại là cô giáo. Cô giáo đi vào lớp, tớ ngấm nghĩa như muốn nuốt chửng cô ta. Sau này tớ rất xấu hổ, rất ân hận...

Hai cậu con trai tỏ vẻ khinh bỉ đứng lên bỏ ra khỏi lớp. Ông giáo Chi ngồi im. Ông biết ông đã đại dốt nói ra điều không nên nói. Ông là một nhà giáo dục thất bại. Các cô gái an ủi ông :

– Bố lại bịa, phải không ? Sao bố lại đi bịa như thế để cho người ta coi thường bố ? Chúng con biết bố có một tình yêu cao thượng, có phải không ?

– Ủ ừ... – Ông giáo Chi trả lời – Cao thượng... riêng tư... nhưng tớ có lỗi... tớ ích kỉ... mà lại hèn... Cô ấy là người rất kiên nhẫn mà cuối cùng cũng phải chán tớ.

– Cũng tại bọn đàn bà hay đòi hỏi cơ ! – Các cô gái than thở  
– Người ta vẫn nói đàn bà với tiểu nhân là một...

– Không phải thế đâu... – Ông giáo Chi cười đau đớn – Đấy là Khổng Tử. Ông ấy là tay say mê chính trị, hẳn không có tình yêu, hẳn yêu lẽ hơn cả tình yêu... mà tình yêu là thứ vô lễ nhất. Tình yêu rất ráo thậm chí còn là vô luân...

– Thế cũng phải dạy cho bọn trẻ con những điều như thế phải không ? – Các cô gái lại hỏi.

– Phải dạy chứ ! – Ông giáo Chi nói – Nhưng tốt nhất cứ để tự nhiên điều chỉnh là hơn... Sống dễ lắm ! Cứ nhìn vào mắt bọn trẻ con mà sống. Có điều phải trung thành với công việc... Đừng có như hai thằng trời đánh kia ! Tớ thề rằng chúng nó sẽ phản bội nghề dạy học. Cô nào yêu chúng rồi sẽ đau khổ... Chúng nó thì có dạy ai ? Bọn đàn ông, tớ biết rất rõ... Một phần cũng bởi tại giới nữ các cô kích động nữa cơ, chúng nó là bọn láo khoét, không có phúc đức gì đâu... “ Phúc đức tại mẫu ”, đã hiểu chưa ? Không hiểu thì rồi sẽ hiểu.

Trong lớp học có Mạ là cô gái mà ông giáo Chi yêu mến nhất. Cô gái nhà nghèo, bỏ quê lên vùng cao dạy học, lúc nào cũng nhường nhịn mọi người, lúc nào cũng tranh làm những việc nặng. Mạ ít tuổi nhất lớp nhưng cô lại có vẻ đàn chị nhất lớp. Sớm mồ côi, phải nuôi hai em nhỏ nên Mạ sớm tháo vát hơn người.

– Con ạ... Sao mà cứ đi làm tranh việc của người khác như thế ? – Ông giáo Chi hỏi cô.

– Con không biết... tại số con nó thế...

– Thôi cũng được... – Ông giáo Chi ngậm ngùi thở dài – Nhưng cũng phải thương lấy thân mình. Thương người là rồi rước họa vào thân...

Cứ như thế, từng ngày một, trong nửa tháng trời ông giáo Chi truyền cho đám giáo sinh trẻ những kinh nghiệm, những nguyên tắc sơ khai về giáo dục theo cách của ông. Ông đã từng sống một mình trong gian khó, phải đấu tranh với cái đói, sự hiểm nguy. Ông là giáo viên tiểu học, một viên chức thấp nhất trong ngành giáo dục, ông rất dễ bị tổn thương, rất dễ bị

người khác sỉ nhục hoặc coi thường, ông nói ra những kinh nghiệm của ông để bảo vệ thân phận, bảo vệ miếng ăn cũng như nhân cách của ông. Đơn giản mà kiên quyết, không có chút gì khoa trương và khoan nhượng hết.

– Không nên tin ai ! Sống dễ lắm ! Trong gian khó mà tin người là chết ! Tất cả mọi người có khả năng phản bội, kể cả phản bội những đức tính cao quý nhất, vì thế mới có cái chết chứ... Chỉ có một sự bất tử duy nhất là huyền thoại... trong huyền thoại thì tình yêu là thứ huyền thoại vĩ đại và cay đắng nhất...

Khi lớp học tan thì mọi người đã thân thiết với nhau lắm, thậm chí anh chàng Dân còn khoe rằng đã hôn được tất cả các cô gái ở trong lớp học. Họ ghi vào sổ tay của nhau những lời chúc tụng tốt đẹp, những bài thơ... Các cô con gái chép cho nhau cả những bài hát để khi về trường dạy lũ trẻ con... Rồi khóc lóc... Rồi chia tay... Rồi tiễn nhau ra bờ suối. Những cánh chim bay đi. Vùng cao xa mờ trong mây núi. Các thầy cô giáo trẻ tuổi bịn rịn lên đường, vừa háo hức, vừa sợ hãi, cả vui với buồn lẫn lộn. Ông giáo Chi lợi suối trở lại tỉnh lị báo cáo với trên về việc mở lớp “ tập huấn ” của mình.

– Không có tài liệu ! Không có sách vở ! Không có chương trình ! Mình trần thân trụ ! Thế ông làm những trò gì cho những giáo sinh ở vùng cao ấy ? – Người ta hỏi ông.

– Tôi nhen lửa... nghĩa là thổi vào lòng họ vài ngọn gió... Tôi bảo họ sống dễ lắm ! Chỉ có thế thôi !

Người ta cười phá lên :

– Ngọn gió ! Thật là đồ ngu ! Đồ dối trá ! Sống dễ lắm ! Ông đã làm hỏng toàn bộ phương pháp. Rồi ông sẽ biết thế nào là sống dễ lắm !

Ông giáo Chi bị cách chức, bị chuyển đi làm việc khác. Người ta bảo ông :

– Mắt xích giáo dục, ông già ạ, trong chuỗi mắt xích giáo dục thì ông đã làm cho mắt xích vùng cao mắt toi, chẳng ra cái gì...

Ông giáo Chi ngậm ngùi xếp đồ đạc vào chiếc ba lô bạc màu ngày trước của ông. Người lính già cảm thấy lòng mình tan nát. Ông đành thôi việc về quê. Sống dễ lắm chẳng phải là một câu nói đùa cửa miệng cho vui sao ? Vùng cao xa xôi trong ông chỉ còn mơ hồ là những đám mây trắng trong dãy núi xa xôi, tiếng cười vô tư tự của đám giáo sinh trẻ tuổi, hình ảnh cô bé Mạ năm nào, cái cô giáo cấp một chịu thương chịu khó có thân hình gầy gò bé nhỏ trông chẳng khác gì một đứa trẻ chăn trâu ở trong xóm núi...

Ba mươi năm sau, ông giáo Chi khi ấy đã thành một ông lão quá tuổi “ thất thập cổ lai hi ” chỉ loanh quanh nơi vườn nhà. Một hôm ông có khách, khách là hai mẹ con nhà kia từ nơi xa xôi đến chơi. Chưa bao giờ ông vui như thế : cô giáo Mạ ngày nào đưa con gái về thành phố đi thi đại học ghé lại thăm thầy giáo cũ.

Ông giáo Chi cười không thành tiếng :

– Thế nào ? Vẫn còn nhớ ta ư con ? Sống dễ hay khó hả con ?

Cô giáo Mạ vừa lòi trong túi xách ra những gói quà đặt lên mặt bàn vừa cười :

– Kể cũng thất điên bát đảo nhưng xét cho cùng thì sống dễ

lắm ! Bố có nhớ không ? Lớp học ngày ấy có 11 người... chết mất một nửa rồi... Ông Dân bây giờ lên chức to lắm nhưng không còn làm trong ngành giáo dục. Ông Hiếu nghiện nặng, nghiện thuốc phiện, bị đuổi khỏi ngành vì đi sàm sỡ với cả học trò...

– Tố biết ngay mà ! – Ông giáo Chi than thở – Thành Dân tham vọng quá, nghề dạy học là nghề quá bé nhỏ với nó. Những tên lưu manh bao giờ cũng phải khua khoắng ở nơi đất rộng có người chen chúc. Thành Hiếu thì tình cảm quá, không thắng được những bản năng... Chà ! Lũ đàn ông ! Thầy bậy thầy bạ ! Phúc đức gì lũ chúng mày !

Ông giáo Chi khổ sở, bần rợn với những ý nghĩ trong đầu y như trước mặt ông đang có 11 đứa con giống như ở trên lớp học vùng cao ngày nào. Ông mỉm cười với người học trò mà ông yêu mến nhất, đứa con gái trung thành của ông :

- Hãy kể chuyện đi, con gái... Sống dễ là như thế nào ?
- Cũng đói... Cũng rét... Cũng khổ đủ đường nhưng rồi cứ nhìn vào mắt bọn trẻ con mà sống...
- Thế những đứa khác thế nào ?
- Cũng thế... Bố còn nhớ con bé Thảo không ?
- Cái con bé trắng trẻo, vẫn hay nói lấp chử gì ?
- Đúng rồi ! Nó yêu ông Dân... Tình yêu đơn phương... Nó bỏ vào rừng, nó cứ đi mãi, nó sa vào tổ ong đất rồi chết. Chỗ ấy mặt đất rất sạch, lại rất phẳng phiu, bên trên không có một ngọn cỏ nào... Cái hố toàn ong là ong sâu hơn bốn mét...
- Khổ ! đã bảo không được tin vào cái gì sạch sẽ cơ mà ! – Ông giáo Chi rên rỉ, nước mắt rùng rùng – Cái con bé xinh thế ! Thật tội nghiệp ! Thế bây giờ mộ nó ở đâu ?
- Vẫn ở trên ấy, bố ạ... Bố còn nhớ dãy núi Đâu Hồ không ? Nó nằm ở đấy 30 năm rồi...
- Thế những đứa khác thế nào ?

Cô giáo Mạ ngồi im một lát như muốn nhớ lại từng người bạn cũ ngày xưa, cô nói :

- Được cái không ai bỏ nghề dạy học... Nhưng hễ đứa nào dính đến yêu đương là chết... Khổ thế đấy ! Đứa nào an phận thủ thường thì cũng vung vinh hơn người...
- Ta đã bảo mà ! – Ông giáo Chi gật đầu – Cứ để cho tự nhiên điều chỉnh là hơn ! Cứ mơ mộng hão huyền là chết... Đừng có lãng mạn viễn vông gì cả... Thế còn con ? Con gái của con năm nay thi vào đại học ? Thế bố nó đâu ? Bố nó làm gì ?

Cô giáo Mạ đưa mắt nhìn cô con gái. Cô con gái biết ý bẽn lẽn đi ra ngoài sân.

– Bố nó ngày xưa cũng là thanh tra giáo dục – Cô giáo Mạ thì thào – Anh ấy đi về trường con có mỗi một lần... cũng y như bố, buồn cười, mình trần thân trụi...

Ông giáo Chi cảm thấy nghẹt thở, nước mắt chảy ra ràn rụa. Ông cười không thành tiếng :

- Ủ... Vậy nó là thanh tra giáo dục... Thế nó nói gì ?
- Không nói gì cả...
- Thành ông mãnh ! Thế là nó khôn...
- Được cái thật thà... Mà khoẻ lắm ! Cứ như lực điền...
- Đúng rồi... Tất cả là ở cảm giác...

– Hồi ấy mùa thu... Hoa cúc nở vàng như mê như man trong thung lũng. Mặt ong thì nhiều vô kể... Lũ học trò mang đến cho con bao nhiêu là hoa với mật ong...

– Ủ... ta hiểu... Thế cũng xoi chử ?

– Vàng... Ăn tham không tưởng tượng được. Toàn mật ong rừng thuộc loại ác chiến...

– Có phải nó đặc sánh mà lại vàng như ánh nắng ở dưới mặt trời phải không ?

– Vàng... vàng như hổ phách... Mà trong suốt.

Cô giáo Mạ ngồi lặng im một lát không nói năng gì. Mãi lúc sau ông giáo Chi mới húng háng ho. Ông nói nhỏ nhỏ :

– Ở vùng cao ấy, con ạ, không khí rất sạch, rất tốt cho trẻ con đấy !

Cô giáo Mạ như bừng chợt tỉnh, mỉm cười :

- Vàng... được cái không khí thì sạch lắm. Hồi để con bé, con tự làm lấy hết... tự cắt rốn cho nó, tự may vá lấy...
- Thế lúc ấy không có ai à ?
- Không có ai... May mà cũng không nhiễm trùng... Hôm ấy trời mưa rất to...

Ông giáo Chi đỡ lấy chén nước mà cô giáo Mạ vừa rót cho ông, ông nói :

- Con bé của con xinh lắm ? Thế nó ngoan chử ? Có hiếu chử ?
- Vàng... Được cái cháu nó cũng ngoan, cũng biết thương mẹ. Con nghĩ thi được đại học thì thi, không được thì thôi...
- Ủ... phải nói với nó là sống dễ lắm... đừng làm nó sợ...
- Con hiểu... – Cô giáo Mạ tần ngần nhìn ông giáo Chi, tự dung nước mắt ứa ra – Bố già rồi... Thế bố có còn nhớ gì về những nơi ở ngày xưa của bố hay không ?

Ông giáo Chi gật đầu, ông nói rất khẽ cứ như là ông tự nói để cho mình nghe :

– Có... nhớ chử ! Toàn núi là núi nhĩ ? Mà toàn núi xanh mây trắng...

Một lúc sau, hai mẹ con cô giáo Mạ từ biệt ông giáo Chi để trở về nhà, trở về trường học cũ của họ. Giống như ngày xưa : lại nước mắt, những lời li biệt...

Ông giáo Chi tiễn người học trò rồi mà cứ thần thờ tần ngần đến suốt mấy tiếng đồng hồ. Hôm sau, hôm sau nữa ông cứ lơ lửng như người mất hồn. Nhiều lúc, ông giáo Chi bỗng thấy người mình tựa như nhẹ bồng, nhẹ đến nổi tưởng như có thể bay lên được kia ! Chao ôi ! Ước gì ông có thể bay lên trời được ! Như những ngọn gió ! Nếu bay lên được thì ông sẽ bay đến những dãy núi xanh xa xôi tí tấp kia, nơi ấy lẩn khuất trong mây trắng và sương mù, nơi ấy không khí rất sạch và khoáng đạt, nơi mà hoa cúc dại nở vàng rực rỡ như mê như man đây trong những thung lũng hoang vắng không có một bóng người nào.

Phải ! Điều cốt nhất là phải không có một bóng người nào ! Như thế thì sống dễ lắm ! Nhất định rồi ông sẽ về đấy mà ! Ông sẽ về đấy... Ông nghĩ như thế ? Cho ngày mai... Mai...

Hà Nội, tháng 12.1999

# Chân dung nhà văn, trong một thế nhìn

Lê Minh Hà

Gương mặt ông nhàu. Tôi biết rằng có thể ông không nhất thiết trải qua toàn bộ những cảnh đời mà nhân vật của ông đã trải. Ông không sống trong một gia cảnh không quân thần phụ tử. Nhưng ông đã đối cái đối của kiếp người, đã phải nhào lộn giữa đời như một giọt máu, như một... Những vết rạn trên gương mặt bần khô của ông không nói hết được với ta về những cơ cực vò xé tâm hồn ông trước khi cho ông thấu hiểu nỗi đời nhường ấy.

Trong văn học đương đại Việt Nam, chưa có một nhà văn nào lại làm thiên hạ tốn bút mực nhiều như ông, ngay trong khi tác giả còn chưa chết. Không có trước những bước dọn đường, tên nhà văn nổ bùng trên báo chí, bằng một loạt truyện ngắn dữ dội và hết sức thơ. Nếu đọc ông bằng một tâm hồn chỉ có phần nộ và phần nộ, người ta sẽ hả hê bởi cái giọng văn gần lạnh ấy. Nếu đọc bằng đôi mắt của người yêu văn chương nhưng mới chỉ dùng lòng yêu ấy ở những gì hờm hợn với mình, người ta sẽ khó chịu nổi ông. Thực đơn chữ nghĩa ngày ấy không có món ấy. Và thói quen trong sáng tạo và thưởng thức sáng tạo bao giờ cũng lì lợm hơn bất kỳ thói quen nào.

Người ca ngợi ông thì hết lời ca ngợi. Nhưng liệu ông có hài lòng chăng vì những lời khen không hoàn toàn thoả đáng, không bắt đầu từ trang viết của chính ông mà lạc tuốt ra ngoài quỹ đạo văn chương. Người chê ông thì cũng hết lời. Và cái hèn người ta dùng để nện ông thì thật đáng sợ : là quan niệm đạo đức của cả một thời. Tài có mà tâm thiếu. Tôi nhớ có nhà phê bình đã phán một câu như thế về ông, xanh rờn.

Cứ sống đi đã. Ông thường trở lại với bạn đọc nhiều lần trên từng trang sách với ý tưởng này. Và cũng nhiều lần nói thế với cử tọa bằng cái giọng “ cá tằm ”, điềm đạm, trầm tĩnh. Tôi nghe như chứa cả một chút chán chường. Có cảm giác rằng ông hiểu rõ những người đang chất vấn ông đến với ông vì lý do gì. Biết ngưỡng mộ một tên tuổi luôn là một của nhiều thời. Biết trình bày lòng ngưỡng mộ ấy là một cách trang điểm không phải dở của nhiều người tự tin đến đáng ghen tị.

Ông ý thức rõ ràng về danh tiếng của mình. Danh tiếng, chứ không phải tăm tiếng. Điều ấy ở ông mạnh đến nỗi ông biết rằng bản thân cái tên ông là một lực cản sáng tạo, và thời của ông thực ra đã qua rồi. Tôi nhớ một nhà thơ đích thực từng khao khát được người ta chôn mình đi. Tài không lớn, tâm bé bé, không thể đạt tới tầm khao khát tự huỷ đó. Đời nghệ sĩ sẽ dài hơn đời người trong nghĩa sinh học đơn giản nhất khi người nghệ sĩ được chọn là một cọc mốc, một tiêu chí trên hành trình sáng tạo của những người nghệ sĩ khác của dân tộc mình, và xa rộng hơn.

Từng tiên đoán nền chính trị thế giới rồi ra sẽ là một món

nộm suông sã, ông hay nói về thời và thế. Và khái niệm bá đạo, vương đạo cũng hay trở đi trở lại trong tác phẩm của ông, trong câu chuyện của ông. Đọc ông, và nghe ông, tôi nhận ra điều này : ông biết tìm thời thế để chính danh. Biết rõ mặt trái thường không trong ngọc trắng ngà của chính trị, ông bộc lộ rõ và can đảm sự nhạy cảm chính trị của mình. Nghe ông, trong tương quan với nhiều người viết cùng thời, cùng hoàn cảnh sáng tạo như ông, không sợ nhầm lẫn khi nói rằng đó là một nhân cách. Nhân cách không phải bao giờ cũng trùng khít lên cá tính sáng tạo. Nhưng khi điều đó xảy ra, ở một tầm mức cao, ở độ đậm đặc lớn, thì điều đó là một may mắn cho những người đam mê nghệ thuật và chọn khuất lụy nghệ thuật như một cách sống. Trong trường hợp ông, đó là may mắn cho bạn đọc, cho những người tin vào khả năng biến cải của nghệ thuật và của những người tạo ra thứ báu vật này.

Bươn trải trong đời sống để vươn tới trong nghệ thuật, ông đã tự chọn cho mình một con đường khó khăn. Cũng có thể bảo là nhà văn của chúng ta khờ khạo. Hay ngông ngạo ? Khi ông là nhà văn Việt Nam, khi ở Việt Nam, nghệ sĩ hoàn toàn sống được nếu biết biến mình thành một thứ công chức. Ông từ bỏ biên chế nhà nước, ông đi buôn, ông mở quán, ông vẽ... Ông tự sống. Và bây giờ, tự sống bằng ngòi bút.

Ông nói rằng nhất thiết phải vương đạo trong nghệ thuật. Ở một nơi nào đó, một lúc nào đó, ông đã nói và viết rằng phải vương đạo trong chính trị. Vương đạo thì chỉ có một. Vậy là hai khái niệm này không loại trừ nhau. Liệu nghệ thuật có vương đạo được không trong một bối cảnh chính trị vương đạo ? Tôi không hỏi, nhưng lắng nghe giọng ông, đục và khàn đi, cảm giác như hơi âm u khi nói về điều ấy, tôi biết rằng ông tin vào khao khát của mình. Và tôi muốn bị thuyết phục. Phải, lịch sử văn minh nhân loại đã cho thấy rằng một nền nghệ thuật có thể thăng hoa từ đói nghèo, mông muội, nhưng để đi xa hơn nữa, ở cái thời con người không được quyền mông muội như mấy ngàn năm về trước, nghệ thuật đòi hỏi nhiều lắm, nơi chủ thể sáng tạo, nơi khách thể thụ hưởng sáng tạo ấy.

Ông nói với bạn đọc rằng cần phải để cho mình không được nghèo. Đó là điều kiện để không bị nhục. Ở đâu, bao giờ, cũng phải như thế. Tôi không biết vali của ông có lên chặt mì gói như vali của nhiều nhà văn và cán bộ Việt Nam khi ra nước ngoài làm việc không ? Nhưng tôi tin rằng không, khi tiếp xúc với ông. Ông bày tỏ một cách thoải mái thái độ tôn trọng sự giàu có ở những xứ ông đặt chân tới ngoài Việt Nam. Tôn trọng, không phải là sùng mộ. Ông cũng kể tôi nghe về ý định sẽ mua một ngôi nhà sàn đặt chơi trong vườn nhà. Mang ngàn sấu về thành thị, một cách xuất xử hành tàng thú vị của thời nay. Đây là thái độ của người từng làm ra và biết giá trị tốt đẹp của vật chất, là thái độ của người tự sống, không bám víu vào bất kỳ một thứ lộc nào ngoài lộc trời dành cho mình : là tài năng. Chính cái đó tạo ở ông phong thái đường hoàng và giản dị hiếm thấy. Biết mình, và biết tự hào, người ta thường không màu mè. Tôi cười : đây là thái độ sống của người gần đất xa trời. Ông không cười : đây là đường gập chân lý.

Đã phải là chân lý chưa, khi ông nói, với một chút ngậm ngùi, rằng trí thức Việt Nam hiện đang sống ở hải ngoại được đào tạo tốt hơn trí thức xã hội chủ nghĩa nhà mình. Hình như, chưa có ai, trong giới văn nghệ sĩ Việt Nam hiện nay ra nước

ngoài nói thế. Muốn biết bản chất của bất kỳ hiện tượng nào, chấp nhận sự khác biệt, thừa nhận sự hơn của người, đây là thái độ của kẻ sĩ theo đúng nghĩa. Không ăn gỏi đời sống, không lên giọng phán xét, không tự đồng nhất với dân tộc, tự tách biệt với cơ cấu mà hiến pháp Việt Nam hiện thời đã cho quyền lãnh đạo cả dân tộc, ông nói giản dị, “tôi là một nhà văn danh tiếng của một dân tộc nhược tiểu”. Một dân tộc nhược tiểu gồm tám mươi triệu. Đây là một trải nghiệm cay đắng, bình tĩnh, thực tế của một người mà tôi tin rằng lịch sử văn học Việt Nam sẽ ghi nhận như là một trong những nhà văn lớn nhất của văn học Việt Nam ít nhất trong năm mươi năm đổ lại đây. Trong một nghĩa nào đó, tôi nghĩ rằng ông đã đưa văn học Việt Nam đạt tới tầm nhân loại bằng sáng tạo của mình. Ông cần một Người Dịch. Liệu có ảo tưởng không? Vì thực tế cho thấy một nhà văn càng dân tộc bao nhiêu thì càng mang tới cho dịch giả nhiều gian nan bấy nhiêu trên con đường chuyển dịch ngôn ngữ và, đồng sáng tạo.

Một nhà văn hải ngoại từng nói về văn ông: “Văn chương đến thế thì thôi”. Đây là sự bùng vỡ của thi pháp, của quan niệm về con người, về không gian lịch sử, về thời gian lịch sử, của quan niệm về biểu hiện... Điều này rất hiếm thấy ở một tác giả, ngay trong những khoảng giao thời của nghệ thuật, khi mà vấn đề hiện đại hoá nghệ thuật trở thành vấn đề sinh tử của nó. Mỗi người, từ vị trí của mình, từ kinh nghiệm sống, kinh nghiệm nghệ thuật của mình đã đọc ông một cách. Sự thụ cảm văn ông vì thế về lý thuyết là không thể giới hạn. Người thì đơn giản là không thể chấp nhận. Vì lối tưởng tượng đời sống, lối hiểu đời sống của ông. Vì giọng văn nén chặt, rất cộc, về như triết tiêu mọi cảm xúc, ngay cả khi sử dụng tính từ. Nhưng vẫn phải đọc. Người khoái cái giọng sát phạt ở một số truyện của ông, hả hê với lối mổ phanh đời sống một cách lạnh và tỉnh. Người thích cái chất thơ bùa ngải ở một số truyện khác. Kể lại để mình bị mê hoặc bởi cái lãng đãng khó định hình như sương khói, như lên đồng ở một số sáng tác gần đây hơn... Ông buộc bắt người đọc bằng cái khả năng viết không thể thay một chữ nào, và bằng khả năng ấy, ông đưa tới cho chúng ta một cách nhìn mới về lịch sử, về các cá nhân làm nên lịch sử, về nhân dân. Đùng tưởng ông bẽ vác khối tâm hồn nông dân lên mặt giấy khi ông xưng “tôi sinh ra ở nông thôn, mẹ tôi là nông dân”. Ông không giả tảng, không làm duyên bằng lý lịch. Nhân vật của ông là con người trong cái phận vừa lớn lao vừa bé mọn của mình, trong ý thức về sự biết và không biết của mình, trong nỗi buồn trước cái đẹp, cái chua chát của đời sống. Ý thức được tất cả những điều đó, quả thật “làm người khó lắm”. Tôi mê một nhà văn đã từng làm cho những kiếp sống mòn thành sống mãi, và tôi nhiều năm nay không có ý định so sánh tác gia này với bất kể người viết Việt Nam nào. Nhưng bây giờ thì tôi nói rằng nhân vật của ông, trên một tầm ý nào đó, có thể gọi tên, là nông dân, là trí thức. Nhân vật của nhà văn chúng ta đang nhắc đây, trên chính tâm ý ấy chỉ có thể gọi: Con người.

Viết, trước hết là cho mình. Cái hành vi hết sức vị kỷ này, ở thiên tài, sẽ có kết quả là báu vật cho thiên hạ. Báu vật ông trao cho chúng ta, giống như là kiếm sắc, chặt, gọt, lạng tất cả những gì màu mè, không buộc người đọc phải đồng ý với ông mà buộc người đọc đối diện với chính mình, một mình náo động. Để cuối cùng, tin ở yêu thương. Tôi vẫn luôn luôn nghĩ thế về văn ông, ngay cả khi ông phanh phui cái ác, cái không như ý thì cũng không phải là để hể hả, mà là xốt xa. Nang lực

tưởng tượng kì diệu của ông đã buộc mỗi người đọc phải tự nhận diện cái ác một lúc nào đó có thể đã xuất hiện và chế ngự chính mình, và huỷ diệt nó. Tận cùng văn ông là khả năng yêu thương và đau đớn.

Cái đấy là cái cần có ở mỗi người, và là chính yếu ở một nghệ sĩ. Đọc ông, nghe ông, tôi không nghĩ rằng tất cả đều chính xác, nhưng ẩn chứa trong đó là sự thật đó của tâm hồn ông. Vậy thì có nên băn khoăn nhiều không, vì những điều này khác ông nói có thể là chưa đúng theo ý chúng ta. Có thể, được chăng, đọc trong những khẳng định quyết liệt của ông một ý hướng chống lại áp chế, hay là một biểu hiện cái quyền ít nhiều được thất thường trong tính khí của bậc kỳ tài. Nếu ngần ngại trước các khả năng ấy, có thể nói đơn giản: là nhà văn, sống và sáng tạo ở Việt Nam trong những năm tháng này, ông không phải chịu trách nhiệm vì sự thiếu thông tin của mình.

Tôi thấy ông. Ông có đơn làm sao với hành trang nội tâm của mình. Và, vĩnh viễn đơn độc trên hành trình sáng tạo. Đây là số kiếp của những bậc chân tài. Tôi lắng nghe, và hình dung, qua những khoảng ngừng ngắn giữa lời, khi ông lặp đi lặp lại “tức là...”, như tìm lời giải đáp trước hết cho mình, và, qua âm thanh im lặng của từng con chữ rất ông. Ông đã tạo hẳn một dòng chảy mới cho văn học Việt Nam đương đại, là bóng cả của nhiều người viết hiện nay. Ông không biết ông là một trong những người thầy lớn mà tôi đã chọn để bước ra khỏi bóng của họ. Dù sao thì tôi đã không nói điều đó. Ông và tôi không cần ở nhau sự màu mè.

Một bạn viết hơn tuổi có nói rằng nếu tôi không phỏng vấn ông nhân dịp gặp ông ở nơi này thì thật đáng chém bút. Để làm gì? Và tại sao ông? Vì danh tiếng của ông? Những huyền thoại bao giờ cũng đầy dẫy xung quanh những người danh tiếng. Tôi đã đánh rơi mà không tiếc ý thích để huyền thoại bỏ bùa từ rất lâu rồi.

Đặt người đối thoại trong một quan hệ hỏi đáp nghiêm cẩn thế, sẽ chắc chắn được nghe nhiều tuyên ngôn, nhiều lời hay ý đẹp. Và khó có gì hơn thế. Nhưng tôi thích tin hơn vào những đối thoại giản dị, giữa CON NGƯỜI.

Tháng tư 2000  
Lê Minh Hà

## Diễn Đàn forum

Directeur de publication : Nguyễn Quang Đổ \* Imprimé par nos soins  
Dépôt Légal : 178/91 \* Commission Paritaire : AS 73 324 \* Prix : 25 F.

Địa chỉ bưu điện :

BP 50, 92340 Bourg-La-Reine (Pháp)

Fax: từ Pháp : 01 45 88 54 58 ; quốc tế : 33 1 45 88 54 58

Địa chỉ điện tử (E-Mail):

diendan@wanadoo.fr.

<http://perso.wanadoo.fr/diendan>

Đại diện ở các nước :

Đức : Tran, Am Stadtpark 6, 92237 Sulzbach-Rosenberg

Ba Lan : điện thoại di động 0-602 394063

địa chỉ điện tử [ldloc@friko6.onet.pl](mailto:ldloc@friko6.onet.pl)

Thẻ lệ mua báo : xin coi trang 3.

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa Mac (font PDT) hay PC (font VNI, ABC, TCVN, VPS, PDT..) ; hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet VIQR)